Tịnh Độ Tông Nhật Bản (HT Thích Như Điển dịch)

Tịnh Độ — sách & giảng giải

TNNH ĐỘ TÔNG NHẬT BẢN
Dịch giả Thích Như Điển ---o0o---
MỤC LỤC
I. Lời đầu sách 17
[01]
II. Cuộc Đời Của Thân Loan
II.1 Thân Thế Và Xuất Gia
II.2 Tham Cứu Nơi Nhà Lục Giác
II.3 Sự Hồi Tâm Của Thân Loan
II.4 "Tuyển Chọn Bổn Nguyện Niệm Phật"
II.5 Pháp Nạn Thừa Nguyên Và Lưu Đày Ở Việt Hậu
II.6 Phi Tăng Phi Tục
II.7 Sự Hành Hóa Ở Kanto (Quan Đông)
II.8 Những Năm Về Già Của Thân Loan
[02]
III. Những Trước Tác Chính Yếu
III.1 Tịnh Độ Thật “Giáo Hạnh Chứng Văn Loại”
III.2 Tịnh Độ Văn Loại Tụ Sao (1 quyển)
III.3 Ngu Ngốc Sao (2 quyển)
III.4 Nhập Xuất Nhị Môn Kệ
III.5 Tam Thiếp Hòa Tán
III.6 Ba Kinh Tịnh Độ Vãng Sanh Văn Loại
III.7 Tôn Hiệu Chơn Tượng Minh Văn
III.8 Nhứt Niệm Đa Niệm Văn Ý
III.9 Duy Tín Sao Văn Ý (1 quyển)
III.10 Thân Loan Thánh Nhơn Ngự Tiêu Tức
III.11 Huệ Tín Ni (Eshinni) Tiêu Tức
III.12 Thán Dị Sao (1 quyển)
[03]
IV. Lời Dạy Của Thân Loan
IV.1 Ngôn Ngữ Của “Thán Dị Sao”
IV.1.1 Lời Thệ Nguyện Của Phật A Di Đà
IV.1.2 Cứu Độ Bình Đẳng
IV.1.3 Lành Cũng Không Cầu, Ác Cũng Không Sợ
IV.1.4 Con Đường Vãng Sanh Cực Lạc
IV.1.5 Chỉ riêng niệm Phật

IV.1.6 Biến Đổi Kẻ Ngu
IV.1.7 Niệm Phật Phát xuất Từ Truyền Thống
IV.1.8 Cơ Duyên của Người Ác
IV.1.9 Không Mang Theo Một Đệ Tử Nào
IV.1.10 Qua Sự Từ Bi
IV.1.11 Tâm Hoan Hỷ Lành Mạnh
IV.1.12 Biết Rõ Sự Liên Hệ Với Phật
IV.1.13 Không Lưu Luyến Nơi Tịnh Độ
IV.1.14 Lòng Tin Được Chở Che
IV.1.15 Một Người Như Thân Loan.
IV.1.16 Phê Phán Về Thiện Ác
IV.1.17 Niệm Phật Là Suối Nguồn
IV.2 Lời Dạy Về “Tam Thiếp Hòa Tán”
IV.2.1 An Dưỡng Tịnh Độ
IV.2.2 Là Cõi (Báo Độ) Nguyện Lực Thành Tựu
IV.2.3 Đức Phật A Di Đà
IV.2.4 Phật A Di Đà Thành Phật từ lâu xa
IV.2.5 Nhiếp Thủ Bất Xả
IV.2.6 Đức Phật Thích Ca Và Đức Phật A Di Đà
IV.2.7 Tha Lực Bất Tư Nghì
IV.2.8 Tín Tâm Chánh Nhân
IV.2.9 Trí Tuệ của Lòng Tin
IV.2.10 Sự Chướng Ngại Nương Vào Nơi Đức
IV.3 LỜI DẠY CỦA HÒA NGỮ THÁNH GIÁO
IV.3.1 Pháp Tánh, Pháp Thân Và Phương Tiện Pháp Thân
IV.3.2 Lắng Nghe Danh Hiệu
IV.3.3 Lòng Tin Là Gì?
IV.3.4 Hiện Sanh Chánh Định Tụ
IV.3.5 Giống Như Đức Như Lai
IV.3.6 Trừ Những Kẻ Ngũ Nghịch Hủy Báng Chánh Pháp
IV.3.7 Thang Thuốc của Đức Phật A Di Đà
IV.3.8 Pháp Tự Nhiên Như Thế
IV.4 Lời dạy về “Giáo Hành Chứng Văn Loại”
IV.4.1 Pháp Tạng Bồ Tát
IV.4.2 Vãng Tướng Hồi Hướng và Hoàn Tướng Hồi Hướng
IV.4.3 Lời Dạy Chân Thật
IV.4.4 Hạnh Chân Thật
IV.4.5 Sắc Mệnh của Bổn Nguyện Mời Gọi
IV.4.6 Sự Thực Hành Một Niệm

IV.4.7 Lòng Tin Nhứt Niệm
IV.4.8 Lòng Tin Chân Thật
IV.4.9 Hai Loại Tin Sâu
IV.4.10 Sự Chứng Quả Chân Thật
IV.4.11 Chuyển Nhập Tam Nguyện
IV.4.12 Vui Mừng Khi Gặp Pháp
IV.4.13 Sự Thệ Nguyện Sâu Dày Của Tâm
IV.4.14 Buồn Thay!
[04]

V. Lời Cuối Sách VI. Tiểu Sử Kakehashi Jitsuen VII. Nhà Xuất Bản

Lời đầu sách Đã từ lâu người Phật Tử Việt Nam chúng ta làm quen với Tịnh Độ Tông Việt Nam và Tịnh Độ Tông Trung Hoa; nhưng Tịnh Độ Tông Nhật Bản dường như rất ít người lưu tâm đến. Có lẽ nhiều người nghĩ rằng, đã là Tịnh Độ thì Phật Giáo nước nào cũng giống nhau thôi. Điều đó không sai nhưng nói như thế không hoàn toàn đúng. Vì lẽ cây giác ngộ có thể chung cùng một gốc; nhưng cành lá giác ngộ có thể không giống nhau. Vì qua việc truyền thừa của Chư Tổ khi tiếp nhận cũng như tiêu hóa giáo lý phải kinh qua văn hóa, phong tục, tập quán cũng như ngôn ngữ của nước mình. Do vậy, hôm nay chúng tôi muốn giới thiệu đến quý vị một cuốn sách viết về cuộc đời và sự tu chứng cũng như những trước tác của Ngài Thân Loan (Shinran) người Nhật Bản sanh vào cuối thế kỷ thứ 12 và sách này do tác giả Kakehashi Jitsuen đặc biệt trình bày về quan điểm của Tịnh Độ Tông theo lối nhìn của người Nhật và biết đâu các Phật tử Việt Nam chúng ta sẽ có tài liệu để tham cứu một tông phái vốn chiếm 2 phần 3 trong các Tông phái Phật Giáo Nhật Bản ngày nay. Người Nhật khi nghe đến Shinran Shonin (Thân Loan Thánh Nhân) họ liền hiểu ngay gần như là Giáo Tổ của Tịnh Độ Tông Nhật Bản, nhưng thật ra Tịnh Độ Tông Nhật Bản không phải bắt đầu từ thế kỷ thứ 12 mà trước đó đã có Shotoku Taishi (Thánh

Đức Thái Tử) đã tu học pháp môn này từ thế kỷ thứ 6,7 (ông sinh năm 574, băng hà năm 622) rồi sau đó đến Ngài Nguyên Tín, Pháp Nhiên[1], tiếp theo sau mới đến Thân Loan. Thân Loan là đệ tử của Pháp Nhiên nhưng hầu như người ta ít lưu tâm đến Pháp Nhiên hơn là Thân Loan. Do vậy chúng ta thử duyệt qua những điểm chính về cuộc đời, sự tu học, tư tưởng, những trước tác v.v..., để từ đó chúng ta rõ hơn về con người của Thân Loan mà người Nhật đã tôn Ngài là bậc Thánh. Thân Loan sinh năm 1173 và viên tịch năm 1262. Ngài có một cuộc đời dài đằng đẳng gần một thế kỷ như thế để làm người và được làm Thánh sau khi viên tịch. Năm lên 9 tuổi đã xuất gia tại núi Tỷ Duệ thuộc Tông Thiên Thai. Ngài ở đó tu học 20 năm trường và vẫn tu học theo môn phái này, đồng thời cũng hành trì theo pháp môn niệm Phật và chuyên tu về lời nguyện thứ 19 cũng như 20 của Đức Phật A Di Đà. Sau 20 năm như thế vẫn chưa rõ được sự sanh tử, nên năm 29 tuổi Ngài đã tìm đến Ngài Pháp Nhiên để tham cứu về Tịnh Độ. Sau hơn 4 năm tu học với Ngài Pháp Nhiên, Ngài đã tỏ ngộ được sanh tử và sự giải thoát như chuyên tâm tu học theo lời nguyện thứ 18 của Đức Phật A Di Đà. Đến năm 34 tuổi nhằm năm Nguyên Thừa Nguyên Niên, tức năm 1207 bị đày sang Etsugo vì lẽ có nhiều tông

phái khác tại Nara lúc bấy giờ không thích pháp môn Tịnh Độ và cho Pháp Nhiên cũng như Thân Loan là đi sai lời dạy của Phật; nên những giáo phái có thế lực với triều đình lúc bấy giờ đã xin đày Ngài Thân Loan đi Việt Hậu (Etsugo). Đến năm Kiến Lịch nguyên niên nhằm năm 1211, Thầy trò Thân Loan mới được miễn tội. Lúc này ông ta đã 38 tuổi; nghĩa là thời gian bị lưu đày 5 năm. Trong 5 năm ấy ông vẫn thực hành pháp môn Niệm Phật. Đến năm 42 tuổi Thân Loan về Kanto để hướng dẫn cho nhiều người tu pháp môn Niệm Phật nầy. Ông ở tại đó, suốt trong vòng 20 năm. Nghĩa là cho đến năm ông 62 tuổi và kể từ lúc ấy ông về lại Kyoto để ở cũng như trước tác các tác phNm khác và dạy đệ tử cho đến năm Thân Loan 90 tuổi thì viên tịch. N hư vậy cuộc đời của N gài có thể chia ra làm những giai đoạn như sau: Giai đoạn một từ khi sinh ra cho đến khi xuất gia tu học tại núi Tỷ Duệ. Giai đoạn hai kể từ khi về với Pháp N hiên làm đệ tử. Giai đoạn ba là giai đoạn lưu đày. Giai đoạn bốn tuy không nói rõ trong sách này nhưng cũng là một giai đoạn quan trọng. Đó là giai đoạn Thân Loan lập gia đình và sinh đến 6 người con, cả trai lẫn

gái. Giai đoạn năm là giai đoạn truyền bá pháp môn Tịnh Độ tại Kanto và giai đoạn sáu từ khi về lại Kyoto lúc 62 tuổi đến năm 90 tuổi. Trong từng giai đoạn của cuộc đời N gài, giai đoạn nào cũng khá quan trọng, thiết nghĩ chúng tôi không bàn rộng ở đây mà xin để cho độc giả lần vào trong từng trang sách một sẽ biết rõ được điều ấy. Ở đây chúng tôi chỉ xin muốn tuần tự điểm qua một số nét chính như vừa gợi ý bên trên để độc giả có thể nắm bắt ý chính một cách dễ dàng mà thôi. Về sự tu học của Thân Loan như chúng ta đã rõ, N gười vẫn hằng tin vào câu niệm Phật; nhưng ban đầu ông dùng tự lực của mình để mong tỏ ngộ chân lý, nhưng cuối cùng không được, ông đã chuyển sang niệm Phật theo Bổn N guyện Tha Lực của Đức Phật A Di Đà; nghĩa là khi niệm Phật tức là lúc chúng ta tin tưởng và giao phó trọn vẹn thân tâm ta cho Phật, để Phật sẽ dùng cái Đức mà đến cứu độ ta và tự lực phải hoàn toàn buông bỏ. Đây cũng là một điểm khác đối với Phật Tử Trung Quốc và Việt N am. Trung Quốc và Việt N am chúng ta theo pháp tu Tín, Hạnh, N guyện; nhưng theo N gài Thân Loan không tuần tự như thế mà qua Giáo, Hạnh, Tín, Chứng. Đây cũng là một điểm khác nữa nổi bật trong sự thực hành pháp môn N iệm Phật theo Thân Loan và theo người N hật trong hiện tại. N gày xưa và nay cũng thế những người có thế và lực thường hay dựa vào thế quyền để uy hiếp những kẻ yếu và Thân Loan khi thực hành pháp môn N iệm Phật có lẽ vì có nhiều người theo; nên những tông phái khác không thích chăng? Do vậy mà mới cậy vào thế của Triều Đình để bắt ông cùng đồ chúng phải bị lưu đày trong 5 năm như thế. Từ năm 39 đến 42 tuổi không thấy đề cập đến nhiều; nhưng có lẽ đây là thời gian ông lập gia đình và sống một cuộc đời Phi Tăng Phi Tục. Đây cũng là một cái nhìn hơi khác với Phật Giáo Việt N am hay các nước Phật Giáo Đông N am Á Châu khác. Khi bị tù đày, chắc chắn khó có người đến để chăm nom săn sóc; nên lúc ở Việt Hậu có người con gái của Binh Bộ Đại Bổ lấy ông làm chồng và sau đó người này cũng xuất gia với pháp danh là Huệ Tín. Có thể nói rằng lúc ông đang ở trong tù tức từ năm 34 tuổi cho đến sau 5 năm ở tù năm ông 39 tuổi và kéo dài thời gian 3 năm nữa cho đến năm ông 42 tuổi, khi rời Việt Hậu để đi Kanto là thời gian có những mối tình đẹp với người con gái con quan như thế. Đây có thể là mối tình công khai chứ không phải là một mối

tình vụng trộm nơi cửa Thiền và cũng bắt đầu từ đó trở đi hầu như 90 phần trăm Tu sĩ Tịnh Độ Tông của N hật Bản lập gia đình. N ếu kể cho đúng năm tháng ngày giờ phải nói từ năm 1215 cho đến bây giờ (2006) đã gần 800 năm rồi. N goài ra tất cả những Tăng sĩ khác đã bị bắt buộc phải lập gia đình qua sắc lệnh của Minh Trị Thiên Hoàng (Meiji Tenno) vào năm 1868. N ghĩa là cách nay cũng đã 130 năm. Trong khi đó Việt N am chúng ta nằm cách N hật Bản không xa mấy về địa lý; nhưng hoàn toàn không rõ về vấn đề này. Ở đây chúng tôi không nói, việc lập gia đình đối với Tăng sĩ là tốt hay xấu, nên hay không nên; nhưng việc này tùy theo quan niệm, cũng như tập quán của từng dân tộc mà thôi. Có lẽ chúng ta sẽ rõ hơn việc này khi điểm qua về tư tưởng của Thân Loan như dưới đây: Thân Loan vẫn tin là niệm Phật được vãng sanh; nhưng không tin vào tự lực. Chỉ tin vào tha lực và sự vãng sanh theo chủ trương của N gài là trực tiếp vãng sanh thành Phật, không cần trải qua các giai đoạn khác để hành Bồ Tát Đạo qua Thập Địa và Cửu PhNm Liên Hoa, do sự tu nhơn tích đức ở đời này như các Tông phái N hiếp Luận, Tam Luận Tông và Chơn N gôn Tông hằng chủ trương. N ghĩa là "Hiện Sanh Thành Phật" có nghĩa là chỉ một đời tu niệm Phật sẽ được thành Phật ngay sau khi lâm chung, do nhờ cái Đức nhiếp hóa và sự chở che của Đức Phật A Di Đà và đó là "Tha Lực Bổn N guyện". Có lẽ vì quan niệm như thế cho nên Tăng hay Tục; người có gia đình hay không có gia đình, tất cả đều giống nhau. N ếu một lòng chuyên niệm N am mô A Di Đà Phật và thực hành theo nguyện thứ 18 đó là: "Ta thề sẽ không giữ ngôi chánh giác, nếu có một chúng sanh nào đó trong 10 phương quốc độ, niệm đến danh hiệu ta mà không được cứu độ thì quyết không thành Phật. Duy chỉ trừ những kẻ mang tội ngũ nghịch và không tin theo chánh pháp".

N gài Thân Loan Ở đây theo lời nguyện này Phật sẽ cứu độ không bỏ một ai, chỉ trừ những người như đã nêu trên, nhưng nếu những người như thế mà có tâm hối cải thì cũng vẫn được độ như thường. Theo tinh thần của kinh Di Đà nội dung rõ ràng là như thế. Bước qua lãnh vực Kinh Báo Ân Phụ Mẫu thì Phật dạy N gài Mục Kiền Liên phải nhờ vào năng lực của Chư Tăng sau 3 tháng An Cư Kiết Hạ mới cứu

người mất được siêu thoát. N hưng tiến xa hơn nữa là Kinh Đại Bát N iết Bàn, PhNm Phạm Hạnh, Đức Phật đã khẳng định rằng: N hứt Xiển Đề và những người phạm tội ngũ nghịch cũng có khả năng thành Phật; nếu họ biết ăn năn sám hối. Vì sao vậy? Vì tất cả các pháp đều có tính cách bất định; nên N hứt Xiển Đề cũng bất định. N gày hôm qua có thể là N hứt Xiển Đề; nhưng ngày hôm nay và ngày mai nếu những người phạm tội ngũ nghịch và N hứt Xiển Đề ấy sám hối, ăn năn tội lỗi xưa của mình thì chắc chắn cũng sẽ thành Phật. Đây chính là tư tưởng của Giáo Lý Tối Thượng Thừa. Có lẽ Thân Loan căn cứ theo đây mà cho rằng: Chỉ cần một đời niệm Phật theo Bổn N guyện Tha Lực của Đức Phật A Di Đà chắc chắn sẽ thành Phật. Điều này cũng khác với quan niệm của Phật Tử Việt N am và Trung Quốc là cõi Cực Lạc chính là cõi Phàm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ, chứ không phải nơi ấy chỉ toàn là bậc Thánh. Quan niệm về Vãng tướng và Hoàn Tướng cũng khác với quan niệm của người Phật Tử Việt N am chúng ta. Vãng tướng có nghĩa là sau khi lâm chung sẽ được vãng sanh về Cực Lạc rồi thành Phật. Còn Hoàn Tướng có nghĩa là sau khi vãng sanh về thế giới Cực Lạc thành Phật; nhưng sau khi thành Phật thấy chúng sanh còn đau khổ nơi thế giới Ta Bà này nên phát nguyện

về đây để độ sanh. Thân Loan quan niệm rằng Đức Thích Ca Mâu N i Thế Tôn là hiện thân qua Pháp Thân Phương Tiện của Đức Phật A Di Đà để thành đạo dưới gốc cây Bồ Đề tại Ấn Độ và ông ta quan niệm rằng từ Thế Thân, Long Thọ (Ấn Độ), Đàm Loan, Đạo Xước, Thiện Đạo (Trung Quốc), N guyên Tín, Pháp N hiên (N hật Bản) đều là những Hóa Thân Phương Tiện của Đức Phật A Di Đà. Ông còn đi xa hơn nữa là những loài bò bay, máy cựa vi tế côn trùng cũng là Hóa Thân của Đức A Di Đà thảy. N hư thế tư tưởng này khó đọc thấy nơi những tác phNm khác của Tịnh Độ Tông Việt N am chúng ta. Với những trước tác của ông rất quan trọng, mà quan trọng nhất có lẽ là "Giáo Hành Chứng Văn Loại". Theo tác giả Kakehashi Jitsuen cho rằng ông ta viết tác phNm này cho chính mình; nhưng trên thực tế người đời sau lấy đó làm Kim Chỉ N am cho sự tu hành của mỗi người. Điều đặc biệt trong những trước tác ấy mà nội dung có điểm qua trong phần đầu của sách này, mãi cho đến năm Thân Loan 85, 87 tuổi vẫn còn cho rằng những tư tưởng ấy là của Thầy ông, Pháp N hiên, chứ không phải của ông. Ông khiêm nhường và tự trọng nên cho mình là kẻ ngu ngốc; nhưng trên thật

tế ông chả ngu ngốc chút nào. Ông cho rằng mình chưa nhập vào Chánh Định Tụ; nhưng trên thực tế Ông đã vào Chánh Định Tụ từ lâu rồi. Ông tự bảo rằng Ông là người vẫn còn tham dục, lợi danh, bị ái dục sai sử, nhưng ông đã vãng sanh từ lâu rồi. Chính ông không tự đưa mình vào chỗ giác ngộ, nhưng người đời sau đã chứng minh rằng ông đã giác ngộ qua những sự tôn kính của đệ tử mình. Lẽ ra Thầy mình là Pháp N hiên phải được nhắc nhở nhiều hơn như khi Thân Loan còn tại thế, nhưng hình ảnh của Pháp N hiên mờ nhạt sau tư tưởng của Thân Loan quả là việc: "Con hơn cha, nhà có phước và học trò hơn Thầy vẫn là điều đáng ca ngợi cũng như đáng tán dương biết bao". Hình ảnh này cũng ít thấy nơi Phật Giáo Việt N am bao nhiêu. Tịnh Độ Tông Trung Quốc gồm có 13 vị Tổ. Bắt đầu từ N gài Huệ Viễn ở Lô Sơn đời nhà Tấn vào thế kỷ thứ 4 và cuối cùng là N gài Ấn Quang Đại Sư ở thế kỷ thứ 20. Thật ra Thầy của N gài Huệ Viễn là N gài Đạo An nhưng vẫn không nổi tiếng bằng đệ tử và thật ra Tịnh Độ Tông Trung Quốc bắt đầu từ N gài Bồ Đề Lưu Chi đến N gài Lạc Dương vào thời nhà N gụy và đã truyền Tâm Tịnh Độ cho N gài Đàm Loan; nhưng cả những vị này đều ít được đề cập đến như những đệ tử của mình sau nầy. Riêng Việt N am chúng ta, Tịnh Độ Tông trong thế kỷ thứ 20 và 21 chiếm đa số, mặc dầu vào những thế kỷ thứ 10 đến thứ 18 Thiền Tông chiếm địa vị độc tôn, nhưng tiếc rằng Tịnh Độ Tông Việt N am không có sự truyền thừa rõ ràng như Phật Giáo Trung Quốc và Phật Giáo N hật Bản. Ở những nước này có sự khai tông lập giáo. Còn Việt N am chúng ta ngoại trừ bên Thiền Tông có Vua Trần Thái Tông và vua Trần N hân Tông vào thế kỷ thứ 13 có lập nên phái Trúc Lâm Yên Tử là đặc biệt Thiền của Việt N am, còn hầu như 10 hay 13 Tông phái khác Việt N am không có sự truyền thừa rõ ràng. Mới đây Thượng Tọa Trí Siêu Lê Mạnh Thát là một Giáo Sư học giả của Phật Giáo Việt N am đã soạn được bộ Lịch sử Phật Giáo Việt N am tập 1, 2 và 3 rất có giá trị. Trong tập 1 Thượng Tọa đã căn cứ theo Lục Độ Tập Kinh trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh để bình chú và cho biết thêm theo tinh thần các văn bia còn sót lại tại các chùa ở miền Bắc Việt N am đã cho thấy rằng Đạo Phật đã được truyền vào Việt N am chúng ta từ thế kỷ thứ 1, thứ 2 trước Thiên chúa; nghĩa là từ thời Hùng Vương thứ 18 và hai

người Phật Tử đầu tiên của Việt N am chúng ta là Chữ Đồng Tử và công chúa Tiên Dung. Trong quyển 1 tác giả có chứng minh việc có liên hệ đến Tịnh Độ Tông Việt N am rất quan trọng. Đó là N gài Đàm Hoằng tu theo pháp môn Tịnh Độ Thập Lục Quán của Kinh Quán Vô Lượng Thọ ở núi Tiên Du Bắc Việt và cuối đời tự thiêu, được vãng sanh. N hư vậy kinh Quán Vô Lượng Thọ chắc chắn phải bằng chữ Hán và N gài Đàm Hoằng này có liên hệ gì với N gài Đàm Loan người Trung Quốc chăng? Dĩ nhiên trước N gài Đàm Hoằng phải còn những vị Tổ Sư Việt N am tu theo Tịnh Độ Tông nữa. N ếu không làm sao N gài Đàm Hoằng có thể tu chứng và quán thành tựu một cách dễ dàng như thế và sau N gài Đàm Hoằng là vị nào nữa của những thế kỷ thứ 5, thứ 6 sau N gài Tỳ N i Đa Lưu Chi vốn là Thiền Tông từ Ấn Độ và Trung Quốc được truyền sang Việt N am chúng ta? Hy vọng Thượng Tọa học giả Trí Siêu Lê Mạnh Thát sẽ còn dẫn chứng nhiều tài liệu khác độc đáo hơn, để chúng ta còn hệ thống hóa được những vị Tổ Sư về Tịnh Độ của Việt N am. Mãi cho đến thế kỷ thứ 19, 20 và đầu thế kỷ thứ 21 Việt N am chúng ta mới quan tâm trở lại về Tịnh Độ; nhưng đoạn đầu, khoảng giữa và ngay cả về sau này do sự không có khai tông lập giáo rõ ràng như Trung Hoa và N hật Bản; nên Phật Tử Việt N am tu theo Tịnh Độ Tông vốn có những khó khăn nhất định về sự định nghĩa của việc truyền thừa. N ăm nay là năm thứ 4, Thầy trò chúng tôi lại có cơ duyên đến Úc để nhập thất, hành trì cũng như dịch sách đã được thật nhiều an lạc nơi nội tâm và hoan hỷ với ngoại cảnh. N ăm đầu chúng tôi dịch tác phNm Đại Đường Tây Vức Ký của N gài Huyền Trang từ chữ Hán sang tiếng Việt. Bản dịch này đã được xuất bản tại Hoa Kỳ, Úc Châu và Âu châu cũng như Việt N am trong hiện tại với số lượng không dưới 10.000 cuốn. N goài ra Đạo hữu Tâm Kiến Chánh ở Hoa Kỳ qua CD, Đạo hữu cũng đã lồng âm vào đĩa và đã được Phật Tử khắp nơi lắng nghe pháp âm của Đại Đường Tây Vức Ký. N ăm thứ 2 chúng tôi dịch Đại Thừa Bồ Tát Tập Học Luận của N gài Santideva; những người nghiên cứu thì rất thích, nhưng ít có tính phổ thông hơn quyển trên. Đến năm thứ 3 chúng tôi dịch quyển Thiền Lâm Tế N hật Bản từ tiếng N hật sang tiếng Việt, đã được nhiều người trong cũng như ngoài nước đón nhận một cách hết sức chân thành với mục đích nghiên cứu và học hỏi thêm Phật Giáo của xứ người. Đồng thời

cũng năm ấy chúng tôi phóng tác quyển "Giai nhân và Hòa thượng". Đây là một tiểu thuyết Phật Giáo có tính cách tình cảm tâm lý, xã hội, giáo dục cũng được các Phật Tử ở trong và ngoài nước đón nhận một cách rất nồng nhiệt và hy vọng sách này còn nhiều chuyển biến lớn hơn trong tương lai nữa. N ăm nay 2006 chúng tôi quyết định chuyển dịch tác phNm thứ 48 này từ tiếng N hật sang tiếng Việt, nhan đề là Tịnh Độ Tông N hật Bản và nội dung như quý vị đã lược qua như trên. Hy vọng cũng sẽ có được nhiều người đón nhận như thế. Sách này dày 250 trang khổ A5. Giá bán ở N hật là 2500 Yen chưa kể thuế. Tính ra chừng 20US Dollars. Tôi bắt đầu đọc sách này lần đầu vào ngày 18.7.2006 và đọc xong sách vào ngày 4 tháng 10 năm 2006 tại Hoa Kỳ. Tôi những tưởng Tịnh Độ Tông tương đối dễ dịch hơn Thiền Tông. Vì lẽ những danh từ Tịnh Độ và tư tưởng Tịnh Độ đã quá quen thuộc, nhưng điều ấy tôi đã lầm và có lẽ quý độc giả cũng như thế. Văn chương, tư tưởng của Tịnh Độ không nghèo qua 6 chữ N am mô A Di Đà Phật, mà có cả một rừng công đức, ngay cả N gài Phổ Hiền trong Pháp Hội Hoa N ghiêm phNm thứ 81 còn cầu nguyện vãng sanh về Tây phương Tịnh Độ. Còn ta so ra với các N

gài chẳng là gì cả, không bằng hạt cát trong đại dương. N ăm nay 2006 Thầy trò chúng tôi đến Úc vào ngày 16 tháng 11 năm 2006 sau khi đã đi Ấn Độ tu học, lễ bái tại Bồ Đề Đạo Tràng cũng như Trung tâm Tu học Viên Giác. Sau đó đến Thái Lan tham dự lễ An Vị Phật Tây Phương Tam Thánh tại Cực Lạc Cảnh Giới Tự ở Chaingmai của Thầy Hạnh N guyện và tiếp đó Thầy trò chúng tôi đi Miến Điện để đảnh lễ 8 sợi tóc của Đức Phật thờ tại chùa Schwedagon ở thủ đô Rangon. Từ đó bay qua Úc vào ngày 16 tháng 11 đến chùa Pháp Bảo ở Sydney và ngày 20 tháng 11 năm 2006 Thầy trò chúng tôi lên núi cũng như bắt đầu phiên dịch sách này đến ngày 15 tháng 12 năm 2006 thì xong. N hư vậy sách này được dịch ròng rã trong 4 tuần lễ, mỗi tuần 5 ngày và mỗi ngày độ 6 tiếng đồng hồ. Tổng cộng 120 tiếng đồng hồ phiên dịch như thế. Tác phNm này có nhan đề "Thân Loan và những lời dạy của N gài"; nhưng tôi đặt cho tiêu đề mới là "Tịnh Độ Tông N hật Bản" cho có tính cách bao quát hơn. Vì gọi Thân Loan thì chỉ có người N hật biết rõ, trong khi đó người Việt khó am tường. Lần đầu tiên sách này được xuất bản vào năm 1999 và năm 2005 đã tái bản đến 4 lần. Mỗi lần xuất bản số lượng không cho biết là bao nhiêu; nhưng tôi tin rằng ở N hật người đọc sách và nghiên cứu về Tịnh Độ

không ít. Sách này do nhà xuất bản Đại Pháp Luân Các ở Shibuya, Tokyo ấn hành và năm rồi (2005) khi in tác phNm Thiền Lâm Tế N hật Bản, tôi đã viết thư qua N hật xin phép tác giả và nhà xuất bản để in và ấn tống tại ngoại quốc cho độc giả Việt N am đọc. Tất cả đều được hoan hỷ và cho phép. N ăm nay cũng vậy, sau khi xong tác phNm này tôi sẽ biên thư bằng tiếng N hật xin phép để được xuất bản tiếp tục. N ếu không có gì thay đổi về sức khỏe chúng tôi sẽ lần lượt đến Úc nhập thất và sẽ dịch các tác phNm bằng tiếng N hật của các tông phái khác như Pháp Hoa, Mật Tông, Thiền Tào Động v.v.., để các độc giả Việt N am sau này khi nghiên cứu đến Phật Giáo N hật Bản có tài liệu tra cứu. N ăm nay chỉ có một mình Hạnh Bổn đánh máy nên chúng tôi đã nhờ thêm Thầy Phổ Huân cũng như Cô Giác Anh tiếp tay với chú để tác phNm này hoàn chỉnh trước khi về lại Đức để chuNn bị in và ấn tống năm 2007. N goài ra chúng tôi cũng đã nhờ Thượng Tọa Thích Đồng Văn gò lại câu văn dịch một lần nữa để cho được Việt hóa hoàn toàn. Điều vô cùng quan trọng là cần phải có sự giảo chánh lại cho suông sẻ câu văn và ý tưởng; nếu không chúng ta sẽ bị N hật hóa lúc nào không hay biết. Việc này tôi cần đến sự giúp đỡ tận tình của Hòa Thượng Thích Bảo Lạc vốn là bào huynh của tôi, trước đây đã tốt nghiệp Đại Học Phật Giáo Komazawa ở N hật, xem lại lần cuối và đối chiếu cả tiếng N hật lẫn tiếng Việt để còn ít lỗi chừng nào càng hay chừng ấy. N hất là không phụ lòng những người trông đợi một tác phNm như thế này. N ăm nay cũng là năm Hòa Thượng Thích Bảo Lạc đã đến Úc được 25 năm (1981-2006) và sau khi kiến tạo ngôi chùa Pháp Bảo được trang nghiêm cũng như hướng dẫn hàng ngàn người đi vào nẽo đạo. Đồng thời Hòa Thượng cũng muốn tiếp tục nhập thất và dịch kinh viết sách tiếp theo của gần 40 tác phNm đã trước tác; nên vào ngày 24 tháng 12 năm 2006 Hòa Thượng nhân lễ Kỵ Tổ Minh Hải khai sơn Thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh tại Hội An, Quảng N am đã trở về ngôi Phương Trượng và làm lễ truyền thừa cho Đại Đức Thích Phổ Huân lên trụ trì chùa Pháp Bảo kế tục đời thứ 44 của phái Lâm Tế. Đây là một hình ảnh đẹp tuyệt vời của Phật Giáo Việt N am ở Hải N goại ngày hôm nay. Vì lẽ "Thừa Ân Pháp N hũ" để nối lại giòng pháp vốn dĩ linh thiêng từ Chư Tổ như thế chúng

ta chỉ có bổn phận tiếp nối, giống như "Y Bát Chơn Truyền" của "Tổ Đức Lưu Phương" mà bao đời nay chúng ta vẫn còn gìn giữ.

Sinh ngữ được gọi là một ngôn ngữ sống và tử ngữ được gọi là ngôn ngữ đã chết. Tuy tiếng N hật là một sinh ngữ, nhưng tôi xa N hật từ năm 1977 cho đến nay 2006, kể cũng đã gần 30 năm; nhưng tôi vẫn còn tự tin để dịch ra tiếng Việt như thế là nhờ suốt trong những năm ở N hật từ năm 1972 đến năm 1977 tôi ở chùa N hật, tụng kinh bằng tiếng N hật và thực hành ngôn ngữ ấy hằng ngày và dùng nó gần như tiếng mẹ đẻ; nên tôi có thể tự tin để dịch như thế như ngày hôm nay. Ơn ấy xin hồi hướng lên Tam Bảo chứng tri và cảm tạ thâm ân Thầy Trụ Trì Oikawa chùa Bổn Lập ở Hachioji, vốn là Giáo Sư tiếng Pali tại Đại Học Risso, người đã cưu mang cho tôi ở chùa và ăn học tại N hật trong thời gian lưu học. Chùa Pháp Bảo tại Sydney nơi có quý Cô Giác Thủy, Giác Trí, Giác Duyên, Giác Anh đang tu học dưới sự hướng dẫn của Hòa Thượng Thích Bảo Lạc cùng với gia đình Đạo hữu Chúc Liêm, Thiện Minh, Diệu Mai, Chúc Hương và còn nhiều đạo hữu khác nữa đã trợ duyên phần Nm thực cũng như các phương tiện khác để Thầy trò chúng tôi hoàn thành một việc nhỏ trong bao nhiêu việc lớn khác của Tam Bảo. Quả là ơn này nói không bao giờ cùng tận. Cũng hy vọng rằng các vị Tịnh Hạnh N hơn Chúc N hận và Chúc Cang được xuất gia trong ngày truyền thừa cũng sẽ tinh tấn hơn trong cuộc đời tăng sĩ của mình. Lời cuối xin niệm ơn tất cả và xin cầu nguyện cho thế giới hòa bình, nhân sinh an lạc. Viết lời tựa xong ngày 24 tháng 12 năm 2006 tại núi đồi Đa Bảo nhân lần nhập thất thứ 4 tại đây và hôm nay cũng là ngày Kỵ Tổ Chúc Thánh và lễ truyền thừa cho Đại đức Thích Phổ Huân trụ trì chùa Pháp Bảo Sydney đời thứ 44.

Dịch giả Thích N hư Điển

_____ [1] Thế danh của N gài Pháp N hiên là Phòng N guyên Không

II.1 Thân Thế Và Xuất Gia Thân Loan (Shinran)- tên lúc nhỏ không rõ - được sinh ra trong một gia đình bình dân, ở N hật Dã (Hino), ngoại ô Kyoto (Kinh

Đô), vào mùa xuân năm Thừa An[2] (Yoan) thứ 3, cuối thời Bình An (Heian). Thân phụ là Đằng N guyên N hứt Môn (Tohara Hitoshimon) trôi nổi đến vùng N hật Dã, đổi tên thành Hữu Phạm, làm quan đến chức Quyền Đại Tiến trong cung Hoàng Thái Hậu. Ông mất năm nào cũng không rõ, Đời sau căn cứ vào sự chứng ngộ viết trong quyển "Bản Đồ Chi Phái Ở Hino" vào năm 1541 mới rõ. Thân Loan có bốn người em tên là: Tầm Hữu (Yinu) làm quan chức Quyền Thiểu Tăng Đô; Kiêm Hữu (Kaneu) làm Quyền Luật Sư; Hữu Ý (Arui) làm Pháp N hãn và Hành Kiêm (Okokane) làm Quyền Luật Sư. Riêng Tầm Hữu và Kiêm Hữu còn được nêu danh trong sử sách thời N am Bắc Triều. Phạm Cương, anh của Hữu Phạm - bác của Thân Loan – vốn là Tiến Sĩ Văn Chương, tước vị N hược Hiệp Thốn – đứng vào hàng thứ ba trong Đại gia Phạm Cương ở Hino. N hờ ông ở cương vị nầy mà Tông N ghiệp ở Hino được nổi danh từ ấy. N hững người em của Thân Loan là Tầm Hữu (Yinu), Kiêm Hữu (Kaneu) và Hành Kiêm (Okokane) đều là con nuôi của bác Phạm Cương cả. Mùa xuân năm Dưỡng Hòa[3] N guyên N iên, Thân Loan được ông bác Phạm Cương cũng là dưỡng phụ cho xuất gia làm đệ tử Thầy Từ Viên (Yien) khi

tuổi vừa lên 9, với pháp danh là Phạm Yến. Vào chùa với phong cách là con quý tộc nhưng Thân Loan không quan hệ với quan quyền. Không ai đề cập đến lý do sao Thân Loan xuất gia đầu Phật. Thế nhưng sau khi N gài xuất gia, thân phụ là Hữu Phạm (Arinori) từ quan rời cung đình lui về Nn cư tại Tam Thất Hộ (Mimuroto), cũng chẳng có lý do gì chánh đáng cả. N ăm Trị Thừa thứ 4, thân phụ N gài lại phải vào lính và tử trận trong thời N guyên Lại (sau nầy gọi là con của Bạch Hà Pháp Hoàng). Thật ra, từ quan lui về sống Nn dật ở Tam Thất Hộ (Mimuroto) đã được gọi là "Đi vào con đường Nn cư ở Tam Thất Hộ". N hưng cả hai việc xuất gia của Thánh N hơn và từ quan của thân phụ, không có liên hệ gì với nhau cả, cũng chẳng phải là lý do mà năm anh em của Thân Loan đi xuất gia. Thầy Từ Viên[4] (Yien) - Bổn sư thế độ của Thân Loan - là con của Tohara Tadamichi (Đằng N guyên Trung Thông), em của Đằng N guyên Kiêm Thật (Tohara Kaneyane) thuộc gia đình danh tiếng Cửu Điều ở Quan Bạch. N ăm Trị Thừa thứ 2, N gài Từ Viên đã là tọa chủ của chùa Pháp Tánh lúc tuổi vừa 24. N gài còn làm tọa chủ của Tỷ Duệ Sơn thuộc Tông Thiên Thai trước sau đến 4 lần, dù là

một thanh niên chỉ 27 tuổi. Tất cả được ghi lại nơi cửa viện Thanh Liên (Shoren). N gài Từ Viên vốn tên là Giác Khoái, được các quan sống ở tại Bạch Xuyên mến mộ. N gài tự xưng là Đạo Khoái. N gôi chùa ở Bạch Xuyên lúc ấy nay là Viện Thanh Liên có lẽ là nơi xuất gia của N gài Thân Loan. Tháng 11 năm N gài xuất gia, N gài gặp một việc không lành là Bổn Sư Giác Khoái viên tịch. Tên Đạo Khoái đổi thành là Từ Viên. Cho đến tháng 2 nhuần năm sau, bao nhiêu sự thịnh hành tiêu tan, bao nhiêu vinh hoa của một gia đình cũng không còn thấy nữa. Sau khi xuất gia, Phạm Yến lên Tỷ Duệ Sơn (Eizan) tu học và hành trì một cách nghiêm mật như một học Tăng của Tông Thiên Thai trải qua 20 năm. Theo tranh họa về cuộc đời N gài Thân Loan, N gài tinh thông kinh Lăng N ghiêm và các giáo phái khác, được xem là bậc "Tứ Giáo Viên Thông". Lúc ấy ở Tỷ Duệ Sơn như một trung tâm tu hành, có ảnh hưởng rất mạnh của N guyên Tín và Hoành Xuyên. Dù nội dung tu học chẳng được tường thuật rõ ràng nhưng chữ: "Tứ Giáo Viên Thông" ấy mang ý nghĩa ám chỉ giáo học Thiên Thai vậy. N guyên lý cơ bản về giáo học của Thiên Thai Tông là Thai Mật, bao gồm cả hai: Thiên Thai và Mật Giáo. Tỷ Duệ Sơn chính là nơi, mà người học có thể tu học về những điều ấy. N ơi đó, N gài thật sự liễu tri được Hữu và Không; thế nhưng trước khi rời Tỷ Duệ Sơn, N gài đã làm việc ở Thiền Đường như là một vị tăng Trực N hật. Theo thư riêng của N i Huệ Tín[5], người bạn đời của N gài viết trong "Cuộc Đời N i Huệ Tín" rằng: Duệ Sơn chính là Tổ Đình của Tịnh Độ Giáo, vì khi làm Tăng trực đường trong Thiền Đường là lúc Thân Loan thực hành tinh tấn pháp môn N iệm Phật, bằng cách vừa đi vừa niệm Phật trong Thiền Đường dù ở đây việc tu học chuyên về Thiên Thai Tịnh Độ Giáo kể từ thời N guyên Tín trở đi. Có thể đây chỉ là một câu chuyện kể vậy thôi. II.2 Tham Cứu N ơi N hà Lục Giác Khi rời núi và đến xin làm đệ tử của Pháp N hiên (Honen), niềm tin và bổn nguyện của Thân Loan như là một hành giả niệm Phật A Di Đà vì đã có thời gian hơn 20 năm trong thời gian tu tập tại Tỷ Duệ Sơn. N ăm Kiến N hơn nguyên niên (nhằm năm 1201), Thân Loan đúng 23 tuổi. N hờ thư từ của N i Huệ Tín để lại mà ta biết khi còn ở tại Tỷ Duệ Sơn, Thân Loan chẳng hề tin tưởng khả năng vượt qua sanh tử của mình qua việc tu học nên đã phát nguyện đi bộ về

Lục Giác Đường ở Kyoto tham cứu trong thời gian 100 ngày. Ước vọng vượt qua sanh tử được tìm thấy trong tâm. N ếu khi sống, sống sao cho thật ý nghĩa, thì lúc chết sẽ được tiếp dẫn. Tại Lục Giác Đường, Thân Loan đã chứng ngộ và làm lễ cầu siêu cho Thánh Đức Thái Tử[6] (Shotoku Taishi), bởi vì Lục Giác Đường là nơi được Thánh Đức Thái Tử xây dựng lên và hoạt động. N gài biến nơi đó thành Bổn Tôn và tạo một pho tượng Cứu Thế Quan Thế Âm Bồ Tát. Tượng Đức Quan Thế Âm nầy rất linh. Phật tử ở các chùa và dân chúng ở đây đều quy ngưỡng và tôn sùng, chính vì thế mà Thân Loan tin rằng Thánh Đức Thái Tử là hóa thân của Cứu Thế Quan Thế Âm Bồ Tát đó. Điều nầy được thấy rất rõ nếu đọc những lời ca tụng về Thánh Đức Thái Tử trong những tác phNm mà Thân Loan viết khi tuổi về già. Ở nơi Lục Giác Đường, Thân Loan nguyện quyết sống chết tu hành để chuyển hóa. Đến đêm thứ 95, N gài nằm mộng thấy Thánh Đức Thái Tử cho là Chân Phật. Điều nầy đã được đệ tử lớn của Thân Loan là Cao Điền ghi lại trong "Thân Loan mộng lý". Do vậy mà cho rằng Bổn Tôn của Lục Giác Đường được ghi lại qua sự giác ngộ về Đức Cứu Thế Quan Thế Âm Bồ Tát. Sau đây là những câu kệ bằng thơ có thể rõ hơn về điều đó. Lại nữa, lúc 80 tuổi Thân Loan chính là Chân Phật, mà lúc 50 tuổi không được như thế. N ếu đời trước, hành giả phạm vào người nữ Ta, thân nầy biến thành N gọc N ữ bị phạm Cả một đời có thể trang nghiêm Lâm chung sẽ được tiếp dẫn sanh Cực Lạc[7]. (Ai đó thệ nguyện một đời chẳng phạm giới nhưng phá giới kết hôn, ta (Quan Âm) sẽ hiện ra thân N gọc N ữ trở thành vợ của người ấy. Ta sẽ làm cho cả đời người kia trang nghiêm Phật Đạo và khi lâm chung được tiếp dẫn về Cực Lạc). Phạm tội phá giới, lập gia đình, sinh sống như người tại gia hoặc là một vị Tăng phá giới vẫn có thể vãng sanh Tịnh Độ ý nói rằng có con đường thành Phật như thế. Đây chính là Bổn N guyện của Đức Phật A Di Đà đối với những ai có niềm tin vào pháp môn niệm Phật. Dù người tại gia hay xuất gia; dù trì giới hay phá giới N gài đều cứu độ mà không phân biệt. Đó vừa là lời dạy của Pháp N hiên vừa là minh chứng rõ ràng giấc mộng báo trước vậy. Thân Loan liễu ngộ từng bước đi lúc tu hành tại Tỷ Duệ Sơn trong thời gian tham cứu tại Lục Giác Đường và nhận được tinh hoa cốt

tủy giáo lý Tịnh Độ từ những lời huấn từ của Pháp N hiên, mặc dù Pháp N hiên không được học Tăng tại Tỷ Duệ Sơn tôn trọng nhiều. Họ cho rằng Giáo Lý Tịnh Độ mà Pháp N hiên truyền trao không phải là Phật Pháp, có thể là ngoại đạo, bởi vì người xuất gia lẫn người tại gia, người trì giới lẫn kẻ phá giới, người hiền lẫn kẻ ngu, người lành lẫn kẻ dữ nếu xưng danh hiệu đức Phật A Di Đà đều được vãng sanh Tịnh Độ như nhau và sẽ chứng nhập N iết Bàn. Đây là lời dạy của Pháp N hiên chứng minh điều ấy: Chư ác mạc tác, Chúng thiện phụng hành, Tự tịnh kỳ ý, Thị chư Phật giáo.[8] Đừng làm các điều ác, N ên làm các điều lành, Phải thanh tịnh tâm mình, Là lời chư Phật dạy. N hững quy tắc nầy được xem làn nền tảng căn bản về lời dạy của Chư Phật trong bảy đời, lấy đó làm chỗ nương tựa, vì đối với người ngu trong đời hay kẻ đọa lạc trong Phật-pháp, đối với mọi tà thuyết cũng có thể cứu độ tất cả. II.3 Sự Hồi Tâm Của Thân Loan Giáo lý mà Pháp N hiên truyền trao cho Thân Loan là tà kiến, ác kiến hay chánh kiến khai thông con đường cứu khổ? N ghi vấn ấy cần được thNm định. Thật ra, khi chưa gặp Pháp N hiên, Thân Loan hết sức kính tin và phụng hành giáo lý niềm tin của nước ta (N hật Bản), nghĩa là hoàn toàn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Thánh Đức Thái Tử và luôn quy

hướng và ngưỡng vọng. Cho đến khi mộng thấy Bồ Tát Quan Thế Âm, Thân Loan mới hết mê tín sự hiện hữu của Thánh Đức Thái Tử Thế rồi, khi đến thăm Pháp N hiên tại thảo am ở núi phía đông Kiết Thủy, nghe Pháp N hiên giải thích Thân Loan liền hồi tâm. Sự việc ấy được lưu lại trong tác phNm “Cuộc đời N i Huệ Tín”[9] như sau: Thánh N hơn Pháp N hiên dạy rằng: “N gười lành, kẻ dữ đều được cứu vớt như nhau, hoàn toàn không có phân biệt. Đức Phật A Di Đà phát nguyện tiếp dẫn chúng sanh về cõi Tịnh Độ. Ai niệm Phật cho thật nhứt tâm sẽ vượt qua con đường sanh tử. Phải dứt khoát quyết định như thế. N goài ra, với tôi, nguyện quyết một lòng niệm Phật trong đời nầy”.

Một đoạn được trích ra như thế! Lời huấn từ ấy được hiểu như vầy: “Một khi đã quyết định sẽ vãng sanh vào quốc độ của các bậc Thánh, dẫu cho có rơi vào địa ngục đi nữa cũng chẳng hối hận gì cả, bởi vì suốt đời chẳng còn mê muội như những người mê khác nữa”. Với người niệm Phật dù cuộc đời họ còn nhiều khiếm khuyết đi nữa, Thân Loan vẫn cung kính ngưỡng vọng như thường. Lời huấn từ của Pháp N hiên ảnh hưởng rất nhiều trong tâm thức cuả Thân Loan. Có lúc suốt thời gian 100 ngày, chẳng có ngày nào, Thân Loan không thông qua Thầy những kiến giải của mình, hết lòng tin tưởng, ước nguyện thiết tha và thân tâm niệm Phật. Tuy nhiên vào năm Tân Dậu, niên hiệu Kiến N hân có lần bị quở phạt là ngu ngốc, Thân Loan liền kinh sợ liền từ bỏ tạp hạnh trở về lại với bổn nguyện của mình[10]. Sự việc nầy xem như sự hồi tâm của Thân Loan được ghi chép lại và cũng là điều gọi là tái sanh lần thứ hai. Suốt hơn 20 năm trường tu hành và học hỏi ở Tỷ Duệ Sơn, N gài buông bỏ tất cả tạp hạnh[11]. Sau đó N gài quyết định buông thả sự nương tựa từ những sự chỉ dạy của chư vị ân sư cũng như các bậc đàn anh của N gài, tự thân N gài đã tin tưởng chắc chắn Pháp N gài đang tu, đang hành không còn sai lạc. Với Thân Loan, lòng ích kỷ xưa đã chết và phát đại bổn nguyện làm thay đổi thế giới quan. Hồi tâm ấy cũng là tái sanh lần thứ hai. Pháp N hiên lúc bấy giờ tìm một tên mới đặt cho Thân Loan là Xước Không (Shakuku), nghĩa là xả bỏ con đường vào Thánh và nhập vào cửa Tịnh Độ, được học đạo của Đạo Xước (Doshaku) Tổ Sư Tịnh Độ. Pháp N hiên kết hợp chữ Xước của Đạo Xước và chữ Không là tên của Pháp N hiên, họ và tên là Phòng N guyên Không, nên đặt cho Thân Loan là Xước Không (Shakuku). N ếu Thiên Thai Tông quyết dùng pháp môn tự lực đi vào cửa Thánh, Tịnh Độ Tông nương vào tha lực vượt qua con đường đi đến thành Phật. N ếu con đường bậc Thánh đi qua bằng tự lực của mình để đoạn trừ phiền não như Đức Thích Tôn hoàn thành việc tịnh hóa thân tâm trong đời nầy mà chứng quả, thì Tịnh Độ tông cho rằng sinh ra trong đời nầy không ai tránh khỏi phiền não trói buộc, nếu kẻ phàm phu ngu muội không thể tự mình dứt trừ được, nên nương nhờ thần lực của N hư Lai, mà N hư Lai lại không từ chối một ai. Một khi đã nương vào câu niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh Độ, chắc chắn hành giả chuyển đổi phiền não, mở bày giác ngộ. Ấy chính là giáo lý nương vào tha lực độ sanh.

II.4 "Tuyển Chọn Bổn N guyện N iệm Phật" Tư tưởng của Pháp N hiên hiển lộ rành rành trong tác phNm “Tuyển Chọn Bổn N guyện N iệm Phật”. N gay đầu đề tác phNm đã cho chúng ta thấy rõ N iệm Phật là việc thiết thực, được quyết định từ tâm nguyện của mình, phù hợp với bổn hoài của Phật A Di Đà, Phật Thích Ca và Chư Phật trong mười

phương, mà Ba Bộ Kinh[12] Tịnh Độ có minh chứng rõ ràng và các kinh khác cũng ghi nhận. “Tuyển Chọn Bổn N guyện” - khi còn là Bồ Tát Pháp Tạng, với tâm đại bi N gài phát nguyện cứu độ tất cả chúng sanh khổ não, bất kể người lành, kẻ dữ, người hiền, kẻ ngu đều được hóa độ như nhau và tiếp dẫn về cõi Tịnh Độ. Do đó, tất cả những khả năng tự lực trở thành không cần thiết khi bổn nguyện của hành giả là niệm Phật nhứt tâm cầu vãng sanh Tịnh Độ. Dù là kẻ ngu cũng có thể phát lên tâm nguyện như vậy một cách dễ dàng. N ương nhờ oai đức và thần lực của Phật A Di Đà, tâm nguyện nầy vượt lên trên tất cả các tâm nguyện khác. Do vậy, vạn người niệm Phật, vạn người được cứu độ như nhau, cuối cùng là đại ngộ và thành Phật. Chư Phật cũng thường xưng tán danh hiệu Phật (niệm Phật) cho nên Pháp N hiên mượn từ ấy đặt tựa đề tác phNm của mình là “Tuyển Chọn Bổn N guyện N iệm Phật”. Sau thời gian cần mẫn nghe pháp, nghiên cứu học hỏi, Thân Loan được Bổn sư Pháp N hiên thọ ký và truyền trao tác phNm “Tuyển Chọn Bổn N guyện N iệm Phật”, bức họa di ảnh N gài và bản đồ tu tập, vào tháng 4 năm N guyên Cửu thứ 2 (1205). N goài ra hình của N gài (bức họa). N ăm ấy Thân Loan vừa tròn 33 tuổi, kể từ đó Tín đồ Phật Tử gọi Thân Loan bằng pháp danh Xước Không. Chính điều ấy cũng có nghĩa là N gài được Bổn sư Pháp N hiên thừa nhận. Việc nhận tác phNm, di ảnh cũng như bản đồ minh chứng được rằng chính Thân Loan (Xước Không) là người tiếp tục truyền thừa y bát từ Bổn sư Pháp N hiên. Thật ra, nội dung tác phNm “Tuyển Chọn Bổn N guyện N iệm Phật” bị người đương thời quá khích cho rằng Pháp N hiên là kẻ phá đạo, sẽ đọa vào tam đồ, bởi hy vọng của N gài thì xa vời vợi, trong khi quan điểm thực tế như cửa sổ bị ngăn bởi bức tường thành. N hững điều họ phê phán không sai. Bởi vì, nếu người đọc thiếu tâm cầu học, chắc chắn hiểu sai và không khỏi phỉ báng giáo lý N iệm Phật trong tác phNm “Tuyển Chọn Bổn N guyện N iệm Phật” nầy. Thậm chí dù họ không muốn phạm tội hủy báng pháp môn N iệm Phật đi

nữa, nhưng xem xong vẫn thấy dường như có một bức tường đứng sừng sững trước mắt ngăn che tất cả. Có lẽ, vì thế mà Pháp N hiên chỉ trao tác phNm nầy cho Thân Loan (Xước Không), đệ tử của mình, mà không tin tưởng bất cứ ai khác. Thật giống như một chuyện cổ tích! Một người mới nhập môn chỉ có bốn năm như Thân Loan có nhiều bậc đàn anh đang xôn xao và lo lắng việc truyền thừa lại được Bổn sư Pháp N hiên truyền pháp quả là nói lên sự chờ đợi và tin tưởng của vị Thầy đến mức nào. II.5 Pháp N ạn Thừa N guyên Và Lưu Đày Ở Việt Hậu Pháp nạn Thừa N guyên (Jogen) và bị tội lưu đày ở Việt Hậu (Etsugo) Chẳng bao lâu sau khi Pháp N hiên và môn đồ đệ tử ổn định mọi Phật sự, thính Pháp và niệm danh hiệu Phật A Di Đà, buông bỏ tất cả các pháp tu khác, chỉ chú trọng vào giáo lý tha lực, tinh tấn niệm Phật để được Đức A Di Đà tiếp độ, Thiên Thai Tông, Pháp Tướng Tông (Hotsuso Shu) và các giới học Phật lúc bấy giờ đặt ra nghi vấn đây có phải là đạo Phật chân chánh không? Họ phê phán công kích nhất là rất khó chịu khi nghe âm thanh của tiếng niệm Phật. Tháng 11 năm N guyên Cửu N guyên N iên (1204), N gài Chơn Tánh, tọa chủ chùa Diên Lịch thuộc tông Thiên Thai phê bình pháp môn chuyên tu niệm Phật của Pháp N hiên kịch liệt bởi vì Pháp N hiên tự dưng gửi thư khải thỉnh đến các sơn môn mà không tham khảo ý kiến người khác và tự ý chế ra bảy điều giáo huấn dành riêng cho hành giả niệm Phật. Chính việc nầy làm cho các

tông Thiên Thai, Chơn N gôn và Pháp Tướng khó chịu và ngăn cấm rất nghiêm nhặt. Họ cảnh báo với nhau rằng trong Phật Giáo đã có những tà giáo, dung dưỡng kẻ phá giới không biết xấu hổ. Các đệ tử của họ lại tìm đến và chất vấn Liên Thự, một tên khác của Thân Loan thay cho tên Xước Không lúc ấy. Bản phụ của lá thơ mà Liên Thự viết về "bảy điều giáo huấn" hiện còn sót lại tại hai chùa Sa N ga ở Kyoto. Cuối cùng nhờ Đằng N guyên Kiêm Thật (Tohara Kanezane), người quy y với Pháp N hiên góp lời giúp đỡ nên mọi việc rồi cũng êm xuôi. Tháng 10 năm sau, năm N guyên Cửu thứ hai, Triều đình đưa ra bản cáo trạng chùa Hưng Phước, (Hofuku) ở N ara (N ại Lương), với nội dung là toàn thể Phật Giáo đồng lòng yêu cầu dẹp bỏ môn phái Pháp N hiên, mà tác giả chấp bút không ai khác hơn là Lạp Trí (Kasagi), một vị tăng cang học hạnh và giới đức kiêm ưu, thuộc

phòng Giải Thoát thời Trinh Ứng[13]. N ội dung bản cáo trạng nêu lên tất cả chín điều sai trái và buộc Pháp N hiên và đồ đệ N gài phải chấp hành việc xử phạt một cách nghiêm trọng. Thật ra, triều đình rất thận trọng phán nghị cả năm trước bản cáo trạng trong đó có chữ ký của 8 tông khác mãi cho đến hạ tuần tháng giêng năm Kiến Vĩnh[14] thứ hai, triều đình tuyên bố cho Pháp N hiên và cả chùa Hưng Phước phải đình chỉ việc chuyên tu niệm Phật và viết tường trình kiểm điểm về "nghe chẳngchính xác". Sau đó các môn đồ đệ tử phải viết kiểm thảo. Sự kiện đau đầu nầy được ghi ở phần cuối của "Giáo hành chứng văn loại" và được thuật lại như sau: Hàng đệ tử của chùa Hưng Phước tâu lên với Thái Thượng Thiên Hoàng (Dajo Tenno) rằng: "Tấu vua đến vào thượng tuần mùa Xuân năm Đinh Mão thuộc niên hiệu Thừa N guyên. Bởi trên có chủ, dưới có thần đã gọi là quốc pháp, thì dù có sai trái thì dân phải chịu, tuy nhiên nhẫn lâu thành oán. Do vậy, đại Tổ Sư N guyên Không, chùa Hưng Phước thuộc Chơn Tông đề nghị cùng với môn đồ, dù không quan tâm về loại tội, nhưng cũng chẳng phải hèn hạ ngồi chờ gia hình. Và lại theo quy luật của Tăng, vị Tăng bị tội chỉ đổi tánh danh và chịu phạt lưu đày vĩnh viễn. Vì Tăng cũng chẳng ra Tăng mà tục cũng không phải tục, nên lấy chữ N gốc làm họ. Các đệ tử của Sư Không (N guyên Không) bị phân chia các nơi và bị canh giữ trong vòng 5 năm"[15]. Ở đây "dù không quan tâm về loại tội, nhưng cũng chẳng phải hèn hạ ngồi chờ gia hình" là một tử tội; hoặc bị xử phạt. Thân Loan là người điển hình. N ói về loại tội thật ra chiếu theo pháp luật thì chỉ xử phạt mà thôi. N hưng theo ngôn ngữ của Thân Loan, chẳng có lý do nào chánh đáng để xử phạt cả mà thật tế chỉ là những lời công kích và áp bức cho nên nói rằng "trên có chủ, dưới có thần đã gọi là quốc pháp, thì dù có sai trái thì dân phải chịu, tuy nhiên nhẫn lâu thành oán". Với chừng ấy chữ tâu trình với Thượng Hoàng Hậu Điểu Vũ cho thấy trước nhất họ là những kẻ dựa vào quyền lực để đàn áp chánh pháp và xét xử cướp đoạt tấm lòng của nhiều người. Việc nầy bị phê phán một cách nghiêm khắc trong tác phNm "Giáo Hành Chứng Văn Loại" cho thấy giáo lý của Pháp N hiên hoàn toàn chân thật và ảnh hưởng rất lớn, ngược lại những người đả kích tác phNm "Tuyển Chọn Bổn N guyện N iệm Phật" là đi quá đà

Theo tác phNm "Dị Sao Tập" và "Huyết Mạch Văn Tập", những phụ lục của các sách còn sót lại, và căn cứ theo "Truyện N hật Thanh" của Cổ Đức Giác N hư, lúc ấy có bốn người bị xử tử đó là: Trụ, Liên, An và Lạc, còn Pháp N hiên và 8 người khác bị lưu đày

(thật tế khi bị tội lưu đày chỉ có 7 người vì không có Chứng Không). Pháp N hiên bị đưa đến nước Thổ Tá. Thân Loan bị đày đến Việt Hậu Quốc Phủ. Các vị khác cũng lần lượt bị lưu đày với tội danh như thế. Theo hình luật lúc bấy giờ khi bị lưu đày, Tăng Tịch của các Tăng lữ đều bị tịch thâu và đổi thành tên của thế tục. Thân Loan bị gọi tên là Đằng Tĩnh Thiện Tín[16]. Tệ hơn nữa triều đình hạ lịnh không được dùng họ của thế tục mà phải đổi thành họ N gốc. Thân Loan trở thành một người phi Tăng phi Tục với tên là N gu N gốc Thân Loan. II.6 Phi Tăng Phi Tục Ý nghĩa của phi Tăng trong "phi Tăng phi Tục" được hiểu theo tính cách thông thường là vị Tăng bị thu hồi Tăng tịch và không còn ở trong địa vị Tăng lữ nữa. Phi tục nghĩa là không có nghề nghiệp trong đời, không được sống như người tại gia. Thế nhưng, với họ sống để niệm Phật; ngoài ra còn truyền cách sống ấy cho mọi người. Đó mới đúng là ý nghĩa chân thật. Cuộc đời của Thân Loan bị tước đoạt Tăng tịch ngoài ý muốn làm sao là phi Tăng được. N hưng chính N gài đã tiến hành việc lấy vợ, sinh con và xả bỏ giới luật cũng chẳng phải là phi Tăng, bởi vì phải hiểu rằng trong cuộc sống đầy phiền não thương ghét ấy luôn luôn được chỉ đạo bằng bổn nguyện cứu độ kẻ phàm phu rất cao cả và chân thành. Trong cuộc sống thế tục, muốn vượt qua sanh tử và các thương ghét thường tình, phải thiết lập một đạo tràng niệm Phật trang nghiêm trong tự tâm. Ở trong thế tục nhưng vẫn là phi tục bởi vì hành trì pháp môn niệm Phật là gặp N hư Lai ngay trong cuộc sống đầy phiền não nầy. Cao hơn nữa với ý nghĩa ấy, đời sống tại gia vẫn là con đường thành Phật. Có lẽ sống như thế cho nên Thân Loan được gọi là sống một cách phi Tăng phi Tục. Trong thời gian 5 năm lưu đày ở Việt Hậu, Thân Loan tự chọn cho mình một hình thái Phật Giáo tại gia; nhưng không có nghĩa là Phật Giáo bị thế tục hóa, mà chính ở trong đời sống thế tục, nêu cao con đường Phật đạo. Xuất thân từ một học Tăng của giai cấp quý tộc, Thân Loan xem thời gian lưu đày ở Việt Hậu, nơi thiên nhiên rất khắc nghiệt, đất đai cằn cỗi, người dân nghèo nàn, là cơ hội để tu luyện và hành trì

rốt ráo pháp môn tu; để thấy rõ nhân quyền bị tước đoạt; để cùng sống, cùng cảm nhận, cùng chia sẻ và cảm thông với mọi người ở tận cùng của xã hội; để nghe tiếng than thở của người dân với mình. Thật tế, ai nhận ra tự lực là không, có thể nhận được nhiều điều hay nơi người khác. N goài ra, đánh giá một ai không phải chỉ giới hạn ở nửa vời mà phải dựa trên khả năng thực sự của họ. Thân Loan kết hôn lúc nào không rõ. Lúc còn ở Kyoto chưa kết hôn. Có lẽ N gài kết hôn với con gái của Binh Bộ Đại Bổ, Tam Thiện Vi Giáo pháp danh Huệ Tín ở Việt Hậu (Etsugo). Trong thời gian ngắn, N gài có tất cả sáu người con cả trai lẫn gái. Căn cứ từ "Hệ phổ Hino" con của N gài gồm có: Tiểu Hắc (Oguro), Từ Tín, Huệ Loan, Tín Liên, Minh Tín, Ích Phương (Masukata) nhập đạo có Pháp Danh Hữu Phòng là Thiền N i của Cao Dã (Takao). Thánh N hơn Thân Loan và N i Huệ Tín sống cùng với N i Giác Tín, người con gái. N goài ra, trong thời gian ấy còn có con gái của Đằng N guyên Kiêm Thật là Phạm Ý cũng ở đó; nhưng trên thật tế thì không phải là con. Sáu người con trên được ghi rõ trong tác phNm "Cuộc Đời N i Huệ Tín". II.7 Sự Hành Hóa Ở Kanto (Quan Đông) N gày 17 tháng 11 năm Kiến Lịch N guyên N iên (1211) toàn thể môn hạ của Pháp N hiên được ân xá, nhưng vì bệnh N gài Pháp N hiên không thể về Kyoto được, N gài đã thâu thần thị tịch vào ngày 25 tháng giêng năm Kiến Lịch[17] thứ 2, tại Đông Sơn Đại Cốc, thọ 80 tuổi. Thân Loan lúc ấy vẫn còn ở tại

Việt Hậu cho đến năm Kiến Bảo[18] thứ 2, nhận lời thỉnh niệm Phật của Tánh Tín ở Kanto, và theo sự truyền đạt lời chỉ dạy của Pháp N hiên, Thân Loan phải về Kanto để hướng dẫn đệ tử của Hoành Tằng Căn Môn (Yokozo N emon) và truyền bá pháp môn N iệm Phật của Pháp N hiên. Vợ con của Thân Loan phải phân chia làm đôi để sống, ở Thường Lục lúc Thân Loan đúng 42 tuổi. Tại Kanto thuộc Thường Lục (huyện thành Hagi), N gài ở trong một thảo am của Waseda giữa cù lao, một trung tâm chính từ vùng phía Bắc Kanto đến Áo Châu, để giáo hóa nuôi dưỡng nhiều môn đệ, theo "Thân Loan Thánh N hơn Môn Lữ Giao Danh Điệp", con số kỷ lục là 44 người, trong đó có 35 người từ Kanto đến Áo Châu sinh sống và 19 người ở tại Thường Lục. Có lúc môn đệ lên đến 80 người, theo thư của Thân Loan, đa phần là người thuộc chùa Thiện Quang rất siêng năng lo việc Phật sự. Thánh N hơn cư trụ tại Kanto là 20 năm. N ăm

N guyên N hơn N guyên N iên,[19] N gài chấp bút soạn thảo sự lập giáo khai Tông của Tịnh Độ Chơn Tông để làm Thánh Điển căn bản và tác phNm "Hiển Tịnh Độ Chơn Thật Giáo Hạnh Chứng Văn Loại" (Giáo Hạnh Chứng Văn Loại). Sau đó, vào năm Trinh Ứng[20] thứ 3, tại chùa Diên Lịch triều đình đã ra sắc lệnh "Diên Lịch tự tấu trạng" (Diên Lịch tự đại chúng giải), đình chỉ pháp môn chuyên tu niệm Phật một lần nữa. Phải chăng do nội dung tác phNm "Giáo Hạnh Chứng Văn Loại?" II.8 N hững N ăm Về Già Của Thân Loan N ăm 61, 62 tuổi, Thân Loan từ Kanto về lại Kyoto không ai rõ lý do, nhưng có lẽ do tác phNm "Giáo Hạnh Chứng Văn Loại" đã hoàn thành cần có nơi tiện lợi việc truyền trao quyển sách đến tay mọi người dễ dàng hơn; nên N gài trở lại Kyoto. Ở Kyoto, Thân Loan thuyên chuyển nhiều nơi, nhưng chỗ N gài ở lâu nhất là N gũ Điều Tây Động Viện. Cuối đời N gài tá túc trong phòng ở của Tầm Hữu Tăng Đô thuộc phòng Thiện Pháp, em N gài. Sau khi về lại Kyoto, N gài nhuận bút lại tác phNm "Giáo Hạnh Chứng Văn Loại" cho hoàn chỉnh và trước tác nhiều tác phNm khác, trong ấy có "Hòa Tán". N goài ra N gài còn giảng dạy cho những môn đệ từ Kanto đến xin học pháp môn Tịnh Độ; và trả lời cho những môn đệ từ các nước xa xôi gửi thư thỉnh cầu học hỏi. Về già Thân Loan còn phải nhận thêm nhiều bi kịch khác nữa. N ăm Kiến Trường[21] thứ 3 một việc không lành nữa lại đến, đó là sự kiện Thiện Loan. Thật ra, sự kiện nầy không rõ ràng lắm, chỉ có hai lá thư về "Thiện Loan N ghĩa Tuyệt Trạng" liên quan với Thân Loan mà thôi. N ăm Kiến Trường thứ 3 thứ 4, có kẻ ác trong nhóm môn đệ ở Kanto tung nhiều tin không sự thật một cách vô tội vạ để tạo dư luận xấu trong quần chúng xã hội. Các môn đệ thỉnh cầu N gài Thân Loan dàn xếp, N gài bảo Từ Tín Phòng Thiện Loan, con trai của N gài làm việc. N hưng không may, Thiện Loan không chịu làm theo những gì thân phụ dạy. Cuối cùng Thân Loan phải đứng ra thành lập một nhóm môn đồ khác, khiến cho Thiện Loan và chúng cuả ông không nơi nương tựa. Cũng vì thế, thân phụ Thân Loan chỉ truyền mật pháp vãng sanh Cực Lạc cho một người mà người ấy không truyền lại do vậy môn đệ của Thiện Loan đều không học được pháp vãng sanh. Họ chỉ biết theo lời dạy của nguyện thứ 18 mà thôi. Vì thế họ như những "chiếc hoa không nở", chẳng liễu ngộ pháp môn niệm Phật vãng sanh nên lần lần từ bỏ bổn nguyện.

Thật ra, Thiện Loan cũng nhận được sự truyền thọ mật pháp và pháp lạc từ pháp môn vãng sanh, nhưng hầu hết những môn đồ mới nhập đạo của Trung Thái Lang

(Chyutaro) (hay là của Bình Thái Lan) thì chưa. Lúc đầu, tự nhiên có 9 người theo Thiện Loan, trong số đó có Tánh Tín, về sau càng nhiều hơn. Họ cũng bị người công kích vì chịu ảnh hưởng xấu từ lời dạy vô cùng nguy hại của Thiện Loan. Chính những huấn từ của Thân Loan bị bình giải hoàn toàn sai lạc khiến cho các quan lại ở tại Thường Lục, Hạ Giả xem Tánh Tín và đồ chúng của ông như những kẻ phản phúc trong xã hội cho nên sắc lệnh trục xuất ra khỏi địa phương. Cuối cùng sự kiện xảy ra là Tánh Tín và N hập Tín bị đưa về Kamakura Bakufu. Thật sự, hơn ai hết Thân Loan biết rõ chơn tướng của sự việc và nhơn duyên cha con song không lẽ vì sự việc nhỏ ấy mà chọn lấy oán thù sao! Thế nhưng ngày 29 tháng 5 năm Kiến Trường thứ 8 N gài phải đành lòng gửi một trang thư "N ghĩa Tuyệt Trạng" cắt đứt duyên cha con với Thiện Loan và cùng ngày ấy cũng gửi cho Tánh Tín thông báo nghĩa tình đã dứt. N gài cũng công khai thông báo đến tất cả những môn đệ ở Kanto biết về trang thư đoạn tuyệt nghĩa tình ấy. Lúc đó là năm Thân Loan đã 84 tuổi. Sự kiện ấy cho thấy Thân Loan xử trí một cách rõ ràng dứt khoát về nghĩa tình cha con đối với Tánh Tín và chấp nhận mọi sự đả kích về vấn đề tinh thần nầy. Dù tuổi đã 80 và trước sự việc điên đầu xảy ra như thế nhưng Thân Loan vẫn sáng suốt biên soạn những rất nhiều tác phNm và pháp nghi với những chủ đề chuyên môn trong nhiều bức thư gởi về Kanto, mà nội dung những bức thư chỉ đạo hướng dẫn mọi sinh hoạt của các đệ tử tại Kanto giữ vững tín tâm cuả họ. Trong những sáng tác ấy, đặc biệt là "Giáo hành chứng văn loại" được xếp vào vị trí hàng đầu và hơn 10 bộ khác nữa. Riêng bộ biên tập của phái Bổn N guyện Tự cũng đã thâu thập được 14 bộ, 21 quyển thuộc "Tịnh Độ Chơn Tông Thánh Điển". Cũng phải kể thêm "Quán Kinh Tập Chú", "A Di Đà Tập Chú" và "Tây Phương Chỉ N am Sao". Còn có những biên tập được kết thành những lời dạy của Thánh như: "Thánh Giáo gia điểm, Thánh Giáo thơ tả, Thánh Giáo diên thơ v.v..." N ếu tổng hợp lại rất là nhiều. Công việc sáng tác những tác phNm chính ấy như thế nào được giới thiệu ở phía sau. Cho đến năm 90 tuổi, tuổi trường thọ quý hiếm, vào ngày 28 tháng 11 năm Hoằng Trường[22] thứ 2, N gài mới vãng sanh tại thư

phòng cuả Tầm Hữu Thiện Pháp, em N gài ở đường Tam Điều Phú. Chỗ ở của vị Tầm Hữu Thiện Pháp ngày nay được xác định là vị trí gần cái hồ trong vườn của trường trung học Yanagiike, đường Liễu Mã Trường, ở khu Trung Kinh. Sau khi Thân Loan viên tịch, nhục thân được hỏa táng tại Điểu Bộ Dã (Tori Beno) chùa Diên N hân. Di cốt được đưa về chôn tại phần mộ ở Đông Sơn Đại Cốc vào năm Văn Vĩnh[23] thứ 9. N i trưởng Vương N gự Tiền, người con gái út cuả N gài và môn đệ dựng miếu thờ tại Lục Giác Đường. Sau đó N i Giác Tín[24] dời tất cả di cốt về đây. N goài ra tại đây cũng thờ một tôn tượng N gài bằng gỗ. Miếu Đường nầy về sau được Giác Huệ, trưởng nam của Giác Tín[25]; rồi Giác N hư[26], trưởng nam của Giác Huệ tiếp tục giữ gìn. Sau đó, Giác N hư biến Miếu Đường thành tự viện và đổi tên là chùa Bổn N guyện[27] N gày nay chính là chốn Tổ của Đông Tây Bổn N guyện Tự vậy. [1] Thế danh của N gài Pháp N hiên là Phòng N guyên Không [2] N ăm 1173 [3] N ăm Thừa Trị thứ 5 nhằm năm 1181 [4] Sinh năm 1155 và mất năm 1225 [5] N gài Thân Loan đã lập gia đình và người vợ của N gài sau đó đã trở thành N i Cô. Thật ra Tịnh Độ Tông của N hật Bản, các vị Sư đã lập gia đình từ cuối thế kỷ thứ 12 trở đi. [6] Ông sinh năm 574 và mất năm 622 [7] Trích

từ Kinh Thính Văn Văn Thơ – phần Cao Điền cổ điển trang 1.126) [8] Trích từ Kinh Xuất Diệu. Đại Chánh Đại Tạng Kinh quyển 4 trang 741. [9] Thánh Điển trang 811. Từ đây trở đi chữ Thánh Điển được hiểu là: Tịnh Độ Chơn Tông Thánh Điển. [10] Giáo hạnh chứng văn loại – Thánh Điển trang 472. [11] Ý dùng để chỉ cho những việc làm mà nơi tự lực chẳng có cái tâm của Phật A Di Đà. [12] Kinh Đại Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ và Kinh A Di Đà [13] (1155-1213) [14] N guyên Thừa N guyên N iên - 1207 [15] (Giáo hành chứng loại – Thánh Điển trang 471) [16] Tức là cư sĩ Đằng Tĩnh [17] N hằm năm 1212

[18] N hằm năm 1214 [19] (thuộc năm Trinh Ứng thứ 3 – 1224)

[20] N guyên N hơn N guyên N iên

[21] N hằm năm 1256

[22] N hằm năm 1262

[23] N hằm năm 1272

[24] Sanh năm 1224, tịch năm 1283

[25] Sinh năm 1239 và mất năm 1307

[26] Sinh năm 1270 và mất năm 1351

[27] Chùa nầy ngày nay vẫn còn tại Kyoto

IV.2 Lời Dạy Về “Tam Thiếp Hòa Tán” IV.2.1 An Dưỡng Tịnh Độ Sự trang nghiêm của cõi An Dưỡng Tịnh Độ chỉ có Phật với Phật mới rõ biết mà thôi. (Lược bớt phần giải thích theo lối Hán - N hật)

Với bổn nguyện đại từ đại bi và trí tuệ, Đức Phật A Di Đà hoàn thành thế giới Tịnh Độ bao trùm cả vạn vật không giới hạn ở hư không nào, một thế giới tuyệt đối không giới hạn và vượt ngoài tất cả những sự hạn định. Chỉ có Phật với Phật mới thật rõ biết được mà thôi. (Cao Tăng Hòa Tán – Thánh Điển – trang 580).

Giải thích: IV.2.1.1 Thế N ào Là Tịnh Độ?

Thân Loan xác nhận rằng Tịnh Độ là một thế giới chân thật, mà cảnh ấy được diễn tả trong một đoạn của Hòa Tán này. Khi được hỏi: “Tịnh Độ có thật không?”, Thân Loan trả lời rằng: “Thật có Tịnh Độ chứ”.

Với Thân Loan, Tịnh Độ là quốc độ của Phật A Di Đà, một thế giới hoàn toàn lìa sự hư vọng, một nơi chân thật. Trong khi đó, với chúng ta nếu là “có”, chính mình phải tiếp xúc được hoặc tư duy về thế giới hiện thực ấy. Thật sự, ngay cả trong thế giới nầy, từng hạt bụi cũng đang bị băng hoại, song chúng ta đem tư dục vẽ ghét, thương lên thế giới, mà chẳng hề rõ biết về ý nghĩa. N ếu cõi mình đang sống mà chẳng rõ, thì làm sao biết được thế giới của Thân Loan. Song sống trong đời nầy không phải chỉ có mỗi một mình Thân Loan mà từ nguyên thỉ Phật Giáo đã có. Tachibanano

Oiratsume cũng cho biết rằng[60]: “Thế gian toàn là hư ngụy; chỉ có Phật mới là chân thật”. Đó là lý do tại sao Thân Loan cung kính Thánh Đức Thái Tử.

Tư duy về Tịnh Độ của Thân Loan dựa vào tác phNm “Tịnh Độ Luận” của Thế Thân, được Đàm Loan[61] chú thích thành “luận chú” và cho rằng: “Vì ngã dục, thương ghét

vô trí và phiền não tác động, chúng ta, kẻ phàm phu biến thế giới này trở thành uế độ. N gược lại, Bồ Tát xem tất cả đều không, sống đúng ý nghĩa của sự sống, không phân biệt và nguyện tịnh hóa phiền não, xây dựng cảnh giới N iết Bàn thật sự như thế giới an lạc. Đấy chính là thế giới thanh tịnh chân thật (Tịnh Độ)".

IV.2.1.2 Tịnh Độ Chính là Suối N guồn của Trí Tuệ

Tác phNm "Tịnh Độ Luận", Thân Loan dựa theo "Kinh Vô Lượng Thọ" trình bày sự trang nghiêm chơn thật thanh tịnh[62] của thế giới an lạc và phân loại có 17 quốc độ và tướng công đức, có 8 loại Phật với tướng công đức và có 4 loại Bồ Tát với tướng công đức. Tổng cộng ca tụng tán thán 3 loại trang nghiêm và 29 loại khác. Trước tiên, giải thích một cách xác quyết về cảnh giới Tịnh Độ; cảnh giới mà chúng sanh ở trên đó đã vượt qua tất cả sự hư vọng phân biệt, chứng thanh tịnh vô phân biệt trí; cảnh giới được xây dựng bởi trí huệ không biên giới bao la bao trùm cả vạn vật. Tiếp theo, trí huệ phát sinh ra sự chân thật cho nên phải biết sống như thế nào để có được chân thật trong khi cuộc sống này là hư ngụy, giả hợp. N hư thế Thế Thân xác quyết rằng: "Phải cảnh tỉnh và liễu tri thế nào là cách sống chơn thật, bao lâu con người tự chuyển hoán cách sống ấy bằng trí tuệ, bấy lâu đó là suối nguồn của hành động và chính đó là cái nhân của Tịnh Độ vậy.

IV.2.1.3 Không Vì N iềm Vui Mà N guyện Vãng Sanh

Tịnh Độ không phải là thế giới của cảm giác phấn khởi vui tươi mà là thế giới pháp lạc bởi vì vui vẻ được nghe âm thanh nói Pháp chơn thật, thực tiễn. Tịnh độ không phải là thế giới hư cấu, ảo ảnh được cấu tạo bằng dục vọng của thế giới thế tục mà là cội nguồn của Phật đạo, mà chính tâm nguyện chân thật cầu vãng sanh và ước muốn sống tại đó làm cho ta tỉnh thức. N gài Đàm Loan nói

cách dứt khoát rằng: "Ai chỉ muốn hưởng niềm vui nơi Cực Lạc, không thể nguyện sanh về đó."

Tự thân muốn có niềm vui mà nguyện sanh về Tịnh Độ thì Tịnh Độ là gì làm sao biết được. Phải chăng đó chỉ là đối tượng của ngũ dục và tự ngã đã hoạ ra thế giới ở cõi nào đó như thế[63]. Thế giới ấy không thể gọi là Tịnh Độ được. Tịnh Độ chính là thế giới công đức chân thật, một khi được nghe đến và ai nguyện sanh về Tịnh Độ một cách chân thật chắc hẳn Bồ Đề Tâm[64] được phát khởi.

Thân Loan, người kế thừa sự giáo huấn của Đàm Loan cho rằng "Liễu tri Tịnh Độ chân thật, khi được gọi về" – "Liễu tri sự hư ngụy của tự thân – đắn đo Bổn N guyện nơi tự thân để hướng về N hư Lai". Với chúng ta, niềm tin tiếp nhận niềm vui với tâm đại bồ đề. Tự lợi và lợi tha phải thực hiện một cách viên mãn. N hờ tín tâm, có niềm vui và sẽ thành Phật. Đó cũng chính là nguyện tâm trở thành Phật,[65] tâm ấy nguyện là cứu độ tất cả chúng sanh[66] và cũng là lưu giữ phước đức vậy.

IV.2.2 Là Cõi (Báo Độ) N guyện Lực Thành Tựu

Cõi Báo Độ (Tịnh Độ) do nguyện lực thành tựu, không phải do tự lực của tâm mà thành. (Lược bớt phần giải thích theo lối Hán - N hật)

Bổn nguyện của Đức Phật A Di Đà là hoàn thành cõi Tịnh Độ (Báo Độ) chơn thật để chúng sanh có thể vãng sanh. Dù niềm tin và tinh tấn qua tự mình có tích chứa công đức đến bao nhiêu đi nữa cũng không thể đến được thế giới nầy. Dù là bậc Thánh Tiểu Thừa hay Đại thừa muốn cầu vãng sanh Tịnh Độ cũng phải xả bỏ tâm chấp trước vào tự lực hành thiện của mình. Vì lẽ, chỉ cần cầu bổn nguyện tha lực của Đức A Di Đà là đủ rồi, không cần đến tự lực của mình nữa. (Cao Tăng Hòa Tán - Thánh Điển – trang 591).

Giải thích: IV.2.2.1 Báo Thân Phật và Báo Độ

Có thể hiểu rằng Đại Thừa Phật Giáo trình bày N hư Lai và Tịnh Độ qua sự phân tích những sai biệt khá rõ về Pháp Thân (Pháp

Tánh Độ), Báo Thân (Báo Độ) và Ứng Thân (Ứng Độ). Pháp Thân là lãnh vực Vô Phân Biệt Trí của chư Phật chỉ cho Vô Tướng Chân N hư[67], không có hạn lượng. Báo Thân là kết quả phước báo Quang Minh Vô Lượng và Thọ Mạng Vô Lượng, mà những vị Bồ Tát tu hành trải qua nhiều đời nhiều kiếp đạt đến Chân N hư, thực hiện vô lượng công đức, tiếp tục cứu độ chúng sanh, cuối cùng thành Phật. Điển hình là Đức Phật A Di Đà và cõi Tịnh độ, N gài dùng vô lượng công đức trang nghiêm cõi Tịnh Độ. Ứng Thân là hiện làm chúng sanh nơi uế độ, biểu hiện qua thân thể giới hạn, điển hình là Đức Phật Thích Ca Mâu N i[68].

Thiện Đạo[69] y cứ vào “Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ” để giảng rộng thêm cõi Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà do bổn nguyện mà được thành lập và cõi Báo Độ ấy là do nguyện lực thành tựu. N guyên nhơn thành tựu thế giới này xuất phát từ bổn nguyện của Bồ Tát Pháp Tạng.[70] và kết quả được hình thành một thế giới của Phật Đà. Vì lẽ đó cho nên gọi Phật A Di Đà là “Báo Thân Phật” và cõi “An Lạc Phật Độ” là “Báo Độ”.

Huyền N ghĩa của Quán Kinh Sớ cho rằng: “Khi thành Phật, ta được Báo Thân. N ếu trong mười phương có chúng sanh nào xưng niệm danh hiệu Ta cho đến mười niệm mà không vãng sanh, Ta quyết không ở ngôi chánh giác và thệ không thành Phật.”

Ở đây ta thấy chỉ xưng danh hiệu mười niệm thôi hẳn được vãng sanh. N ếu không vãng sanh, Phật thề không giữ ngôi chánh giác. Đây là lời nguyện thứ 18 của Đức Phật A Di Đà. N hờ phước báo (Hậu Báo) mà N gài thành Phật với Báo Thân cho nên cõi Tịnh Độ cũng còn gọi là Báo Độ.

IV.2.2.2 Về Báo Độ của Phàm Phu

Khi Đức Phật A Di Đà thành chánh giác, N gài hoàn thành bổn nguyện tiếp độ chúng sanh, cho nên được vãng sanh về Báo Độ ấy là việc đương nhiên. Đây chính là pháp môn niệm Phật vãng sanh. Được tiếp dẫn về Báo Độ, qua pháp niệm Phật, chúng sanh ấy sẽ nhập N iết Bàn ở cõi Tịnh Độ. Điều nầy cho ta rõ thêm rằng kẻ phàm phu ngu muội dù phiền não dẫy đầy, song nếu phát nguyện niệm Phật sẽ vãng sanh trực tiếp về Báo Độ, thành tựu đạo lý vậy.

Đứng về quan niệm đại chúng, Phật Giáo chấp nhận đạo lý “Tự nghiệp tự đắc quả”[71]. Thế giới Báo Thân Phật là cảnh giới Báo Độ, lìa xa sự phiền não. Song chơn như một khi được thành tựu, trí tuệ tự nhiên sáng tỏ. Cảnh giới của những vị Đại Bồ Tát vẫn có thể

cảm nhận được khi phiền não đã được dứt hẳn. N hững kẻ phàm phu phiền não đầy dẫy như chúng ta không phải không thể vãng sanh, nếu thật sự tu hành cũng về đó được. Đây chính là một lãnh vực giác ngộ cao cả.

Vì sự thành tựu thệ nguyện của Phật, Thiện Đạo cho rằng: "Kẻ niệm Phật chắc chắn vãng sanh về nước N gài". N hờ nguyện lực ấy, ai có tín tâm về bổn nguyện ấy và niệm Phật, dẫu tội lỗi nhiều đến bao nhiêu đi nữa cũng được tịnh hoá những phiền não, được vãng sanh về Báo Độ và từ đó được nhập vào chơn như giác ngộ. Đây chính là cách nói của Thiện Đạo về phàm phu N hập Báo[72].

IV.2.2.3 Cảnh Giới Của Chư Phật

Xiển dương thuyết Cực Lạc Báo Độ này, Thân Loan cho rằng: Các Báo Độ có sự giống nhau, song Báo Độ của các vị Phật khác nhau. N hư Bồ Tát từ sơ địa trở lên chỉ cảm nhận được cảnh giới Báo Độ của Bồ Tát. N gược lại Chơn Thật Báo Độ của Đức Phật A Di Đà là cảnh giới giác ngộ của Chư Phật. N hư Bồ Tát Di Lặc ở phNm vị tối cao song với chính năng lực trí tuệ của N gài vẫn không thể tạo được thế giới Vô Thượng N iết Bàn, thế giới hoàn toàn vắng lặng không có thương ghét não phiền, đó mới là cảnh giới tối cao của sự giác ngộ. Chúng ta những kẻ phàm phu, ngay cả Đại Bồ Tát Di Lặc, phải xả bỏ tự lực, quy y bổn nguyện lực mới có thể vãng sanh được.

IV.2.3 Đức Phật A Di Đà

Đức Phật A Di Đà thành Phật đến nay đã 10 kiếp (Lược bớt phần giải thích theo lối Hán - N hật)

Cho đến nay đã hơn 10 kiếp kể từ khi Bồ Tát Pháp Tạng phát nguyện thiết lập thế giới Tịnh Độ, cứu độ tất cả chúng sanh và thành Phật hiệu là A Di Đà. N gài dùng Pháp thân làm phương tiện

để hiển lộ tâm Chơn N hư và chiếu Trí Tuệ sáng khắp 10 phương vô số thế giới, cứu kẻ mê lầm trong vô trí và ngũ dục. (Tịnh Độ Hòa Tán –Thánh Điển - trang 557).

Giải thích: IV.2.3.1 Đức của Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang

Theo "Kinh Đại Vô Lượng Thọ", trải qua nhiều kiếp tu hành Bồ Tát Pháp Tạng mới hoàn thành thệ nguyện cứu độ chúng sanh và thành Phật, hiệu là A Di Đà. Hiện nay, Đức Phật A Di Đà ở cõi An Dưỡng Tịnh Độ[73] và đang dùng năng lực của bổn nguyện Đại Bi, Trí tuệ cứu độ tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới. Chữ "A Di Đà" trong "A Di Đà Phật" dịch âm từ chữ Amitabha, Amitayus. Chữ "Amitabha" nghĩa là diệu đức của "Ánh Sáng"[74]và "Amithayus" là diệu đức của "Thọ Mạng"[75]. Diệu đức của Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang được gọi là Phật. Theo "Kinh A Di Đà", do hai ý nghĩa này mà dịch tổng hợp lại theo cách gọi âm là A Di Đà Phật.

IV.2.3.2 Ánh Sáng Của N hư Lai

N guyện thứ 12 trong 48 lời nguyện của Bồ Tát Pháp Tạng sẽ hoàn thành diệu đức Quang Minh Vô Lượng. N guyện thứ 13 là hoàn thành diệu đức của Thọ Mạng Vô Lượng. Quang Minh của Phật chính là "tướng Trí Tuệ", biểu trưng về Đức Trí. Ánh

quang minh ấy phá trừ màn hôn ám (vô minh, vô trí) của thế giới tự ngã và hiển bày Đức Trí, mà N hư Lai giác ngộ thực chứng (chơn như, thật tướng). Trí Tuệ ấy được N hư Lai truyền đạt đến cho mọi người qua huấn từ của N gài; đến với chúng ta qua kinh điển còn để lại. Qua huấn từ của N hư Lai, chúng ta tự rõ biết và vượt qua những vọng tưởng về tự ngã là trung tâm điểm và biết rõ con đường trở về Thế Giới Chơn N hư. Khi đã vượt lên trên sanh tử liền siêu thoát vào lãnh vực giác ngộ giữa ta và người khác, chứng ngộ nhứt như bình đẳng (Tịnh Độ) ra khỏi ghét, thương, buồn, giận.

Đức N hư Lai dùng trí tuệ và ánh quang minh ấy chiếu khắp mọi nơi song không ai có thể dùng mắt thấy ánh quang minh, mà chỉ khi tiếp nhận sự giáo huấn, ánh sáng kia mới tiếp xúc với mình. Điều nầy không giải thích được. N hờ ánh sáng trí tuệ chiếu soi thế

giới chân thật cho kẻ vô trí, người sống với niềm tin và tâm từ bi. Trí tuệ ấy có thể hiểu là ánh quang minh, được biểu trưng qua những hoạt động của tâm từ, cũng gọi là Từ Quang[76].

IV.2.3.3 Gần Gũi Với Đời Sống

Hơn nữa, Đức Phật A Di Đà chính là đức Vô Lượng Thọ và của Vô Lượng Quang N hư Lai, hoàn toàn buông bỏ tự ý niệm mình và người[77], hoàn toàn giác ngộ "tự tha nhứt như"[78]. Trong đời sống thường ngày, mọi người đều cho rằng: "Đây là cuộc sống của tôi". thế nhưng cuộc sống ấy hoàn toàn không có ý nghĩa.

Thật ra, sự sống cũng như cách sống ấy vốn cùng một thể. Tự kỷ mà mọi người đều có giúp họ tỏ ngộ điều N hư Lai tỏ ngộ. Vì "đời sống của N hư Lai" cũng là khuôn khổ của "đời sống của tất cả chúng sanh". N ói cách khác, được xưng tán là Vô Lượng Thọ vì N hư Lai đã vượt qua ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai. Với lòng đại bi bao la vô ngại, Đức Phật A Di Đà liên tục cứu độ chúng sanh, không dừng nghỉ một chút thời gian nào, không bỏ bất cứ chúng sanh nào, dù nhỏ như hại bụi. Thế nên có một nghĩa khác, A Di Đà chính là "đời sống gần gũi" với mọi người vậy.

N hư vậy, điều trước tiên đối với chúng ta, những người cần cứu độ đó là phải niệm danh hiệu N am Mô A Di Đà Phật để được N hư Lai dùng phương tiện Pháp Thân mà tiếp dẫn. Dù trước cho rằng A Di Đà Phật là Báo Thân Phật, nhưng theo Đại Sư Đàm Loan là phương tiện Pháp thân của Đức Phật A Di Đà[79].

IV.2.4 Phật A Di Đà Thành Phật từ lâu xa

Từ xa xưa đã thành Phật hiệu A Di Đà. Hiện tại là Thích Ca Mâu N i Phật, đang ứng hiện tại thành Già Gia[80]. (Lược bớt phần phải thích theo lối Hán- N hật).

Đức Phật đã hoàn toàn giác ngộ thành Phật hiệu A Di Đà với một "đời sống gần gũi" từ lâu. Song vì cứu độ tất cả chúng sanh, rõ biết bổn nguyện của mình; nên ứng hiện vào nhơn gian với đời sống hữu hạn của một Đức Phật, thị hiện thành đạo tại thành Gaya hiệu là Thích Ca. (Chư Kinh Hòa Tán – Thánh Điển – trang 572).

Giải thích: IV.2.4.1 Thành Phật Từ Lâu

Theo Thân Loan, vì mang bổn nguyện khai mở con đường cứu khổ cho chúng sanh, Đức Thích Tôn thị hiện vào đời ô trược và sống với những người phàm phu đầy phiền não nầy. N hư tinh thần phNm N hư Lai Thọ Lượng của Kinh Pháp Hoa, cho rằng từ xa xưa N gài đã thành Phật, bây giờ thị hiện thành đạo tại Bồ Đề Đạo tràng, 80 tuổi nhập diệt, Đức Phật vốn là A Di Đà đã thành Phật xa xưa, N gài ứng hiện vào thế gian nầy với hình ảnh là Ứng Thân Phật và sử dụng ngôn ngữ thế gian để trình bày bản lai như thị. Hơn nữa, tuy đức Thế Tôn ứng hiện thành Phật[81] trong đời nhưng bằng nhiều hình thức, không ai có thể rõ biết bản lai của Đức Thế Tôn[82]. Bản lai ấy được gọi là "Cửu Viễn Thật Thành"[83], nghĩa là đã, đang và sẽ thành đạo trong quá khứ xa xưa mãi đến tận vị lai, để tiếp tục cứu độ chúng sanh, không có nhập diệt. Đó chính là Vô Lượng Quang[84] và Vô Lượng Thọ[85].

IV.2.4.2 Di Đà của Xa Xưa

Thân Loan nói theo Kinh Pháp Hoa, Bổn Môn của Đức Thích Ca chính là một vị Phật đã thành từ lâu xa. N gài có Quang Minh Vô Lượng và Thọ Mạng Vô Lượng. N gài chính là Phật A Di Đà như ta đã rõ.

Theo "Đại Kinh Hòa Tán":
A Di Đà thành Phật,
Đến nay hơn 10 kiếp,
Từ kiếp xa xưa ấy,
N gài là vị Phật rồi[86].
Vì "Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ" cho rằng Đức Phật A Di Đà thành Phật từ xa xưa hơn mười kiếp rồi, chúng ta được biết vị Phật nầy không ai khác đức Phật đã thành đạo từ xa xưa trước. Đồng thời, thệ nguyện luôn luôn cứu độ tất cả chúng sanh từ quá khứ đến tận cùng vị lai, của đức Phật A Di Đà rất lâu dài, không giới hạn được xem như là pháp môn vĩnh viễn vậy.

N goài ra Bổn Môn của Đức Phật Thích Ca là Đức Phật A Di Đà thành Phật từ lâu. Tích môn của Đức Thích Ca là Ứng Thân Phật. Về Bổn Môn, Phật là Đức Phật A Di Đà thành Phật từ lâu. Về Tích Môn, Đức Thích Ca ứng hiện trong cõi đời có tính cách hữu hạn vào một thời gian nhất định gọi là thị hiện ở thế giới Ta Bà. Mặc khác, Đức Thích Ca cũng vượt khỏi thời gian và không gian khi N gài thể nhập vào lãnh vực giác ngộ tuyệt đối không giới hạn, mà "Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ" chỉ cho đức Phật A Di Đà. Lại nữa, Đức Thích Tôn cũng thuyết những bài pháp mà Đức Phật A Di Đà đã từng thuyết rồi. Bổn Hoài Xuất Thế của Đức Thích Tôn cũng chính là bổn nguyện của Đức Phật A Di Đà như "Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ" cho biết. Phải chăng điều nầy khẳng định Bổn Ý của Đức N hư Lai không ngoài việc truyền trao giáo pháp chân thật.

IV.2.5 N hiếp Thủ Bất Xả

Giữ lấy không bỏ, ấy là danh hiệu Đức A Di Đà (Lược bớt phần giải thích theo lối Hán – N hật)

N ếu chúng sanh nào ở trong mười phương vi trần số thế giới niệm Phật trông thấy ánh quang minh của Đại Trí Đại Bi, sẽ được Phật nhiếp thọ, quyết không bỏ. Đó là việc chính yếu của pháp niệm danh hiệu của Phật A Di Đà. (Tịnh Độ Hòa Tán - Thánh Điển – trang 571).

Giải thích: IV.2.5.1 Lòng Thương Không Mệt Mõi

“N hiếp Thủ Bất Xả” theo “Quán Kinh” nghĩa là “Quán Chơn Thân thấy rõ trong mỗi ánh sáng chiếu soi khắp mười phương thế giới, được Phật nhiếp thủ không xả bất cứ một chúng sanh niệm Phật nào”. Toàn thân của Đức Phật A Di Đà phát ra Vô Lượng Quang Minh và chiếu đến mười phương thế giới. Ai nào niệm danh hiệu N gài, được ánh sáng ấy thâu nhiếp mãi cho đến khi người ấy lâm chung được tiếp dẫn về cõi Tịnh Độ một cách chắc chắn không bị bỏ rơi. Điều nầy được xem như những lời vàng ngọc mang lại niềm hoan hỷ và cảm động cho nhiều tín hữu Tịnh Độ Tông. Các

Tổ sư tán thán rất cảm động là “N iệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả”. Trong tác phNm “Vãng Sanh Yếu Tập” Đại Sư N guyên Tín nghe lời dạy “N hiếp Thủ Bất Xả” vui mừng lặp lại rằng:

“N gay như chúng ta dù thấy, nghe bị phiền não chướng ngăn không thấy được Phật, nhưng với lòng từ bi không mệt mõi thường chiếu soi, cũng được nhiếp thủ” [87]. Thân Loan đã trích dẫn nguyên văn như vậy vào “Chánh Tín Kệ” và “Cao Tăng Hòa Tán” tán thán bằng thi vịnh rất là hay về việc “chúng sanh niệm Phật nhiếp thủ không xả”. N hờ niệm Phật, thân tâm được tịnh hóa và nhờ đó được ánh quang minh bảo hộ và che chở. Điều nầy không sai chút nào cả.

Cho đến khi nào tâm phiền não giận ghét sầu bi không dừng lại thì khi ấy không thể diện kiến ánh quang minh của Đức Phật A Di Đà. Song một khi được ánh sáng của Đức Phật A Di Đà phóng ra nhiếp thủ lấy, thì chỉ trong nháy mắt được giáp mặt với Phật A Di Đà. Không có gì hạnh phúc hơn được như thế! Đại sư N guyên Tín cho rằng dù mình đã không thấy được mình, không rõ biết được mình, song vẫn diện kiến được N hư Lai và rõ biết N hư Lai. Vì thế, đối với chúng ta bây giờ không thấy được N hư Lai, có than cho lắm cũng không thể rõ biết được; nhưng không nên lo buồn vì một khi thấy (gặp) được, sẽ có niềm vui và sẽ rõ biết được và phải giữ gìn cNn thận.

IV.2.5.2 Ý N ghĩa của A Di Đà

Trong phần cuối của “Vãng Sanh Lễ Tán”, Thiện Đạo giảng kinh “A Di Đà” và bắt đầu bằng danh nghĩa của A Di Đà là Vô Lượng Quang (Amitabha), Vô Lượng Thọ (Amitayus). N hờ thành tựu công đức nên Phật ấy được gọi là A Di Đà. Theo “Quán Kinh”, điều nầy đã giảng rõ trong phần công đức của ánh quang minh nhiếp thủ bất xả rồi.

N ăng lực của ánh sáng ấy vô lượng, chiếu sáng đến mười phương quốc độ không bị chướng ngại, nhiếp thủ tất cả chúng sanh niệm Phật không bỏ sót cho nên gọi là A Di Đà. N ăng lực thọ mạng của Phật và nhơn dân cũng nhiều vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp cho nên có tên là A Di Đà[88].

Trong “A Di Đà Kinh Hòa Tán” Thân Loan cho rằng: “N ếu được nhiếp thủ, A Di Đà sẽ cứu độ”. Thế nhưng ở “Lễ Tán” có sự lược bớt về công đức của Thọ Mạng Vô Lượng. Chỉ có phần công đức của Quang Minh N hiếp Thủ phải nêu ra để chú trọng. Theo Thân Loan, “nhiếp thủ không xả” nghĩa là việc khai mở ánh quang minh không đơn thuần là hoàn thành công đức Vô Lượng của Đức Phật A Di Đà, mà chính ở trong Phật A Di Đà Phật có đầy đủ công đức rồi.

Phật A Di Đà nhiếp thủ không xả bất cứ chúng sanh niệm Phật bởi vì bổn nguyện của N gài là thành tựu pháp niệm Phật vãng sanh. Bổn nguyện ấy cho thấy Đức Phật A Di Đà hướng dẫn chúng sanh niệm Phật và hứa sẽ cứu độ nhiếp thủ. Có thể cho rằng ngoài pháp niệm Phật, không còn gì nữa.

IV.2.5.3 Không Xả Bỏ Vĩnh Viễn của N hư Lai

Căn cứ vào “Hòa Tán” thuộc dạng bản Quốc Bảo[89] của phái Takada, thuộc chùa Tổ Chuyên Tu, chữ “N hiếp Thủ” được dạy như sau:

“Tỉnh thức, cố gắng, nắm người bị rơi, kéo người bị trôi, kéo lên, tiếp độ và làm cho sáng tỏ”[90].

Đó chính là ý nghĩa của việc “nhiếp thủ”. Trước tiên chú thích được thêm vào là “nắm người bị rơi và vớt người không bỏ”. Ai có tín tâm kiên cố sẽ được nhiếp thủ.

N ếu chết trong trình trạng xấu nhất hoặc bị căn bịnh hiểm nghèo đau đớn làm cho việc niệm Phật xao lãng, hoặc bị hổn loạn mê mang, không làm gì được, vẫn được đức N hư Lai tiếp dẫn về Tịnh Độ, không bị bỏ rơi.

N iềm tin thông thường của những người tu theo pháp môn Tịnh Độ là nếu dừng nghỉ việc niệm Phật sẽ không được N hư Lai nhiếp thủ. Song theo Thân Loan, dù người niệm Phật, hay kẻ ác tri thức[91] hay người bịnh tật không thể nhớ Phật, hay kẻ phạm tội, hay người chẳng có tín tâm vẫn được “Chụp bắt người rơi rớt và

quyết không xả bỏ”. N hư người bịnh có thể quên chúng ta; nhưng chúng ta không quên người bịnh. Dầu cho chúng sanh bị ác duyên không có tín tâm và tự lực không tạo được niềm tin, song N hư Lai không bỏ vẫn cho họ niềm tin chơn thật. Đây chính là sự lợi ích của việc nhiếp thủ bất xả. Khi được vãng sanh Tịnh Độ, sẽ được bất thối chuyển và lần lượt vào ngôi “Chánh Định Tụ”.

IV.2.5.4 Chạy Theo N ắm Lấy N hư Lai

Lại nữa: “N hiếp có nghĩa là đuổi theo người chạy, để nắm giữ lại”, theo Thân Loan, đây cũng là một cách chú thích biểu thị quan niệm cứu độ đặc thù của mọi tôn giáo. N ói chung là ai dừng việc ác, tích chứa việc lành, người ấy hướng về và gần gũi N hư Lai, được N hư Lai đưa tay ra để cứu độ. Đó cũng là một cách suy nghĩ về sự “nhiếp thủ”.

Song phá bỏ sự suy nghĩ thông thường ấy, Thân Loan cho rằng với bổn nguyện của N hư Lai, giữa người hiền nào có hướng đến N hư Lai, dựa vào N hư Lai, chạy phía sau lưng Đức N hư Lai đi nữa với kẻ đang sống đời sống phàm phu đầy phiền não, bị rơi xuống địa ngục, thì kẻ ác ở trong trạng thái nguy hiểm phải được cứu độ gấp rút và cần

cấp hơn, vì nương vào N hư Lai và thiết tha mong được cứu độ qua pháp niệm Phật, hẳn nhiên chúng sanh ấy được cứu độ. Đây chính là bổn nguyện đại bi của Đức Phật A Di Đà được trình bày qua lời "nhiếp thủ bất xả".

N hư vậy không chỉ đơn thuần dừng lại ở việc niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà, mà với chúng ta, sẽ được N hư Lai cứu độ. Trong "N gự Văn Chương"[92] Liên N hư cho rằng "chỉ cần niệm lên ba chữ A Di Đà không ngừng nghỉ, sẽ được cứu độ".

IV.2.6 Đức Phật Thích Ca Và Đức Phật A Di Đà

Đức Phật Thích Ca là Cha và Đức Phật A Di Đà trở thành người Mẹ. (Lược bớt phần bình chú theo lối Hán - N hật).

Lòng từ bi của đức Thích Ca N hư Lai và đức A Di Đà N hư Lai như phụ mẫu tình thâm, Chư Phật dùng nhiều phương pháp khéo

léo để dưỡng nuôi chúng ta nên người. Hãy phát khởi niềm tin đến ân đức cao dày ấy. (Cao Tăng Hòa Tán - Thánh Điển – trang 591).

Giải thích: IV.2.6.1 Cha và Mẹ

Một phần của Hòa Tán "Thích Ca – A Di Đà" ghi chú rằng: "Đức Phật Thích Ca là Cha, Đức Phật A Di Đà là Mẹ". Cha nghĩa là chỉ bày dạy dỗ con đường chân chánh cho các con. Mẹ nghĩa là lo lắng dưỡng nuôi, bảo bọc các con nên người. Đức Thích Ca thị hiện trong thế giới Ta Bà giáo hóa kẻ tà ác qua bổn nguyện của Đức Phật A Di Đà. N ếu với người tu niệm Phật, Đức Thích Ca như một người cha nghiêm khắc thì Đức Phật A Di Đà như người mẹ hiền, tiếp dẫn cả người hiền lẫn kẻ ngu hoàn toàn không phân biệt. Tâm Đại Bi của N gài phổ độ tất cả chúng sanh, ánh Quang Minh Trí Tuệ của N gài thâu nhiếp và dưỡng nuôi người niệm Phật, có lòng tin trong bổn nguyện cho đến trưởng thành.

Hòa Tán nầy vốn là "Bàn Chu Tán" của Thiện Đạo, trong đó cho rằng: "Lòng từ bi của Đức Thích Ca N hư Lai như cha mẹ".

Thật vậy nếu cho rằng trí tuệ và giới đức của Đức Thích Ca như người cha, lòng từ bi và đức hiếu sinh của đức A Di Đà như người mẹ không sai tí nào. N ói cách khác "Lòng từ của Phật Thích Ca, Phật A Di Đà chính là lòng thương của cha và mẹ". Có phải Thân Loan là người đầu tiên gọi Đức Phật Thích Ca là Cha, Phật A Di Đà là Mẹ chăng? N hìn lại xa hơn, N guyên Tín và Thánh Giác cũng đã từng ví Đức Phật A Di Đà tượng trưng cho người mẹ. "Vãng Sanh Yếu Tập" cho rằng: "Phóng ánh quang minh đại bi nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật, từ nhãn của Đức Phật A Di Đà chẳng khác đôi mắt yêu thương nồng thắm của mẹ hiền, trìu mến chăm sóc con mình." Đây là điểm tán thán nổi bật về "lòng thương bao la của người mẹ". Thế thì Thân Loan chỉ là người kế thừa ví Đức Phật Thích Ca là cha và Đức Phật A Di Đà là mẹ.

IV.2.6.2 Sự Sai Khiến Và Mời Gọi

Sự sai khiến của Đức Giáo Chủ Thích Ca và sự mời gọi của Đức Giáo Chủ A Di Đà là những điều quan trọng, mà Thiện Đạo dẫn

chứng trong “Quán Kinh Sớ” phần “Tán Thiện N ghĩa”[93] khi nói về “Con đường trắng ở hai bờ sông”[94] giải thích về ba loại tâm rất đặc biệt. Kinh điển Tịnh Độ ở thế giới Ta Bà chỉ theo “con đường nầy (con đường trắng) để vãng sanh” là “bổn nguyện của người niệm Phật ” mà chính Đức Thích Ca chỉ bày (sai khiến) điều đó.

Phát nghĩa là “làm cho những gì ở trong ra ngoài”. Khiển nghĩa là “tạo hướng đến”. N hững ai như chúng ta đang sống trong trạng thái tuyệt vọng ở thế giới Ta Bà nầy, phải mau thoát khỏi như lời dạy: “Các con hãy quyết định tìm đường giải thoát, nếu không khó mà thoát khỏi sự chết”. Lời khuyên răn nầy gọi là sự sai khiến, ví cho Đức Thích Ca chỉ dạy người niệm Phật mau bước trên con đường trắng.

Con sông có lửa ám chỉ cho sân hận. Con sông có nước là tham ái, dù chúng ta muốn vượt qua bờ bên kia của hai con sông ấy; nhưng phiền não vẫn trói chặt chân tay giữ lại, cho nên liên tục được kêu gọi với bổn nguyện niệm Phật bước lên con đường trắng ấy. một cách thiết tha: “Hãy nhứt tâm chánh niệm, chúng con sẽ đến. Ta hộ trì cho các con” mà chính Đức Phật A Di Đà hối thúc chúng ta.

Chữ chiêu trong “chiêu hoán” nghĩa là vẫy, cầm, nắm lấy và chữ hoán nghĩa là gọi, réo, kêu.

Thân Loan gọi là “kêu réo” theo cách thông thường. Chữ “gọi” hay kêu thuộc về động từ. Còn bảo rằng “tiếp tục gọi” thì động từ “gọi” nầy đã trở thành động từ thứ hai. Dù cuộc sống của chúng ta vô cùng ngắn ngủi, nhưng bản ngã lúc nào cũng là trung tâm khiến chúng ta bị đóng chặt trong cái thân đầy tưởng tượng nầy, luôn bị lửa phiền não và ái dục thiêu đốt. Tuy nhiên, đức N hư Lai không quên chúng ta và luôn giúp chúng ta tỏ ngộ; nên kêu gọi, mời, kéo..., qua âm thanh của sự niệm Phật nầy.

IV.2.6.3 Lời Chỉ Giáo của Hai Đức Phật

Trong “Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ” Phật Thích Ca khuyên rằng: “Các con! hãy đi con đường nầy” và bổn nguyện của Phật A

Di Đà thiết tha nhắn nhủ: “Các con! nên nhứt tâm niệm Phật, chúng con sẽ đến. Ta sẽ một lòng hộ trì cho các con”.

N iềm tin được biểu lộ như sự chấp nhận lời giáo huấn và khuyên lơn của Phật Thích Ca cũng như Phật A Di Đà. Trong “Tôn Hiệu Chơn Tượng Minh Văn”, Thân Loan cho rằng: “Quy mệnh Phật Thích Ca và Phật A Di Đà là điều quan trọng và thiết yếu, nên nương theo và hành trì”[95].

N hư trước đã nói: “Đi về phía Tây, có Phật A Di Đà, đi về phía Đông có Phật Thích Ca, chính quý N gài sẽ đưa chúng ta về Cực Lạc”. Đang sống ở thế giới nầy, chúng ta nên vâng theo và tin tưởng lời giáo huấn ấy như sắc mệnh của chư Phật Thích Ca và Phật A Di Đà, bởi vì N gài Thân Loan đã minh chứng được điều ấy.

IV.2.7 Tha Lực Bất Tư N ghì

Khi nhập vào tha lực bất tư nghì thì, không cần suy nghĩ nữa. (Lược bớt phần giải thích theo lối văn Hán-N hật)

N hững ai tiếp tục bước trên con đường Thánh, mong giác ngộ ngay trong thế giới nầy, nên tu một cách nghiêm mật, thực hành tất cả những thiện hạnh để trở thành Phật. Đó là điều căn bản tu hành. Tâm con người không thể vượt trên bổn nguyện tha lực của N hư Lai. N ếu hành giả niệm Phật giao trọn niềm tin vào Đức Phật, sẽ không còn trở ngại và phức tạp gì nữa, vì khi niềm tin (tự lực) đã nương tựa vào N hư Lai, sẽ chính thức được (tha lực bất tư nghì) đón nhận. (Chánh Tượng Mạt – Thánh Điển – trang 609).

Giải thích: IV.2.7.1 Sự Lợi Tha của N hư Lai

N ói chung, tha lực nghĩa là "lực của người khác". Song theo Thân Loan, tha lực không chỉ là năng lực lợi tha của N hư Lai, mà cao hơn nữa, chữ "tha" vừa là của N hư Lai, vừa có thể là của ta, Thỉnh thoảng, Thân Loan định nghĩa niềm tin tha lực bằng nhiều ngôn ngữ biểu hiện như: "tín nhạo của tha lực" hoặc "tín tâm của lợi tha chân thật". Điều nầy mang ý nghĩa quan trọng, cần phải biết.

Lúc đầu chữ "tha lực" chỉ có trong giáo lý Tịnh Độ của Phật A Di Đà, về sau từ nầy được Thân Loan dùng rất thường. Phần cuối của "luận chú", có những pháp nghi nói về nhơn và quả vãng sanh, nhờ "tha lực" của Phật A Di Đà, mà chữ "tha lực" đó được hiểu là "tha lợi, lợi tha".

Từ "tha lợi" và "lợi tha" khi đàm luận có hai ý khác nhau. Về công việc của Phật, có thể gọi là "tha lợi". Còn việc làm của chúng sanh không thể nói là "tha lợi" được, vì nương Phật lực cho nên gọi là lợi tha[96].

Dù giống nhau về tính chất cứu độ của N hư Lai; nhưng trường hợp cứu mình gọi là "tha lợi" còn với Phật, là "lợi tha". Đối với Phật, chúng ta dùng từ "lợi tha" chỉ cho những việc làm của N hư Lai. Thế nhưng, đối với mọi người, dẫu gọi là "tha lợi" hay "lợi tha" sao cũng là "việc làm lợi ích cho người khác" thôi. Vì ý nghĩa giống nhau, nên thật là kỳ diệu với cách phân chia và giải thích trong "Luận Chú", ở đó Thân Loan giải thích về "thâm nghĩa của tha lợi và lợi tha" rất rõ ràng.

Cũng có thể suy nghĩ "tha lợi" nghĩa là làm lợi cho người khác, mà vì lợi ích chúng sanh, Đức Phật A Di Đà đã dành cho chúng ta. Ở đây, cũng có thể hiểu chung chung là đồng nghĩa với "tha lực". Song trường hợp nầy nên hiểu là "lợi tha" là "vì sự lợi lạc của kẻ khác", mà N hư Lai là chủ thể cứu độ, chúng sanh là khách thể được cứu độ. Hơn nữa, theo quan niệm siêu thế gian, vượt khỏi mọi sự phân biệt, "lợi tha", là thuật từ chỉ cho hoạt động cứu độ của N hư Lai thật bất khả tư nghì, bởi với chúng sanh như chúng ta, đức N hư Lai chẳng gọi là vì "anh, các con", mà cũng không phải vì "tôi".

IV.2.7.2 Tha Lực Bất Tư N ghì

Theo Thân Loan, hoạt động cứu độ của Phật A Di Đà thuộc vô phân biệt trí, vượt lên khỏi quan niệm về tự, tha, đó là sự cứu độ "Tự Tha N hất N hư". Ân Đức của N hư Lai cũng thật bất khả tư nghì, rất thực tế phổ biến khắp mười phương. Còn tự tha có chăng, chính là sự phân biệt qua con người, nhứt định không đúng. Thân

Loan cho đó là "tha lực bất tư nghì" và "Phật trí bất tư nghì". Đây chính là sự biểu hiện của bổn nguyện lực hồi hướng vậy!

Cuộc sống của chúng ta đầy phiền não, chắc rằng sẽ không thể vãng sanh về Tịnh Độ được. Đức N hư Lai phát nguyện tạo tha lực nhứt như để cứu độ chúng sanh, cho nên để đạt được Phật đạo, chúng ta phải niệm danh hiệu theo bổn nguyện. "Tin Ta, hãy niệm danh hiệu của Ta". Với những ai có niềm tin, theo bổn nguyện ấy, hình ảnh niệm Phật chính là thọ nhận bổn nguyện lực, như Thân Loan nói: "N hững ai có tín, hạnh sâu xa, nhờ có túc duyên nhiều đời". N iệm Phật chưa phải là hành, mà hành là sự biểu hiện của bổn nguyện lực như trong "Hành Văn Loại"[97] giải thích về tha lực rằng: "Tha lực ấy chính là bổn nguyện lực của N hư Lai". N hư vậy, chủ thể niệm Phật không phải là kẻ phàm phu mà là bổn nguyện lực của N hư Lai. Đây chính là minh chứng rõ ràng về lợi tha. Việc làm của mình cũng chính là việc làm của N hư Lai, vượt ngoài lãnh vực tư duy của con người. Chỉ có một điều nên rõ, niềm tin mới là cái gốc. N goài ra, Thân Loan dạy về tự lực, pháp môn "tư nghì" còn giới hạn trong tư duy của con người. Song dạy về tha lực, lãnh vực của đại bi, trí tuệ của N hư Lai, là vượt ra khỏi tư duy của con người, còn gọi là "tha lực bất tư nghì" hay là "Phật Trí bất tư nghì".

Điều quan trọng phải hiểu rõ là tha lực không có nghĩa là chẳng làm gì cả mà phải siêng năng nghe pháp, chí thành niệm Phật, cung kính lễ bái, và luôn luôn quy ngưỡng rằng N hư Lai vì ta mà cứu độ bất khả tư nghì. N iệm Phật không phải để củng cố tự lực, mà niệm Phật trói chặt tự lực của mình lại. N iệm Phật cũng không phải là tích chứa công đức, mà niệm Phật chính là hoan hỷ đón nhận tha lực nơi chính thân mình. Điều nầy, Thân Loan gọi là "Càng tin tưởng vào tha lực bao nhiêu, càng vượt qua khỏi sự đo lường bấy nhiêu[98]".

IV.2.7.3 Không N ghĩa Và Vượt Qua Khỏi N ghĩa

Từ Pháp N hiên, Thân Loan được nghe rằng: "Tha lực không nằm ở ý nghĩa, mà vượt mọi ý nghĩa". Pháp ngữ nầy được trình bày trong "Thân Loan Thánh N hơn N gự Tiêu Tức" như phần thứ sáu ghi rằng:

"Với N hư Lai, tha lực không nằm ở ý nghĩa mà vượt khỏi mọi ý nghĩa, Thánh N hơn[99] quy ngưỡng điều nầy. Không có nghĩa nào cả, không gì đo lường được cả. Cũng không mang ý nghĩa tự lực của hành giả; tha lực vừa là bổn nguyện vừa là niềm tin nhứt định vãng sanh. N goài ra, vượt lên trên mọi ý nghĩa[100]".

Về già, khi viết sách Thân Loan ghi lại những điều nầy trong những lá thư của mình.

Thân Loan giải thích rằng: "không giới hạn trong ý nghĩa và vượt qua khỏi ý nghĩa" chẳng phải sự đo lường về tự lực của hành giả. Chữ "nghĩa" ở đây dù là N GHN hay N GHĨA đều giống nhau "chỉ con đường chơn chánh, đạo lý". N ghị là phê bình và lý luận, khi nghĩ thiện thì thiện, khi nghĩ ác thì ác, N ghĩa là "đo lường", "đo lường tự lực". Song "vượt qua khỏi nghĩa", "tìm ra con đường chân chính, đạo lý" vừa là đạo lý chân chánh về tha lực, vừa là ý nghĩa chân chánh của tha lực. Hơn nữa, "vượt khỏi ý nghĩa" là tha lực bất tư nghì "tìm ra con đường chân chính, đạo lý" không phải là đo lường tự lực, mà chính là phương pháp tiếp nhận tha lực một cách chân chánh.

N hư vậy, tha lực chính là năng lực cứu độ bất khả tư nghì của N hư Lai, chắc chắn không thể thuộc con người. Đây cũng là lời giáo huấn thuộc về tính cách tôn giáo thế

giới vậy.

IV.2.8 Tín Tâm Chánh N hân

N guyên nhân chính của lòng tin ở trong sự trái ngược ấy. (Lược bớt phần giải thích theo lối văn Hán-N hật).

Sự phân biệt của con người có thể nghĩ bàn nhưng trí huệ N hư Lai và biểu hiện trí tuệ của N hư Lai thuộc về bổn nguyện thì vượt lên trên tất cả. Dùng tín tâm để lãnh thọ, không nghi ngờ, sẽ có nhơn (hạt giống) sanh về cảnh giới Báo Độ (Tịnh Độ Chân Thật). N hờ có chánh nhân Báo Độ trong tín tâm, nương theo năng lực từ bổn nguyện của N hư Lai, tâm sanh ra trí tuệ, còn chỉ có năng lực của con người thì không thể được như thế. (Chánh Tượng Mạt Hòa Tán – Thánh Điển – trang 608).

Giải thích: IV.2.8.1 Công Đức Chân Thật

Theo Thân Loan, Chân Thật Báo Độ là bổn nguyện của Phật A Di Đà hoàn thành một cảnh giới giác ngộ tối cao, nơi đó những ai vãng sanh về cũng hoàn thành trí tuệ giác ngộ cao cả của Phật. N hờ vãng sanh về Báo Độ mà sẽ thành Phật. N hưng hiểu rộng hơn, đây vừa là nhân của những ai tín tâm thành Phật, vừa là nhân duy nhất thành Phật, mà không có giáo thuyết nào nói khác hơn. Vì thành Phật, Bồ Tát Pháp Tạng phải trải qua thời gian không biết bao nhiêu lâu, tinh tấn tu hành, tích chứa trí tuệ và từ bi.

Thế nhưng, Thân Loan nhận thấy bản thể của lòng tin là trí tuệ N hư Lai, nói đúng hơn là chánh nhân thành Phật.

Lòng tin được ca ngợi đầu tiên trong "Tín Văn Loại" rằng: "là chánh nhân chứng Đại N iết Bàn và niềm tin Chân N hư N hất Thật rộng sâu như biển cả." Chắc chắn như vậy! Với N hư Lai, hướng đến niềm tin là Đại N iết Bàn, chủng tử cuối cùng của Phật A Di Đà, với bản thể là đức độ chân thật mênh mông như biển cả. N ói cách khác, "hãy có lòng tin thanh tịnh, tâm nầy không điên đảo và chẳng hư ngụy".

Căn cứ vào quyển thượng "Luận Chú", trong đó Thân Loan giải thích rõ nghĩa của từ "chân thật" là gì. Với "Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ" cho rằng "chân thật" là tướng trang nghiêm ở cõi Tịnh Độ, Phật A Di Đà mà Kinh điển diễn tả. Công đức ở Tịnh Độ là "chân thật", được giải thích rằng: "không điên đảo, không hư ngụy".

IV.2.8.2 Không Có Điên Đảo

Điên đảo nghĩa là trái ngược hoàn toàn với chân thật. Không điên đảo, theo cách định nghĩa của Thân Loan, là đúng ngay trong niệm đầu tiên, gọi là "Từ pháp tánh thuận theo N hị Đế[101]". Có thể hiểu rằng mọi vật đều vậy (chân như). Công đức trí tuệ là sự thể hiện chơn lý, cho nên cần phải lìa khỏi sự phân biệt đúng sai từ thực tiễn hành động của mình, bởi vì chân như chính là trí tuệ vô

phân biệt, mà lãnh vực vô phân biệt nầy được gọi là Đệ N hất N ghĩa Đế[102]. Với hạn lượng của tư duy, thật khó mà dùng ngôn ngữ để diễn đạt Hậu Đắc Trí, chân lý tối cực ấy, theo cách nói thế tục, Thế Tục Đế[103]. Bồ Tát Pháp Tạng thực hành cả N hị Đế cho nên trí tuệ của N gài lìa khỏi mọi tư duy sai lầm về cái thấy thuộc về "mình" và

“người”; nên “không điên đảo”.

IV.2.8.3 Không Có Hư N gụy

Không hư ngụy nghĩa là “nhiếp lấy chúng sanh và tiếp dẫn vào cảnh giới cứu cánh thanh tịnh”. Cứu cánh thanh tịnh là Tịnh Độ, cảnh giới hoàn toàn thanh tịnh, lãnh vực lìa xa mọi phiền não. Không hư ngụy là công đức cứu độ, thực thi phương tiện đại bi để tiếp dẫn chúng sanh về Tịnh Độ. Chữ “hư” có nghĩa là “không thật”, chỉ cho thân nầy vốn chẳng có gì. N gược lại, chân thật là đầy đủ trạng thái an lạc. Chữ “ngụy” nghĩa là không đúng, ngược lại hay trái lại với đúng. Ai ai cũng được tiếp dẫn vào Tịnh Độ, công đức đầy đủ và cuộc sống hoàn toàn an lạc là chân thật, không hư ngụy.

N hư vậy, tất cả chúng sanh được Bồ Tát Pháp Tạng cứu độ là chân thật. N hững hành xử Trí Tuệ, Từ Bi là chân như, mà ở thế giới Tịnh Độ, Đức Phật A Di Đà với Từ Bi và Trí Tuệ, ngài thực thi rất cụ thể. Ấy chính thực là công đức chân thật.

IV.2.8.4 Cái N hơn Của Sự Thành Phật

Đồng thời, về niềm tin Thân Loan cho rằng: “Lòng tin thanh tịnh chắc chắn khiến cho tâm nầy không điên đảo, không hư ngụy”, vì đức N hư Lai hồi hướng tín tâm nầy. Bồ Tát Pháp Tạng với tâm chân thật kiến lập cõi Tịnh Độ và biểu thị hoàn toàn giống nhau về bản chất thanh tịnh của Tịnh Độ và công đức Từ Bi, Trí Tuệ của Phật A Di Đà.

N ói khác, N hư Lai vừa là bản chất Tịnh Độ vừa là công đức Từ Bi, Trí Tuệ. N iềm tin cho chúng ta, những ai tâm còn đầy phiền não, công đức tín tâm, N hư Lai, Tịnh Độ. N iềm tin ấy nhân, là hạt giống Phật, thành Phật.

Trong “Tín Văn Loại”, Thân Loan cho tín tâm nầy là cái nhân chơn chánh và “tâm nầy là tâm Đại Bi của N hư Lai, chắc chắn rằng là chánh nhơn của Tịnh Độ”. “Chánh Tượng Mạt Hòa Tán” ca ngợi và tán dương rằng: “Trí tuệ của lòng tin ấy sẽ là nhân N iết Bàn”.

IV.2.9 Trí Tuệ của Lòng Tin

Khi thâm nhập vào được trí tuệ của lòng tin, phải dùng thân nầy để báo Ân Phật. (Lược bớt phần giải thích theo lối văn Hán-N hật)

Tất cả chúng sanh, miễn có lòng tin, sẽ được đức Phật A Di Đà, đầy lòng bi mẫn như đức Thích Tôn, tiếp dẫn và chắc chắn với lòng tin sẽ được thành Phật. Tâm nguyện thành Phật ấy chính là Bồ Đề Tâm. Được Phật A Di Đà dùng trí tuệ và công đức khai mở trí tuệ và tiếp dẫn vào thế giới bổn nguyện, lúc ấy chúng ta sẽ vui mừng vì được tắm gội trong ân đức N hư Lai và nguyện đem thân nầy để báo đền ân đức. (Chánh Tượng Mạt Hòa Tán – Thánh Điển – trang 606).

Giải thích: IV.2.9.1 Trí Tuệ Vượt Qua Khỏi Sự Sanh Tử

Trong bản Hòa Tán, quốc bảo của quốc gia, “Trí Tuệ của lòng tin” được giải thích thêm rằng: “Tiếp xúc với trí tuệ Phật A Di Đà ngay khi niềm tin vừa phát lên, trí tuệ liền phát triển”. Bổn nguyện của Đức Phật A Di Đà biểu hiện trí tuệ giác ngộ. Khi có niềm tin vững chắc, không còn nghi ngờ về lời dạy của bổn nguyện ấy chính là lúc tâm đã giống với trí tuệ N hư Lai. Thân Loan cho tín tâm đối với N hư Lai nầy biểu hiện tâm tìm cầu

giác ngộ, tâm Bồ Đề, tâm Phật vậy.

Bổn nguyện phát lên từ trí tuệ, chỗ hướng đến của chúng sanh trong mười phương thế giới, là lời nguyện rằng: “chí tâm tín nhạo, nếu ai muốn sanh ở nước ta.....”. Điều nầy chẳng phải là từ giả cõi đời và vãng sanh như ta nghĩ, mà ngược lại không ai có thể hiểu được sống, chết bởi vì càng giải thích càng phân biệt. Song ở đây phải vượt trên phân biệt, vì với Phật, chứng được vô phân biệt trí, Hậu Đắc Trí, sanh tử nhứt như[104].

N gài Thân Loan nói: “Vãng sanh, là niềm mong muốn (mệnh lệnh) của N hư Lai muốn kêu gào chúng sanh về với N hư Lai”. Lời kêu gọi “N ếu muốn sanh về nước ta.....” rõ ràng là ngôn ngữ ngời sáng như trí tuệ, vượt khỏi sanh tử. Sanh tử không chỉ tồn tại trong từng cá thể mà còn là lời nói thường tình trong thế gian, nhưng không thể diễn tả hết được.

IV.2.9.2 Tín Tâm Là Phật Trí

Lời kêu gọi của Đức Phật A Di Đà: “Chí tâm tín nhạo; nếu ai muốn sanh về nước ta” là lời nói xuất phát từ bổn nguyện, Phật trí bất tư nghì. Con đường duy nhất của chúng ta là chỉ nghe, tin tưởng và thọ nhận. Bởi vì suy nghĩ phân biệt của con người vốn cho rằng chúng ta phải vượt qua khỏi thế giới nầy, nhưng không sao lý giải bằng những phê phán thông thường. Lãnh thọ ý nghĩa lời dạy của N hư Lai là hãy quên đi mọi tư duy bình thường của mình. Đó là cứu cánh cao cả của kính tin và thọ nhận chân thật lời dạy của N hư Lai.

Lúc ấy, lãnh thọ lời khai thị xuất phát từ bổn nguyện ấy, trí tuệ chúng ta khai mở sanh tử, đạt được hiệu quả hành trì và tùy theo thọ nhận giáo lý trí tuệ của N hư Lai, chúng ta vượt qua khỏi sự sanh tử, thể nhập lãnh vực siêu thoát chân thật, thoát khỏi mọi thương, ghét thông thường. Không có gì kỳ lạ về việc vượt qua sanh tử nầy. Không phải tưởng tượng mà chính là lời giáo huấn của N hư Lai. Giáo lý bổn nguyện của N hư Lai cũng chính là lòng tin nơi mỗi chúng ta, cho nên có thể nói rằng bản thể của niềm tin là trí huệ N hư Lai vậy.

IV.2.9.3 Tín Tâm Là Bồ Đề Tâm

Có đầy dẫy phiền não thương ghét trong thân ta được bao trùm bởi thế giới sanh tử không thật cho nên muốn xả bỏ phiền não cần phải vượt khỏi sự sanh tử kia; sanh vào cảnh N iết Bàn, oán thân bình đẳng và thành Phật. Thân Loan gọi là tâm nguyện tâm thành Phật[105], cũng gọi là Bồ Đề Tâm. N hư vậy, bản chất của tín tâm là trí tuệ N hư Lai, là tâm Bồ Đề giác ngộ. Tín tâm ấy là chánh nhơn chơn vãng sanh Tịnh Độ N iết Bàn.

Bồ Đề Tâm nghĩa là cái tâm tìm cầu trí tuệ giác ngộ. Với tâm ấy chúng sanh hoàn thành tự lợi[106] và lợi tha[107]. Theo Đàm Loan, Bồ Đề Tâm có nghĩa là tâm nguyện làm Phật[108], và nguyện độ chúng sanh[109].

Bổn nguyện của Đức Phật A Di Đà là điển hình của Bồ Đề Tâm. “Muốn vãng sanh, thành chánh giác” vừa là lời ước nguyện vãng sanh, vừa là cầu thành tựu Chánh giác

của tất cả chúng sanh, còn là tâm nguyện làm Phật và cứu độ chúng sanh của Đức Phật A Di Đà. Với chúng ta, nghe đến tâm cứu độ chúng sanh của N hư Lai thường hiểu rằng tâm nguyện của N hư Lai mong muốn chúng ta thành Phật và niềm tin của chúng ta là nguyện mang tâm Phật. N hư vậy, tâm nguyện làm Phật của chúng ta vừa chiêu cảm tâm độ sanh và hoan hỷ đợi chờ cứu độ chúng sanh của N hư Lai, vừa cụ thể hóa mọi hoạt động của tâm từ, mà "Chánh Tượng Mạt Tán" ca ngợi tâm ấy như sau:

"Hướng đến N hư Lai là quay về
Tâm này nếu muốn nguyện làm Phật,
Phải hồi hướng tất cả tự lực
Để làm lợi ích mọi hữu tình"[110].
IV.2.10 Sự Chướng N gại N ương Vào N ơi Đức

Băng càng nhiều thì nước càng thêm. Chướng ngại càng nhiều thì Đức phải lớn. (Lược bớt phần chú thích theo lối văn Hán-N hật).

Phòng ngừa tội ác và khai mở giác ngộ, cả hai việc ấy đều không khác nhau, mà cùng bản thể công đức của chư Phật. Vì bản thể của một tảng băng lớn là nước cho nên băng sẽ tan thành nước khi nhiệt độ lên cao. Tảng băng càng lớn, nước càng nhiều. Giống vậy, khi trí tuệ chân thật được khai mở, bao nhiêu tội chướng, phiền não là bấy nhiêu công đức. Tội chướng càng nhiều, công đức càng đầy. (Cao Tăng Hòa Tán – Thánh Điển – trang 585).

Giải thích: IV.2.10.1 Vô N gại Quang N hư Lai

Phần "Đàm Loan Tán" trong "Cao Tăng Hòa Tán", có "Hòa Tán" tán dương công đức của Vô N gại Quang N hư Lai trong mười phương. Chữ "Vô N gại" không phải phòng ngừa phiền não ác nghiệp của phàm phu, mà là biểu hiện năng lực cứu độ tuyệt đối và bình đẳng cứu độ của N hư Lai. Hơn nữa, bất cứ ai, dù kẻ ác người lành, nghe được danh hiệu Vô N gại Quang N hư Lai nầy, sẽ được N hư Lai dùng ánh sáng nhiếp thủ và cứu độ. N gười ấy sẽ không có tâm lo lắng việc ác, không khoa trương việc lành, tinh thần tự tại, bình đẳng và tinh tấn.

"Thán Dị Sao" cho rằng: "N gười niệm Phật sẽ tạo con đường vô ngại". Với niềm tin, hành giả được đi trên con đường vô ngại "không nghĩ đến tội ác hay nghiệp báo, cũng không để ý đến việc lành". Bổn nguyện dành cho người niệm Phật là được Vô N gại Quang N hư Lai dùng ánh sáng để cứu độ, hộ trì, che chở và làm cho tâm sanh hoan hỷ.

IV.2.10.2 Chướng N gại N ương Vào Đức

Gọi là Vô N gại Quang, không phải chỉ đơn giản vì không có chướng ngại, mà vì chướng ngại đã được chuyển hóa thành những công đức như Thân Loan giải thích. Đầu tiên xin đơn cử về Hòa Tán như sau:

Lợi lạc nhận được từ Vô N gại Quang
Có thể nói nhờ vào niềm tin uy đức quảng đại
Chắc chắn rằng phiền não sẽ tan đi

Và Bồ Đề Tâm sẽ tăng trưởng[111].

N ếu không có nhiệt năng, băng tuyết vẫn là băng tuyết, cũng vậy phiền não vẫn là phiền não khi tâm con người thô thiển cạn cợt. Dưới ánh sáng chói chang của mặt trời, băng tuyết sẽ tan thành nước, cũng vậy nhờ bổn nguyện trí tuệ của N hư Lai, phiền não chuyển thành Bồ Đề. Bao nhiêu phiền não tương ưng bấy nhiêu công đức là biểu hiện ánh quang minh và trí tuệ viên dung vô ngại của N hư Lai. N iềm tin vào bổn nguyện chuyển phiền não thành trí tuệ, chuyển tội chướng biến thành những công đức như dưới ánh nắng mặt trời, băng tan thành nước.

Phần tổng quát của "Giáo Hạnh Chứng Văn Loại" cho rằng: "Viên dung công đức chính là tăng thêm sức trì Phật hiệu để chuyển ác nghiệp thành công đức trí tuệ chân chánh".

IV.2.10.3 Trí Tuệ Phát Trong N ghịch Cảnh

Ai ai cũng muốn bẻ gãy những chướng ngại, nhưng một khi vào đời phải thọ nhận muôn thứ: nào già, nào bệnh, nào chết, nào ái biệt ly, nào oán tắng hội v.v.., dẫu muốn chạy khỏi cũng không làm sao được. Không ai không mong cuộc sống của mình bình an vô sự, thế nhưng phải làm kẻ bị sống trong cuộc sống bất ổn, nên cầu nguyện Thánh, Thần, và chư Phật. Càng tìm cách chạy, càng không thoát và càng lo sợ nhiều hơn. Khổ đau ngày càng chất chồng lên cao nhưng không biết cách nào giải khổ. Dẫu lưu tâm vào cuộc sống cNn thận đến bao nhiêu, vẫn không biết được việc gì sẽ đến. Dẫu biết việc gì sẽ đến đi nữa cũng không thể giữ tâm bất động.

Thế nhưng, đứng trước những sự chướng ngmứựứ7h[aXV7ọ[aXV7 [và mâà

Kinh Duy Ma Cật cho rằng "Phiền não tức là đạo tràng" hay "Tam giới là đạo tràng". Bởi muốn phiền não thương ghét, ngu muội giảm thiểu phải đến giáo lý Phật Đà, để tìm ra con đường chân thật đó là ý nghĩa phiền não là Đạo Tràng. Mọi người ai cũng muốn thoát khỏi tam giới khổ não; nhưng chỉ có chân thật quy hướng Tịnh Độ là cơ duyên ra khỏi tam giới khổ não mà thôi, cho nên tam giới là Đạo Tràng. Giáo lý Phật Đà là những lời giáo lý đưa người vào đạo tràng, xây dựng cuộc sống chân thật của con người. Dẫu kẻ nào xấu đến mức nào đi nữa vẫn có thể tăng trưởng trí tuệ, qua sự giáo huấn của N hư Lai.

Đã có thuận cảnh, chắc chắn có nghịch cảnh. Cuộc sống của con người chỉ có ý nghĩa khi vượt khỏi những khó khăn, nhờ tin tưởng và thực hành pháp Phật. Đó chính là đạo tràng rộng mở đón nhận mọi nguồn tâm vào. Không phải là đồ phế thải, cũng không phải không có ý nghĩa khi trong cuộc sống có sự hiện hữu của N hư Lai.

N hư được biết: "N hư Lai hiện hữu trong từng vi trần của thế giới". Khi mọi việc được lắng nghe một cách chân thành, khiêm cung và tin tưởng, những ngoại đạo tà giáo cũng chuyển thành những thiện hữu tri thức, bởi vì dưới ánh mắt của N hư Lai, ngoại đạo tà giáo vẫn hiện hữu bên trong chất liệu trí tuệ của N hư Lai, cho nên với Tịnh Độ Chơn Tông, cuộc sống con người không phải chỉ kỳ nguyện sao cho không có nạn tai xảy ra, mà Đức Phật A Di Đà kiên nhẫn dùng năng lực từ bi để hoán chuyển nạn tai biến thành công đức và dùng trí tuệ cứu độ chúng sanh.

[60] Sinh năm 400 và tịch năm 480 [61] Sinh năm 476 và tịch năm 542 [62] Ý nói cõi An Dưỡng, Cực Lạc [63] Ý nói thế giới của những vị thần. [64] Với tâm nguyện hoàn thành khi giác ngộ [65] N guyện tác Phật tâm [66] Độ chúng sanh tâm [67] Đây chỉ về tánh tướng đều không của chư Phật [68] Cách giải thích về ứng thân Phật theo Phật Giáo N hựt Bản hơi khác về cách giải thích về ứng, hóa thân của Phật Giáo Việt N am và ngay cả báo thân cũng giải thích khác nữa. [69] Sinh năm 613 và tịch năm 681

[70] N ói rộng là 48 lời nguyện. N ói lược là lời nguyện thứ 18
[71] Do quả báo của việc làm lành dữ mà kết quả sẽ được vui hay khổ
[72] Kẻ phàm phu cũng được sanh ngay về báo độ
[73] Cực Lạc, An Dưỡng giới
[74] Vô Lượng quang
[75] Vô Lượng thọ
[76] Chính là ánh sáng từ bi
[77] Ý nói về mình và người
[78] Mình và người là một
[79] Xin tham khảo phần “phương tiện Pháp Thân của sách tiếng
N hật này – trang 150
[80] Thành Gaya ngày nay vẫn còn, gần Bồ Đề Đạo Tràng
[81] Phật lưu dấu tích lại thuộc về Tích Môn
[82] Bản Môn của Đức Phật Thích Ca
[83] Thực sự đã thành Phật từ lâu rồi
[84] Huệ quang chiếu vô lượng
[85] Thọ mạng vô số kiếp
[86] Thánh Điển – trang 566
[87] Chú thích bản Thánh Điển, biên về vị Tổ thứ 7, trang 956
[88] Chú thích theo bản Thánh Điển – biên về Tổ thứ 7 – trang 662
[89] Ý nói những tài liệu này thuộc loại tài sản của Quốc gia
[90] Thân Loan Thánh N hơn chơn tích tập thành – trang 3.105
[91] N hững người học Phật mà phủ định việc niệm Phật.
[92] Thánh Điển trang 1.133
[93] Chú thích bản Thánh Điển – biên về vị Tổ thứ 7 – trang 467
[94] Xem phần tiếng N hật trang 103 và tiếng Việt trang…
[95] Thánh Điển – trang 655
[96] Chú thích bản Thánh Điển – biên về Tổ thứ 7 – trang 155
[97] Thánh Điển trang 190
[98] Thánh Điển trang 783
[99] Đây ám chỉ Pháp N hiên
[100] Thánh Điển trang 746
[101] Tức Chơn Đế và Tục Đế

[102] Chơn lý cùng cực
[103] Ứng với Thế Tục Đế nói ra chân lý ấy
[104] Sanh tử là một không khác
[105] N guyện tác Phật-tâm
[106] Tìm cầu tự giác trí tuệ đã hoàn thành
[107] Đối với tất cả chúng sanh ngoài tự giác ra phải dùng sự thực tiển của lòng từ bi.
[108] Cái tâm nguyện thành Phật.
[109] Cái tâm cứu độ tất cả chúng sanh.
[110] Thánh Điển trang 604
[111] Cao Tăng Hòa Tán – Thánh Điển – trang 585
IV.3 LỜI DẠY CỦA HÒA N GỮ THÁN H GIÁO
IV.3.1 Pháp Tánh, Pháp Thân Và Phương Tiện Pháp Thân Đức
Phật có hai loại Pháp Thân. Một là Pháp Tánh Pháp Thân và hai là
Phương Tiện Pháp Thân. (Lược bớt phần giải thích theo lối văn
Hán-N hật)
Đức Phật A Di Đà có hai loại Pháp Thân đó là: Pháp Tánh Pháp Thân và Phương Tiện Pháp Thân. Pháp Tánh Pháp Thân vượt lên trên thức phân biệt để trở thành Vô Phân Biệt Trí, không thể so sánh, khó có thể rõ biết hình dạng và màu sắc, cũng không thể phân biệt rõ biết. Ở đây, không thể dùng ngôn từ diễn tả sự giác ngộ ấy. Lãnh vực giác ngộ nầy là "Vạn Vật N hứt N hư" chỉ cho Pháp Tánh Pháp Thân.

Hơn nữa, với lòng đại bi, Phật A Di Đà dùng phương tiện Pháp Thân cứu độ, mà cứu độ chúng sanh có thể nhận được biết đầu tiên Tỳ Kheo Pháp Tạng phát ra 48 lời nguyện vượt trên mọi suy nghĩ con người. (Duy Tín Sao Văn Ý – Chơn Tông Thánh Giáo Toàn Thơ – trang 630).

Giải thích: IV.3.1.1 Pháp Tánh Pháp Thân

Đàm Loan cho rằng Phật A Di Đà có hai loại Pháp Thân, đó là: Pháp Tánh Pháp Thân và Phương Tiện Pháp Thân. Phật Giáo lấy con người làm trung tâm nhận thức nên phân ra hai loại đó là thế giới Hư Cấu và thế giới Chân Thật. Còn Trí vô phân biệt là đạo giác ngộ vượt trên những ngôn ngữ sai biệt, thiện - ác, giận - thương, sanh - tử và tự - tha v.v..., những nhận thức phân biệt của con người, nhận thấy tất cả mọi vật đều như chính nó.

N hư vậy, có thể nói đây là Pháp tánh, sự tồn tại bổn tánh nhứt như (pháp, cũng là N iết Bàn tịch tịnh, hoàn toàn vắng lặng và không còn phiền não nữa, cũng biểu hiện các tánh: N hứt N hư, Thật Tướng, Pháp Tánh, N iết Bàn v.v... mà theo Thân Loan ý nghĩa của những thuật từ trên giống nhau, đều chỉ cho lãnh vực hoàn toàn vượt khỏi phân biệt.

Dĩ nhiên, trí giác ngộ và chân như là một, hoàn toàn không khác. Ở đây cũng có thể nói là nguồn gốc của trí giác ngộ là trí vô phân biệt. N hư vậy hầu như giáo pháp cũng chỉ có một, có thể gọi chung là Pháp Tánh Pháp Thân cũng được. Pháp Tánh ấy chính là

Pháp Thân vậy.

Pháp Tánh Pháp Thân vốn "không màu sắc, không hình tướng, không phân biệt và không ngôn ngữ". là lãnh vực Vô Phân Biệt Trí, hoàn toàn vượt khỏi mọi đối đãi có tính cách nhị nguyên.

IV.3.1.2 Phương Tiện Pháp Thân

Ở đây, một khi đã liễu đạt trí vô phân biệt, ai dựa vào tự mình cho là chân thật là kẻ sống không chân thật. Bởi vì, như chư Phật không có phân biệt tự - tha cho nên điều hẳn nhiên chúng ta, những kẻ sống một cách khổ não mê lầm sẽ được cảm thông và được chư Phật cứu độ. Chư Phật đem tâm đại từ tiếp dẫn và dựa vào lý chân như, thiết lập phương pháp hóa độ kỳ diệu để tiếp dẫn mọi người. Phương pháp nầy còn gọi là Vô Phân Biệt Hậu Đắc Trí[112]. Hoạt động trí tuệ ấy được xem là những phương tiện được thiếp lập, bằng phương pháp cứu độ rất cụ thể.

Tiếng gốc của thuật từ "phương tiện" là Upaya. Chữ nầy có nghĩa là "từ từ đến gần" chúng sanh, cũng có nghĩa là từ từ đến gần quả vị Phật. Bằng phương tiện thiện xảo thuyết pháp giáo hóa chúng sanh, đức Phật vừa mở cửa giác ngộ cho chúng sanh mê muội từ từ đến gần, vừa từ từ đến gần địa vị giác ngộ của chư Phật. Đức Phật dùng trí tuệ và lòng từ bi thiết lập phương pháp kỳ diệu cứu độ chúng sanh, phương pháp ấy còn gọi là "phương tiện thiện xảo".

Trong chữ Phương Tiện Pháp Thân, chữ Phương tiện nghĩa là phương tiện lấy từ bi làm thiện xảo. Trong "Luận Chú" Đàm Loan gọi Phương Tiện là "chánh trực" và "ngoại kỷ". Chánh trực nghĩa là bình đẳng, không thiên vị trở thành một, Bình đẳng lân mẫn với mọi người. N goại kỷ nghĩa là loại bỏ, chỉ dùng tâm đại bi cứu độ tất cả chúng sanh.

IV.3.1.3 N ói Về Phương Tiện

Phương Tiện (Upaya) khiến cho ta chú ý về cách dùng phương tiện thiện xảo. Ví dụ, người nghe lời giáo huấn và tu hành theo lời giáo huấn từ từ đến quả vị giác ngộ là phương tiện. Việc tu hành là phương tiện nên cũng có thể nói tu hành phương tiện.

Hơn nữa, giáo lý Phật Đà nói về việc cứu độ chúng sanh có sự phân biệt giữa giáo huấn phương tiện và giáo huấn chân thật. Cũng có thể nói khác, bổn ý của Phật là dành giáo huấn chân thật cho chúng sanh. N hưng bởi con người chưa thành thục, không thể thọ nhận chân ý cao siêu của Phật Đà, Phật phải dùng phương tiện giáo huấn trong mọi trường hợp. Đây chính là giả định có tính cách phương tiện, mà trong giáo dục phương diện giáo dục cũng đã được dùng đến. N hưng cuối cùng phải loại bỏ tất cả để trở về với ý chính của Phật. Phương diện giáo dục gọi là quyền giả phương tiện để dạy dỗ có tính cách giai đoạn vậy.

N hư vậy, dựa vào N hứt N hư để tồn tại, nhưng trước khổ đau, con người không nhận ra được. Tuy nhiên, N hứt N hư vẫn là N hứt N hư, bởi vì bản chất của sự vật là N hứt N hư bình đẳng. Liễu ngộ bản chất N hứt N hư cộng với tâm đại bi N hứt N hư, Phật vượt qua hạn định của ngôn ngữ, kêu gọi, cứu độ chúng sanh, cũng nhờ đó mà chúng sanh được giác ngộ. Việc nầy gọi là Phương Tiện Pháp Thân. Pháp Thân cũng chính là danh

hiệu bổn nguyện của Phật A Di Đà, qua lời gọi mời mong muốn chúng ta đến gần với N gài.

IV.3.2 Lắng N ghe Danh Hiệu

Lắng nghe là nghe bổn nguyện và khi nghe không còn tâm nghi nữa. (Lược bớt phần giải thích theo lối văn Hán-N hật)

N ghe danh hiệu nghĩa là trở về tánh nghe để nghe bổn nguyện. Chữ "nghe" nghĩa là nghe bổn nguyện với tâm không nghi ngờ; nên gọi là nghe. Hơn nữa, nghe nghĩa là dùng lời nói để biểu hiện đặc sắc của lòng tin về bổn nguyện. (N hứt N iệm Đa N iệm Văn Ý. Thánh Điển – trong 678).

Giải thích: IV.3.2.1 Sự N ghe N hư Thật

Trong quyển hạ kinh " Đại Thừa Vô Lượng Thọ" nói về sự hoàn thành nguyện thứ 18, có câu văn rằng: "Khi nghe được danh hiệu tín tâm hoan hỷ, cho dù chỉ một niệm". Vấn đề đặt ra ở đây là "khi nghe danh hiệu".

N guyện thứ 17 cũng nói về nguyện thành tựu của chư Phật khi nói về danh hiệu của Đức Phật A Di Đà; và đã đặc biệt ngợi khen ý nghĩa thù thắng khi nghe đến bổn nguyện cứu độ vạn người bình đẳng.

Thế nhưng "nghe danh hiệu" ở đây vừa là cách nghe vừa là thật nghe danh hiệu ấy. Khi nghe Danh hiệu mà không chú tâm, cái nghe ấy gọi là không như thật. Chữ "nghe" trong nguyện thứ 18 cho là "nghe danh hiệu ấy" là nghe không suy tính và lãnh thọ danh hiệu như thật, sự nghe ấy chính là "Không sanh lòng nghi khi nghe bổn nguyện".

"Không sanh lòng nghi khi nghe bổn nguyện " nghĩa là tín tâm mà nghe bổn nguyện "danh hiệu khi nghe". Đây không phải chỉ dùng lỗ tai nghe, cũng không phải là nghe trong sự phân biệt, nghi ngờ, mà nghe và thọ trì không nghi ngờ danh hiệu ấy. Ở đây giải thích rằng sự nghe ấy phải qua niềm tin.

IV.3.2.2 N ghe Chẳng N hư Thật

Đơn cử ở nguyện thứ 20 nói về việc nghe chẳng như thật rằng: "Mười phương chúng sanh khi nghe đến danh hiệu Ta và nhớ về nước của ta, là trồng được gốc của công đức và nếu muốn sanh về nước Ta nên chí tâm hồi hướng"[113]. Sự nghe trong nguyện thứ 20 nghĩa là đối với danh hiệu có nhiều công đức. Với tâm tỉnh

lặng, ai xưng niệm từ nhỏ đến lớn, dần dần trở thành công đức lớn lao. Cho rằng ta vãng sanh khi nghe ấy là sự sai lầm về cái nghe. Giống vậy cũng cùng việc nghe về danh hiệu của Đức Phật A Di Đà, nhưng với lòng đại bi, Phật A Di Đà dùng lời kêu gọi cứu độ, khiến chúng ta nương vào cách nghe danh hiệu một cách chân thật. N gược lại, không nghe danh hiệu qua lời nói, mà tự đo lường lý luận của mình là hiểu sai. Điều nầy, Thân Loan nói nơi mục "nghi về bổn nguyện".

N hư vậy, tự lực cố gắng và nghe với tâm nghi ngờ gọi là nghe chẳng như thật. Thật là uổng phí! so với bổn nguyện tha lực về việc nghe danh hiệu. Xưng niệm nhằm tích chứa công đức, nguyện được vãng sanh là nghe không như thật. N iệm Phật bằng tự lực

của chính mình là tu hành bất như thật.

IV.3.2.3 N ghe Tức Tin

N ói cách khác, câu văn ở nguyện thứ 18 rằng: “khi nghe danh hiệu nầy”. Chữ “nghe” ở đây nghĩa là “khi tụng danh hiệu Ta (N am Mô), tất nhiên sẽ được cứu độ (Phật A Di Đà)”. Đó là việc quy ngưỡng về bổn nguyện. Khi nghe, không so đo tính toán, không nghi ngờ, gọi là nghe chân thật. “Tín Văn Loại” giải thích về sự nghe như sau:

Kinh Điển cho biết “nghe” nghĩa là chúng sanh đối với Phật, nguyện khi nghe không khởi tâm nghi chính là sự nghe[114].

“Phát nguyện sanh khởi bổn mạt” là Bồ Tát Pháp Tạng phát khởi thệ nguyện từ tâm đại bi, bình đẳng cứu độ tất cả chúng sanh dù lành - dữ, hiền – ngu, và nguyện ấy trở thành bổn nguyện tha lực của Đức Phật A Di Đà cứu độ tất cả chúng sanh. Vì vậy, chúng sanh nên giao phó (phú thác) cho bổn nguyện lực của N hư Lai, chắc chắn nhờ bổn nguyện ấy sẽ được cứu độ. N hư thế, N hư Lai cứu độ không tính toán, tất cả những ai nhớ đến danh hiệu bổn nguyện “N am Mô A Di Đà Phật”. Việc nầy được giảng giải rõ ràng hơn trong “Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ”.

Đồng thời, N hư Lai không phân biệt khi nghe danh hiệu “tất cả đều được cứu”, chúng sanh phải không nghi ngờ lúc nghe. Đây

mới chính là nghe chân thật, gọi là “Văn Tức Tín”[115]. N ghe được gọi là nghe chân thật chính là nương tựa vào lòng tin như thế.

IV.3.2.4 Tin Tức N ghe

Tiếp theo “hơn nữa nghe trở thành lòng tin”. Sự nghe nầy ở nguyện thứ 18 giải thích như biểu hiện đặc sắc về tín tâm đối với tha lực. Hơn nữa, niềm tin nơi bổn nguyện tha lực chính là sự thọ nhận khi nghe danh hiệu không so đo. N iềm tin khi nghe bổn nguyện hay nói khác là lòng tin nơi bổn nguyện được giải thích một cách rõ ràng không phải sự suy nghĩ đóng khung bởi chính mình về lòng tin, mà lòng tin ấy quy ngưỡng về: “xưng danh hiệu ta, tất nhiên ta sẽ cứu độ”.

Khi nghe danh hiệu với tín tâm không so sánh là biểu thị đặc thù của tín tâm về bổn nguyện cũng chính là: “Tín tức Văn”[116]. N iềm tin ấy là sự nghe lời dạy của N hư Lai, chứ thật ra không có gì khác hơn cả.

Từ trước đến nay, nói về lòng tin tức nói về hình thức ảnh hiện nơi tâm ta về danh hiệu. Ảnh hiện ấy nghĩa như những chữ phía dưới được chạm nổi có hình tượng và in trên giấy, mà Kagai Senmyo viết như sau:

N ếu viết chữ bên trái thì chữ bên phải sẽ được cứu. N goài ra, được trợ lực bởi niềm tin.

Khi nghe “N iệm danh hiệu Ta tất nhiên được cứu độ (N am Mô A Di Đà Phật)” không cần so đo suy nghĩ, “chắc chắn yêu cầu được cứu độ (N am Mô A Di Đà Phật)” bởi vì niềm tin ấy như là ấn hiện, mà tồn tại của niềm tin về bổn nguyện lực hồi hướng, như trước đã nói “N goài cái sắc lệnh ra không cần giải thích”. N ói khác hơn N am Mô A Di

Đà Phật chính là sắc lệnh kêu gọi của bổn nguyện hội tụ lại trong niềm tin và đầy đủ tất cả.

IV.3.3 Lòng Tin Là Gì?

Lòng tin chính là sự lắng nghe lời thệ nguyện của N hư Lai với tâm không nghi hoặc. (Lược bớt phần giải thích theo lối văn Hán-N hật)

Quyển hạ Kinh Vô Lượng Thọ đề cập về câu văn của lời nguyện thứ 18 nói rằng: "Tín tâm hoan hỷ cho đến một niệm". Tín tâm ở đây có nghĩa là khi nghe đến bổn nguyện của N hư Lai, không có tâm nghi ngờ gì cả. (N hứt N iệm Đa N iệm Ý – Thánh Điển – trang 678).

Giải thích: IV.3.3.1 N gôn N gữ Của Lòng Tin

Thân Loan định nghĩa tín tâm là "tâm không nghi ngờ về bổn nguyện", nói cách khác là không có tâm nghi. Giống như thế trong "Tín Văn Loại" giải thích rất rõ về chữ và nghĩa của các pháp, gọi là: "Không nghi tầm bậy, chỉ một lòng tin tưởng" mà phải thật sự vui vẻ, tin tưởng nơi bổn nguyện thành tựu. Cả tín tâm và tín nhạo tiếng Phạn gọi là Purasada, cũng được dịch là lòng tin thanh tịnh, tịnh hóa tâm. Thông thường, tùy theo tiếp nhận lý giải thích lời dạy của Phật một cách chánh đáng, tâm ta trở nên thanh tịnh, trong tâm ấy niềm tin được hình thành.

N hưng Thân Loan cho rằng: "Không nghi tầm bậy gọi là tín nhạo". "N ghi" còn gọi là "nghi cái" nghi ngờ, che lấp, chỉ cho phiền não, chỉ cho chân lý bị che khuất, đặc biệt chỉ cho tâm nghi bổn nguyện cứu độ, chỉ cho bổn nguyện cứu độ bị che khuất. Chữ "cái" có nghĩa là "đậy lên, phủ lên cái gì đó". Tâm nghi ngờ bổn nguyện, giống như ly nước bị đậy, làm cho nguyện lực không thể đến với tâm bị so đo tính toán che khuất. Điều đó được dạy rằng:

"N ghi ngờ che khuất trạng thái niềm tin giữa N hư Lai và chúng ta".

N hư vậy tín tâm nơi lời nguyện thứ 18 là trạng thái "tâm không có nghi ngờ về bổn nguyện". Bổn nguyện ấy là pháp chân thật[117]. Được vậy, tín tâm sẽ tỏ thông, hồi hướng đến N hư Lai. Thật vậy, tín tâm chính là phần trên của tâm được mở rộng, không phải do tưởng tượng, mà xuất phát từ lòng đại bi N hư Lai mong ta sanh về Tịnh Độ. N hờ giáo lý bổn nguyện đi sâu vào tâm thức, từ đó ảnh hiện lên trí tuệ, con đường Tịnh Độ và N iết Bàn.

IV.3.3.2 Đo Lường về Tự Lực

Thân Loan cho rằng sở dĩ nghi ngờ bổn nguyện vì "đo lường tự lực". Đo lường nghĩa là: "phân biệt, phán đoán" hoặc "chính mình suy nghĩ về mình như thế như thế!" cũng gọi "xử trí cho thích nghi". Với Thân Loan đo lường theo cách dùng thông thường là xử trí một cách thích nghi. Hơn nữa như nói "đo lường về N hư Lai" dùng chữ nầy với ý nghĩa có tính khẳng định. Từ kẻ phàm phu cho đến Bồ Tát Di Lặc "chẳng có ai là đo lường về bổn nguyện bất tư nghì nầy cả". Mà "tất cả đều lìa sự đo lường". Đây chính là cách phân chia để sử dụng ba loại phủ định như trên.

“N ghi ngờ về bổn nguyện” đồng nghĩa với “tính toán về sự gặp gỡ”. Trong trường hợp không nói sự đo lường nằm ở ý thứ ba theo cách lý giải thông thường sanh và tử, thiện và ác..., là những sự phân biệt lý giải cố hữu. Thật ra, thiện ác không còn, tất cả chúng sanh đều được cứu độ một cách bình đẳng. Cho nên nói: “hãy sanh về Tịnh Độ” vượt lên khỏi suy nghĩ của con người và lời dạy của bổn nguyện. Còn suy nghĩ của mình, phê phán, xử trí cho thích nghi v.v.. tất cả đều là đo lường của tự lực. Còn bổn nguyện bất khả tư nghì không còn nghi ngờ xuất hiện vây quanh cũng như không còn những sự giải thích riêng lẽ về tự lực của mình, đây chính là cái nghi bị che đậy lên hay nói đây là nghi hoặc.

Thông thường theo Phật Giáo, nghi nghĩa là năng lực phán đoán về sự vật không đích xác, còn do dự và suy nghĩ không quyết định, cũng là ý nghĩa phán đoán của con người chưa đầy đủ. Thế nhưng, nghi hoặc bổn nguyện biểu hiện trạng huống vô hiệu về năng lực phán đoán, năng lực lý giải của con người. N ghi hoặc bổn nguyện nếu nói theo lối thông thường, là sai ngay từ ban đầu. N gược lại nghi ngờ là niềm tin. N gười không có tín tâm đương nhiên bị người đời phê phán không có niềm tin. N ói chung, Phật Giáo cho rằng đây là sự sai trái nhất thuộc về lãnh vực niềm tin vậy.

IV.3.3.3 Tâm Mệnh Chung và Thân Mệnh Chung

N ghe lời thệ nguyện bất khả tư nghì như thế, không cần dùng đến năng lực của chính mình để phê phán và suy nghĩ nữa, hãy dùng tâm trống rỗng thọ nhận, quy ngưỡng về bổn nguyện của Phật A

Di Đà, mà Thân Loan gọi là không nghi ngờ nữa, hoặc cho là lìa khỏi sự tính toán. Trước bổn nguyện của Phật A Di Đà, chúng ta tự mình xả bỏ tất cả những hý luận, lý giải, mà sự xả bỏ ấy nghĩa là chỉ nghĩ về bổn nguyện mà thôi. Với ý nghĩa ấy, hơn một lần chính mình đi tìm tâm mình khi chết, mà bằng tự lực đơn độc, con đường thoát khổ vẫn không mở ra.

Trong phần đầu của tác phNm “N gu N gốc Sao” Thân Loan cho rằng: “Tín nhận bổn nguyện, trước khi lâm chung (lược bớt) niệm danh hiệu, sẽ được vãng sanh, ngay tức khắc được sanh về”[118]. Phút lâm chung, tin tưởng và thọ nhận bổn nguyện nghĩa là đo lường sự chết. Còn tức đắc vãng sanh và hậu niệm tức sanh nghĩa là được N hư Lai dùng bổn nguyện tha lực hộ niệm và chiếu ánh quang minh nhiếp thủ bất xả. Thế thì thành Phật là đương nhiên và sẽ nhập vào Chánh-định Tụ[119] sống một đời sống mới của N hư Lai.

Dựa theo ý đó, trong “Tối Yếu Sao”[120] Giác N hư cho rằng phải lìa khỏi sự tính toán của tự lực gọi là “tâm mệnh chung”. Khi lâm chung xả bỏ uế thân. Đây gọi là “thân mệnh chung”. Trong một ý nghĩa nào đó về tôn giáo còn gọi là sự chết là tâm mệnh chung, bởi vì lúc ấy chúng ta nhập vào lãnh vực Chánh định Tụ và có một cuộc sống mới khác[121].

IV.3.3.4 Quy N gưỡng Về

N ghe sắc mệnh lời gọi bổn nguyện nầy, tâm không nghi ngờ và cũng không tính toán, một lòng tùy thuận quy ngưỡng và nhờ lòng tin, tâm biểu hiện tùy thuận, như Thiện Đạo trong "Tín Văn Loại", có "Lời Ví Dụ Về N hị Hà Bạch Đạo" và "bây giờ tùy thuận tin theo ý của hai N gài". N iềm tin là sự thuận tin theo cũng có nghĩa là tùy thuận. N ếu đi theo con đường nầy, theo lời chỉ dạy của Đức Thích Ca, con đường sẽ dẫn đến sự mời gọi của Phật A Di Đà, không tính toán mà tùy thuận. N am Mô A Di Đà Phật chính là con đường trắng của nguyện lực dẫn chúng ta trở về với niềm tin.

Trong: "Tôn Hiệu Chơn Tượng Minh Văn" Thân Loan cho rằng: "hãy trở về với sắc mệnh của N hư Lai" rõ ràng là sự tùy thuận không so đo và quy mệnh đúng nghĩa về lời dạy của N hư Lai.

N guyên ngữ của chữ tín tâm là Purada. Còn chữ quy mệnh là N amu. N guyên thủy hai chữ nầy riêng biệt, nhưng theo Thân Loan cả hai đều "quy ngưỡng về Đức N hư Lai", mà Thân Loan dùng hai từ nầy cùng một ý nghĩa giống nhau.

IV.3.3.5 Sự Yêu Cầu

Hơn nữa, đôi khi Thân Loan dùng chữ tín tâm theo văn N hật N gữ, là yêu cầu, mong muốn. Đầu tiên "Duy Tín Sao Văn Ý" cho niềm tin là "mong muốn nơi bổn nguyện tha lực và lìa khỏi tự lực". Ở đó, tín tâm là xả bỏ mọi toan tính của tự lực và nương nhờ vào (yêu cầu đến) bổn nguyện tha lực. Hơn nữa, "Hành Văn Loại" giải thích ý nghĩa sáu chữ là trở về. Chữ "quy thuyết giả" là trở nên, mong muốn quay về, cũng có nghĩa là toan tính, đo lường. Theo "Bổn N guyện Chiêu Hoán Sắc Mệnh" niềm tin là sự biểu hiện trạng thái giao phó trọn vẹn thân ta.

Chữ "yêu cầu" theo từ điển hiện thời định nghĩa là "từ đó làm thành, làm cho, tạo niềm tin, nương thân vào đó, khNn nguyện". Theo cách dùng của Thân Loan, trong trường hợp nầy hầu như không có nghĩa khNn nguyện. Có thể ông ta dùng theo cách hướng về và giao trọn vẹn, cũng có thể là giao thân mạng nầy hết cho N hư Lai, hay là với ta không có Phật trí nên cầu xin cái bất tư nghì của Phật trí, hoặc là xả bỏ tâm yêu cầu, vì nơi tự thân tích chứa nhiều căn lành phước đức; hay cũng có nghĩa là yêu cầu nương nhờ về bổn nguyện lực. Dẫu Thân Loan có so sánh ý nghĩa của tôn giáo đi chăng nữa, sự cứu độ của N hư Lai theo lời nguyện cầu ấy, rõ ràng không phải là tín tâm.

Chỉ có như thế sao? Pháp N hiên cũng đã tin như vậy. N hưng Thân Loan chắc chắn dùng chữ yêu cầu theo chữ Hán nghĩa là "bằng", nghĩa là nương tựa, nhờ cậy, cho nên nói: "nhờ cậy, nương tựa vào hoằng thệ của Đại Bi". N goài chữ nầy ra, không có chữ nào khác có thể thay thế cho đủ nghĩa hơn. Chữ bằng nghĩa là người ấy ở trạng thái không thể rời khỏi được mà phải cần nương tựa, như "xin nương tựa vào đó, giao hết thân mệnh cho đó, giao trọn vẹn", mà ý nghĩa khNn nguyện hoàn toàn không dùng đến. Trong khi đó, Liên N hư cho rằng tín tâm là "mong mỏi nơi Phật A Di Đà", cũng là cách dùng chữ theo lối cũ mà thôi.

IV.3.3.6 N iềm Tin Là Sự Chân Thật

Hơn nữa, Thân Loan cho rằng niềm tin là chân thật. Phần đầu của "Tín Văn Loại" giải thích rằng "Tín có nghĩa là trở thành chơn, trở thành thật". N guyên ngữ, theo tiếng Trung Hoa, là lìa nói dối, hư ngụy gọi là chơn. Chơn có nghĩa là thật. Tín được hiểu là chân thật. Với Thân Loan, niềm tin thường liên hệ chặt chẽ với chân thật. Chân thật của N hư Lai là Trí Tuệ. N ếu niềm tin không đồng nghĩa như thật không phải là niềm tin. N guyên thủy chữ tín nghĩa là chơn chánh.

N ói khác hơn, theo Thân Loan tín tâm nghĩa là "nương vào bổn nguyện tha lực", mà bổn nguyện ấy chính là sự chân thật, tuyệt hảo vậy. Không nghi ngờ gì nữa để nương tựa và thiết lập niềm tin nơi ấy.

"Đạo Hiệu Chơn Tượng Minh Văn" giải thích nguyện thứ 18 phần chí tâm tín nhạo rằng "Chí tâm làm cho chân thật mà sự chân thật ấy là sự gần gũi Đức N hư Lai, để chí tâm trở thành chân thật, bởi vì chúng sanh dẫy đầy phiền não không có tâm chân thật, không có tâm thanh tịnh, chỉ có những ác trược, tà kiến. Tín nhạo nghĩa là tiến đến bổn nguyện chân thật của N hư Lai, không khác, có niềm tin sâu sắc, không nghi ngờ là tín nhạo"[122]. Đây chính là sự biểu hiện của tâm vậy.

IV.3.4 Hiện Sanh Chánh Định Tụ

N gười có tín tâm chân thật, sẽ được nhiếp thủ bất xả và ở vào ngôi Chánh Định Tụ. (Lược bớt phần giải thích theo lối văn Hán-N hật)

Kẻ có lòng tin chân thật, được nương cậy vào bổn nguyện tha lực của Đức Phật A Di Đà, được lợi ích nhiếp thủ bất xả chắc chắn sẽ thành Phật và ở vào ngôi Chánh Đinh Tụ. Hơn nữa, khi lâm chung chờ đợi được đón về. Với niềm tin ấy, quyết định sẽ được vãng sanh. N goài ra lúc lâm chung sẽ được đón rước là điều cảm nhận được, chứ không cần thiết là một nghi thức phải có khi lâm chung. (Thân Loan Thánh N hơn N gự Tiêu Tức – Thánh Điển – trang 735).

Giải thích: IV.3.4.1 N ói Về N ghiệp Lúc Lâm Chung

Qua lời dạy của Thân Loan, có một chỗ đáng lưu ý là với những ai không nghi và tin tưởng nơi bổn nguyện, được lợi ích liền đó, được nhiếp thủ bất xả. N iềm tin lúc bình thường là vãng sanh thành Phật, thân nầy nhứt định trở thành Hiện Sanh Chánh Định Tụ thuyết và dùng năng lực ấy để thuyết pháp. Điều nầy từ xưa đã là suy nghĩ bình thường của giáo lý Tịnh Độ. Khi lâm chung nhất định được tiếp dẫn vãng sanh là phủ định tư tưởng đặc thù của thuyết hoán chuyển.

Thân Loan, những người bình thường theo Tịnh Độ Giáo và hầu như tất cả môn hạ của Pháp N hiên đều tin chắc rằng được vãng sanh ngay trong đời nầy và rất ít người tin thuyết về "Hiện Sanh Bất Thoái"[123], bởi vì không ai cho rằng trong đời nầy quyết định vãng sanh thành Phật, chứng vào ngôi vị Chánh Định Tụ. N hững người ấy tin nương vào tự lực niệm Phật, xác định chỉ thực hành như thế mới có thể được.

N hư vậy giữa cả hai điều tin tưởng ấy, điều nào là đáng tin hơn? Đây là điều mà con người để niềm tin của mình ở bên ngoài công kích và bẻ cong niềm tin. Hoặc tự mình tạo tội, bị dao động trước việc tin tưởng chính xác kia, hoặc có trường hợp bị bệnh,

nhưng không tin nên không niệm Phật. Trong cuộc sống giới hạn nầy, khó nói được làm thể nào để có thể bất thoái chuyển, cho nên đến khi lâm chung như vết dầu loan không gián đoạn phải niệm Phật, nhờ không mất chánh niệm lúc lâm chung vì luôn luôn niệm Phật, cuối cùng cảm nhận ánh sáng của N hư Lai chiếu đến nghinh tiếp và nghĩ rằng đây là vãng sanh nhưng vẫn phải mang theo nhơn nghiệp của mình, gọi là thuyết "Lâm Chung N ghiệp Thành" vậy.

Đối với thuyết "Lâm Chung N ghiệp Thành" nầy, Thân Loan cho rằng thuyết "Hiện Sanh Chánh Định Tụ" hơn, vì không chờ lúc lâm chung mà với niềm tin lúc bình sanh cũng có thể quyết định vãng sanh, do cái nghiệp vẫn còn làm nhơn. Đây là chủ trương của Giác N hư và Trưởng N am, Tồn Giác gọi là thuyết "Bình Sanh N ghiệp Thành".

IV.3.4.2 Chánh Định Tụ N ghĩa Là Gì?

Có nhiều ý nghĩa giải thích về Chánh Đinh Tụ. Căn cứ theo Thân Loan, từng bộ phận được giác ngộ lý Chân N hư và khai mở Trí Tuệ Vô Lậu, vượt khỏi Tam Giới[124], đoạn trừ hết tất cả mê hoặc phiền não thương ghét, chứng địa vị Sơ Địa trở lên của Bồ Tát, gọi là những bậc Thánh, với chân lý là bậc Chánh Trí[125], quyết định thành Phật, làm bạn với các bậc Thánh, nhập vào Chánh Định Tụ nghĩa là đã vãng sanh về Tịnh Độ. Thật khó mà thực hiện trong một đời được!

Thế nhưng, khi nói về tín tâm của các hành giả ở vào ngôi vị Chánh Định Tụ, Thân Loan cho rằng ngay cả những kẻ phàm phu hay vừa vào hàng Thánh cũng có thể thành tựu vì nương vào ân đức Phật, bởi vì giống như "lửa phiền não thiêu đốt, nhưng lửa ấy sẽ tiêu đi". N hư vậy, Thân Loan khẳng định rằng trong ngôi Chánh Định Tụ vẫn có những phàm phu như thường, bởi vì phàm phu lấy tín tâm để hồi hướng đến N hư Lai, tâm Phật ấy ở vào vị trí trí tuệ vô lậu. N hờ lòng tin bổn nguyện mà kẻ ấy khi chết dầu ngu si hay còn phàm phu đầy phiền não vẫn có cơ duyên ở vào ngôi Chánh Định Tụ và Vô Lậu Trí, nhờ thọ nhận ân đức Phật. Kẻ phàm phu ấy cũng đồng là bậc Thánh, vì nương vào ân đức vậy.

IV.3.4.3 Sự Lợi Ích của N hiếp Thủ Bất Xả

Một lần nữa nói về Chánh Định Tụ, Thân Loan lại chủ trương rằng ai có niềm tin hiện đời được lợi ích. Đơn cử kẻ có niềm tin được lợi ích bằng nhiếp thủ bất xả rằng: "Ai chân thật tín tâm sẽ được nhiếp thủ bất xả, sẽ ở ngôi Chánh Định Tụ" mà điều nầy thỉnh thoảng vẫn được nhắc đi nhắc lại.

Lợi ích của nhiếp thủ bất xả là với tâm vượn lên, tin tưởng bổn nguyện niệm Phật vãng sanh, liền lúc ấy N hư Lai dùng ánh quang minh chiếu đến nhiếp thủ và hộ niệm, nhờ vậy được lợi ích nhiếp thủ. Thân Loan cho việc nầy là "nắm chặt lấy người, không hề buông bỏ". Đối với hành giả có tín tâm, thấy không bị bỏ rơi và quyết định khi lâm chung trong một niệm, tiếp tục giữ gìn và chắc chắn nhờ tín tâm như thế quyết định không thoái chuyển. Vãng

sanh thành Phật là cái nhơn, mà với niềm tin không thoái chuyển ấy, kẻ có niềm tin sẽ ở vào nơi bất thoái chuyển, nhập vào Chánh Định Tụ.

IV.3.4.4 Trật Tự Của N hư Lai

N hững chúng sanh niệm Phật được nhiếp thủ bởi ánh quang minh và lòng từ bi trí tuệ của Phật A Di Đà nghĩa là cội nguồn căn bản của trí tuệ từ bi của N hư Lai rất trật tự. N hững kẻ với phiền não dẫy đầy vẫn là phàm phu và ở dưới trật tự của N hư Lai, nghĩa là tồn tại của mỗi cá thể phải được đặt đúng vị trí. Hay nói khác hơn, với lòng từ bi trí tuệ của Phật A Di Đà, vô minh và phiền não đóng lại. N hưng nếu sống trong đời sống không có ý nghĩa, không có phương hướng, chúng ta trở nên hổn loạn, vô trật tự. Do vậy, phải cần có ý nghĩa mới về cách sống ấy, đó chính là việc khai mở cảnh giới, an trụ có trật tự trong lãnh vực tinh thần. Biến hổn tạp thành trật tự chính là cứu độ. Với ý nghĩa đó, Phật A Di Đà là chỗ nương tựa chân thật và có trật tự tuyệt đối. N hư vậy, giáo hóa chúng sanh trong mười phương niệm Phật nghĩa là chỉ (dạy) cho họ một tinh thần mới về trật tự, mà N hư Lai che chở trong trật tự của N hư Lai vậy. Đây chính là hình ảnh của Phật A Di Đà "Tận Thập Phương Vô N gại Quang N hư Lai".

Chúng sanh trong mười phương theo ánh sáng và lời nói chân thật ấy được vãng sanh Tịnh Độ (vãng tướng). N ếu chân thật đến vô cùng, nguyện lực của hoại tướng biến khắp mười phương thế giới. Hoặc hình ảnh của Đức Phật, hoặc kẻ sẽ thành Bồ Tát, được nghe lời dạy từ thiên biến vạn hóa, từ đó tạo ra một phương hướng mới cho những chúng sanh vẫn còn hổn tạp bởi vô minh, phiền não. Với lòng từ bi trí tuệ, N hư Lai tạo cho họ một đời sống mới có trật tự. Đây chính là sự giáo dục cho những hành giả thuộc về vãng tướng, cũng gọi là hoại tướng.

N hững hành giả có tín tâm mà thân vẫn đầy dẫy phiền não được Đức Phật A Di Đà dùng ánh sáng nhiếp thủ và quyết định thành Phật chính là hình ảnh nhiếp thủ vĩ đại trong trật tự của Tận Thập Phương Vô N gại Quang N hư Lai. Trong sự giác ngộ cũng có trật tự, đây chính là ý nghĩa của tồn tại của mỗi người qua phương

hướng của N hư Lai, mà Thân Loan gọi là "Lợi ích không lường của Chánh Định Tụ".

IV.3.4.5 Vào Trong Chúng Hội

Trong "Tịnh Độ Luận" và "Luận Chú" Thân Loan nói về những hành giả niệm Phật, gọi họ là những người trong đời "đang nhập chúng đại hội". Chúng đại hội là những thính chúng ở Tịnh Độ, tề tựu tại giảng đường lớn, nghe Phật A Di Đà thuyết pháp. Trong "Chánh Tín Kệ" gọi là "nếu quy nhập về công đức đại bảo hải, chắc chắn bao gồm trong chúng hội". Công đức đại bảo hải là thế giới bổn nguyện, mà gởi thân vào đó là những người đang sanh và được ngồi nghe Phật A Di Đà thuyết pháp cho đại chúng. Tuy rằng, còn là phàm phu dẫy đầy phiền não, nhưng nhờ sự hộ trì phóng ánh quang minh chiếu dọi nhiếp thủ của Phật A Di Đà, hành giả vẫn luôn luôn tiếp tục được nghe lời chỉ dẫn cũng như gọi mời thuộc về bổn nguyện của Phật A Di Đà, ngay bây giờ được Phật A Di Đà rước vào chỗ ngồi. Đây là điều có thể, mặc dầu vẫn còn ở nơi uế độ vừa vãng sanh, nhưng vẫn có thể nhập vào trong đại chúng của Tịnh Độ nghe pháp.

IV.3.5 Giống N hư Đức N hư Lai

Đồng với Phật Di Lặc và người đã nhập Chánh Định Tụ ngang hàng với N hư Lai (Lược bớt phần chú thích theo lối Hán-N hật).

Bồ Tát Di Lặc sẽ thành Phật, có nhơn hạnh viên mãn, gần địa vị của Phật. N gài cũng là Bồ Tát Đẳng giác, có Đức hoàn toàn giống như Phật. Là một vị Phật trong tương lai, N gài có hiệu là Di Lặc. Ở đây, những hành giả có niềm tin, với nhơn thành Phật đầy đủ, chắc chắn sẽ thành Phật như địa vị của Phật Di Lặc. Hành giả tín tâm đang ở vào vị trí Chánh Định Tụ và giống với các vị Đẳng giác Bồ Tát, được gọi là "giống như N hư Lai".

Hành giả tin tưởng Tịnh Độ cho đến khi chết, những phiền não dày mỏng được hộ niệm, tuy vẫn còn tiếp tục với thân phàm phu dẫy đầy ác nghiệp đã tạo; nhưng Đức N hư Lai dùng trí tuệ từ bi chở che cho những người có niềm tin ấy, cho nên tâm họ giống với tâm N hư Lai. N goài ra, nên biết rằng tín tâm của hành giả ấy là "những

người giống với N hư Lai". (Thân Loan Thánh N hơn N gự Tiêu Tức – Thánh Điển – trang 758).

Giải thích: IV.3.5.1 Giống N hư Đức Di Lặc

Thân Loan cho rằng những chúng sanh niệm Phật nhờ vào ân đức Trí Tuệ của N hư Lai, có được niềm tin như Kim Cang, tạo nhân thành Phật, như Bồ Tát ở địa vị N hất Sanh Bổ Xứ. N hất Sanh Bổ Xứ có nghĩa là hết đời bây giờ rồi, sẽ thành Phật ở đời sau, mà địa vị ấy gọi là Bồ Tát ở giai đoạn cuối cùng trước khi thành Phật. Điển hình Bồ Tát Di Lặc, vị kế tục Phật Thích Ca, cho nên gọi là N hất Sanh Bổ Xứ hay Bổ Xứ Di Lặc, mà danh hiệu thường được gọi dành cho vị Phật tương lai nầy là Phật Di Lặc. Hành giả tín tâm kia cùng đồng với địa vị của Đức Di Lặc vậy.

Bây giờ, Bồ Tát Di Lặc vẫn còn ở cõi Trời ĐNu Suất sẽ thành Phật sau một đời, gồm năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm nữa.[126] N hư vậy, những chúng sanh niệm Phật chỉ cần một đời nữa thôi sau khi mạng chung sẽ trở thành Phật. Sự thành Phật nầy so với Đức Di Lặc Bồ Tát còn nhanh hơn nữa. "Chánh Tượng Mạt Hòa Tán" có thơ rằng:

N ăm sáu ức bảy ngàn năm
Bồ Tát Di Lặc ra đời
Ai tín tâm đầy đủ
Lúc ấy thành giác ngộ[127].
Thật là sự tường thuật từ đáy lòng vậy!
IV.3.5.2 Đẳng và Đồng Thân Loan cho rằng nơi đến của những hành giả tín tâm giống với địa vị Bồ Tát Di Lặc, nhưng không thể nói chắc là giống với N hư Lai. Trong Phật Giáo, thường hay dùng chữ đẳng và chữ đồng với những trường hợp có ý nghĩa giống nhau. Chữ đẳng nghĩa là có khác biệt, điển hình như Đẳng giác, khi nói đến Phật. Trường hợp Đẳng Giác hay Đẳng Chánh Giác nghĩa là "theo chân lý, người bình đẳng với vạn vật". Trong trường hợp nầy, đẳng và bình đẳng lại giống nhau, song trường hợp ngôi vị tối cao của Bồ Tát, Đẳng Giác và Chánh Đẳng Giác nghĩa là: "Đức của bậc Chánh Giác (quả vị) là Phật Đà hoàn toàn giống như

Bồ Tát (nhơn vị)". Chữ đẳng nghĩa là hoàn toàn giống. Song khi biểu thị hành vi của Bồ Tát, có sự phân biệt rõ ràng Đẳng Giác là địa vị tối cao của Bồ Tát; còn Diệu Giác là địa vị của Phật Đà.

IV.3.5.3 N hư Lai và Sự Bình Đẳng

N hững người niệm Phật được gọi giống địa vị Đẳng giác của Bồ Tát Di Lặc và cũng gọi giống N hư Lai, nhưng chắc chắn là không đồng với N hư Lai. N gười niệm Phật một khi nhơn viên mãn, chỉ thành tựu nhơn vị tối cao của Bồ Tát mà thôi, đó là Đẳng Giác, Bồ Tát N hứt Sanh Bổ Xứ. Dẫu sao, đó chỉ là nhơn ban đầu, chứ không phải là quả vị Phật.

Ai hoàn thành công đức xưng danh hiệu Phật đi nữa, nhưng vẫn còn phiền não vô minh sót lại làm sao được chấp nhận là Phật. Chúng ta những người dẫy đầy phiền não, sống trong cuộc đời nầy vốn là phàm phu, may mắn biết niệm Phật, được Phật cứu độ, nhưng vẫn không phải là người cứu độ được. Bất cứ giá nào, cũng niệm Phật, quy ngưỡng, tán dương công đức của Phật cho nên với ý nghĩa đó, khi ta niệm danh hiệu Phật, biết rõ giáo huấn nghiêm khắc của Thân Loan về lập trường của người cứu độ[128].

N gười niệm Phật được N hư Lai nâng lên cao, mặc dầu vẫn là còn phàm phu dẫy đầy phiền não, chắc chắn thân nầy sẽ được vãng sanh với sự giúp đỡ che chở của trí tuệ N hư Lai. Công đức trí tuệ ấy có thể được gọi là công đức Phật, không sai chút nào. Thế nhưng, người niệm Phật là nhơn thành Phật, được đưa lên cao, nhờ công đức của Phật. Ví dụ như hạt giống đậu nành kết quả thu hoạch được từ năm trước nhưng lại là nhơn của việc gieo hạt vào đất trong năm nay. N ếu không gieo đậu nành, không thu được đậu nành. N ếu không có nhơn từ bi và trí tuệ của Phật Đà, chắc rằng ta không thành Phật được. N gười niệm Phật nhờ quả công đức của N hư Lai tạo ra nhơn thành Phật cho mình về sau.

IV.3.5.4 Trở Thành Bậc Trang N ghiêm

N ếu không phải là Phật, sẽ không cho ta trí tuệ Phật, bởi vì không phải là người phàm phu, cho nên Phật trụ trong Tịnh Độ N iết Bàn, chỗ trang nghiêm tốt đẹp nhất, thực hiện lời hứa dành cho các Bồ

Tát N hứt Sanh Bổ Xứ. "Quán Kinh" dùng hoa Phân Đà Lợi (hoa sen trắng) làm từ hình tượng dùng để tán dương công đức của Phật, còn tán dương người niệm Phật, ngài Thiện Đạo gọi là chơn Phật Tử. Trong "Thân Loan Thánh N hơn N gự Tiêu Tức"[129] Thân Loan tán dương người niệm Phật một cách tương đối, bằng kệ tôn kính rằng: "đó là những kẻ đồng hành, không nghèo khó". Lại còn cho rằng: "chính là những kẻ đồng minh với tấm lòng rộng mở, trong cuộc đời nầy có người rõ biết như thế". N hư vậy đồng hành không phải là người bị khinh miệt, mà chính là người bạn đạo trở nên thân thiết khi tu học.

IV.3.6 Trừ N hững Kẻ N gũ N ghịch Hủy Báng Chánh Pháp

N ghi ngờ với người mang tội ngũ nghịch và nặng nhất là sự hủy báng chánh pháp. (Lược bớt phần giải thích theo lối Hán - N hật)

Phần sau của lời nguyện thứ 18 viết rằng“chỉ trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch và người hủy báng Chánh pháp, không cứu được". Ở đây thấy chữ “duy trừ” có nghĩa là “chỉ trừ” và nghi ngờ kẻ tạo tội ngũ nghịch và kẻ hủy báng Chánh pháp. Bởi vì đây là những tội rất nặng. N hư vậy, tội ngũ nghịch và hủy báng là những trọng tội phải biết rõ. N hưng nếu chính mình thừa nhận tội của mình làm, có sự hồi tâm sẽ được cứu độ vì tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới đều được cứu độ, không bỏ sót một người nào cả. (Tôn Hiệu Chơn Tượng Minh Văn – Thánh Điển – trang 644).

Giải thích: IV.3.6.1 Tội N gũ N ghịch

Thiện Đạo cho rằng câu văn trong lời nguyện thứ 18 là câu văn gò ép, bởi vì ai có niềm tin niệm Phật tất nhiên sẽ được đón về Tịnh Độ, tại sao loại trừ những kẻ tạo tội ngũ nghịch và những kẻ hủy báng Chánh pháp, như vậy có sự giới hạn trong việc vãng sanh. Tội ngũ nghịch là năm loại tội phản nghịch có ác ý như: giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, có ác ý làm thân Phật ra máu và phá hòa hợp Tăng. N hư thế, ân nghĩa sâu xa nhất trong đời mà ta không quên là cha và mẹ mà còn phản nghịch, bội ân đúng là tội nghịch. Còn A La Hán, Phật và Tăng Đoàn là chỗ dựa an lạc vĩnh viễn cho mình, không chỉ riêng mình mà tất cả mọi người ai ai cũng tôn

kính tha thiết quý trọng, nhưng lại có ác ý muốn giết, làm bị thương và phá hòa hợp. Do vậy, dù là mạt sát mình hay người khác cũng phạm tội phản nghịch, nói gọn là nghịch tội.

N ếu ai phạm vào tội ngũ nghịch tức là tự tay mình cắt đứt lấy mạng sống mình và chính mình phá hoại tâm của mình cho nên vĩnh viễn không được an ổn. Theo kinh luận, những ai phạm tội ngũ nghịch nghĩa là phải đọa lạc vào vô gián địa ngục[130] bị treo chúc đầu xuống và chân ngược lên. Tự mình đi tìm cầu an ổn mà cũng tự mình có những hành động phá hoại an ổn ấy.

IV.3.6.2 Phỉ Báng Chánh Pháp

Hủy báng Chánh pháp có nghĩa là hủy báng Phật-pháp. Phủ định tính cách chân lý. Thân Loan nói rằng: “Phủ nhận Phật; phủ nhận giáo lý cao siêu của Phật; phủ nhận những người vâng theo lời dạy của Phật, sống thực hành con đường Bồ Tát đạo; phủ nhận cách sống của Bồ Tát theo chơn lý, gọi là hủy báng”. So với tội ngũ nghịch, tội phủ nhận Chánh pháp thuộc về tội báng pháp nặng hơn.

Đức Phật được dịch là người giác ngộ, bậc Chánh Giác. Chính tự mình tỏ ngộ, giúp những người mê muội giác ngộ chân thật. Liễu ngộ chơn lý chân chánh, vượt khỏi sanh tử, cũng như chỉ rõ cho con người biết về sự sống, chết[131]. N hững lời dạy của Phật gọi là Phật-pháp. Cả hàng vạn người tùy theo từng hoàn cảnh tự - tha, thực hiện giáo lý chơn chánh được an lạc. Bồ Tát có nghĩa là những vị tuân theo lời dạy của Phật, tu hành theo con đường Bồ Tát đầy thiết thực và thực tiễn, mà đại diện cho thực tiển ấy là những Bồ Tát gồm đủ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ[132], sáu pháp Ba La Mật, điển hình về những phương pháp thực tiển. Đây chính là nội dung tu hành của Bồ Tát Pháp Tạng, trong “Đại Kinh” có nói rõ, mà Phật Thích Ca tán dương công hạnh ấy, song ai hủy báng pháp nầy là những người phủ định pháp của Bồ Tát.

N hững kẻ hủy báng Chánh pháp không những chỉ là những người tự mình làm mất đạo lý, mà mê hoặc ngày càng dày hơn, căn bản tâm chơn chánh của con người bị đoạt mất, nghĩa là người đánh mất căn bản đạo lý. Đánh mất căn bản đạo lý, không còn hiểu biết

thế nào là sống đúng tư cách của một con người, phá hoại thế quân bình của tay lái, đứt thắng xe khi có nguy cơ tuột dốc. Chấp ngã làm cho mình bị tuột dốc khó quay trở lại, đồng thời làm cho những kẻ khác phá hoại tự - tha trên con đường đang bước tới.

N hư vậy, tội ngũ nghịch là trọng tội, trời không dung, đất không tha, nặng nhất chính là tội hủy báng Chánh pháp, Đàm Loan nói như thế. Thật ra, chẳng còn gì và chẳng có gì để nói nữa, bởi vì đối với những lời dạy về đạo lý như thế mà không còn cảm nhận quả là phủ định đạo lý, dường như cảm giác đã bị tê liệt, kiến giải đã trở thành cực đoan trong quan niệm đúng - sai rồi. Đó là tội ngũ nghịch. N hư vậy những ai tạo tội hủy báng Chánh pháp và tội ngũ nghịch sẽ sống cô độc trong thế giới không có Phật-pháp, cho nên không biết nguyện sanh về Tịnh Độ, không nhận được cứu độ của Chư Phật. N ghĩa chữ "ngoại trừ" rõ như vậy.

IV.3.6.3 N ếu Hồi Tâm Sẽ Được Vãng Sanh

Cũng trong giới hạn của lời nguyện thứ 18 nói rằng: "Chỉ trừ những người tạo tội ngũ nghịch và kẻ hủy báng Chánh pháp không cứu được". Đây chính là ý nghĩa trọng đại mà Phật muốn nhấn mạnh, như Thân Loan đã cho thấy. Chữ trừ nầy có nghĩa là "Phật chê trách kẻ tạo tội ngũ nghịch và hủy báng Chánh pháp là một tội trọng chăng? N ên rõ biết điều nầy".

Đành rằng kẻ hủy báng Chánh pháp, tạo tội ngũ nghịch là kẻ hoàn toàn phi đạo và ác hạnh, nhất là những người hủy báng Phật Giáo, nhưng phải xem ngoại lệ đối với những kẻ tin lời nói của chính mình là đúng, chỉ phạm vào một loại xác tín khác, vì họ biết phạm vào tội nặng, bởi vì "ngoại trừ" chỉ cho khi thay đổi ý thức, tội kia vẫn được Phật A Di Đà cứu độ.

N hư vậy, chính mình ý thức về tội ngũ nghịch và nhận biết tội là người nhận rõ giáo lý Phật Đà, nhờ Phật-pháp từ từ chuyển hóa bên trong, nhận thức tội lỗi sâu xa của chính mình. N gười biết hổ thẹn, dẫu tội lỗi có tràn đầy đi chăng nữa, một khi đích thân người ấy chuyển hóa tội chướng cũng được Phật A Di Đà dùng bổn nguyện đại bi mà cứu độ. N gài Thiện Đạo cho rằng việc nầy là "do nguyện lực của Phật, tội ngũ nghịch và thập ác sẽ mất hẳn, ngay cả

N hứt Xiển Đề[133], biết hồi tâm được vãng sanh". Việc nầy Thân Loan cho rằng: "N gười phạm hai tội nặng ấy, khi đã biết hồi tâm, sẽ được thừa nhận như tất cả chúng sanh trong mười phương, chắc chắn sẽ được vãng sanh".

Cứu độ người xấu ác chỉ khi việc ác được người tạo ác chấp nhận, biết hổ thẹn sâu xa về tội lỗi của mình và chính mình vướng vào, xả bỏ tâm tự lực, hồi tâm biết rằng mình sẽ được bổn nguyện Phật che chở. Có một giá trị nhất định đối với trường hợp hồi tâm ấy chỉ khi con người chấp nhận lời dạy của N hư Lai, để chuyển đổi mình. Cứu độ chỉ là

tạo ra một giá trị mới thiết lập một nhân sinh quan mới thôi.

Thân Loan nghiêm khắc lột trần chữ "ngoại trừ" trong nguyện thứ 18 nầy và đả phá tâm kiêu mạn của chúng ta. Dẫu có tội chướng nhưng mình có sự hồi tâm, sẽ nhận được cứu độ, một sự cứu độ kỳ diệu từ bàn tay của Phật A Di Đà, để xác nhận có sự hồi tâm.

IV.3.7 Thang Thuốc của Đức Phật A Di Đà

Mỗi lần tam độc[134] nhích một chút, chỉ có thuốc của A Di Đà mới cứu chữa thân tâm nầy được. (Lược bớt phần chú thích theo lối Hán - N hật)

Trước hết, từ xa xưa chưa biết lời thệ nguyện của Phật A Di Đà, chẳng niệm danh hiệu N gài, cho nên chúng ta bị phiền não vùi dập qua nhiều năm tháng. Phật Thích Ca và Phật A Di Đà dùng phương tiện tiếp dẫn hộ niệm, nay chúng ta mới bắt đầu nghe được lời nguyện của Phật A Di Đà từ chính bản thân mình.

Vì say sưa nên đánh mất bản tâm, càng ngày độc tố càng thấm sâu vào thân thể, không ai để ý tới. Từ trước vì vô minh che lấp, cho nên chúng ta hiểu sai sự thật. Tham dục, sân nhuế và ngu si là ba chất độc mà vẫn ham thích. Bắt đầu từ đây nghe lời thệ nguyện của Phật, chúng ta sẽ tỉnh ngộ từng phần, từng phần. Sau cơn say ấy, chúng ta sẽ lưu tâm từng chút, từng chút về những suy nghĩ đã qua mà nương dựa vào sự thật. N ên biết rõ phiền não tam độc phải được giảm thiểu và không còn luyến lưu chúng nữa, phải thích thú với việc niệm Phật là một diệu dược, theo bổn nguyện của Đức

Phật A Di Đà; việc cần thiết là luôn luôn phải xưng tụng ngay nơi mỗi tự thân của mình. (Thân Loan Thánh N hơn N gự Tiêu Tức[135] – Thánh Điển – trang 738).

Giải thích: IV.3.7.1 Tạo Ác Vô N gại

Trang thơ ấy Thân Loan viết ngày 24 tháng 2 năm Kiến Trường thứ 4, lúc đã 80 tuổi khi N gài nhận được bức chân dung mà môn đồ ở Thường Lục gởi tặng. Lúc ấy, trong số những người niệm Phật ở Thường Lục có dị nghị về việc "tạo ác vô ngại". Có nhiều người nổi loạn vì quá hoang mang lo ngại. "Tạo ác vô ngại" nghĩa là "suy nghĩ về tạo ác như thế nhưng không bị trở ngại", một chủ trương có tính cách phản luân lý, phản lại xã hội của môn phái lúc bấy giờ. Bởi vì, Phật A Di Đà cứu độ tất cả những người ác, tạo ra chướng ngại nếu họ biết quy ngưỡng về. N hư vậy, chúng ta phải suy nghĩ ra sao và sống như thế nào về sự răn cấm việc ác và thực hành điều thiện?

Đó là sự nghi ngờ tự lực của hành giả về cứu độ vô ngại của Đức A Di Đà. Với chúng ta cho đến khi chết vẫn còn mang theo những phiền não của phàm phu, chẳng có việc nào hoàn toàn thiện, phải ngăn chận việc ác, phải tạo ra việc thiện như thế nào, để nhờ tha lực được nhiếp thọ. N hư thế chẳng phải là một thái độ sao?

Trước tiên, đối trước tấm lòng từ bi của Phật A Di Đà, chúng ta có nhiều mong ước nhưng trong tự ngã vẫn còn tà kiến, lo sợ cho nên Pháp N hiên nói rằng: "Kẻ tạo ác tự thân vẫn có thể niệm Phật. Thật ra, nếu không có chất liệu tạo ác, không ham muốn niệm Phật, tâm trở nên rỗng tuếch"[136]. Với chúng ta, những chúng sanh phàm phu

đầy phiền não, tiếp xúc ác duyên, phạm ác nghiệp, sống khổ đau, mình và người đắm chìm trong khổ não. Do vậy Đức N hư Lai phát nguyện cứu độ những kẻ phàm phu ngu ngốc, chỉ cho một con đường chân thật đã được chọn lựa đó là niệm Phật. Ai nhận ra được con người ngu ác nầy, tự xấu hổ và dành hết khả năng của mình, tinh tấn đi theo con đường thênh thanh rộng được được chở che bởi Bổn N guyện N iệm Phật của N hư Lai. Thật là cảm động trước hình ảnh Đức N hư Lai với bổn nguyện đại bi dang bàn tay ấm áp mà tiếp độ, nuôi dưỡng chúng sanh niệm Phật.

Chính nhờ niệm Phật, mọi ác nghiệp sẽ tiêu tan. Thế nhưng cũng có người quan niệm sai lầm rằng niệm Phật chính là những hành động để cho an tâm về những ác nghiệp ấy. Đây chính là một nổi buồn, mà Pháp N hiên đã thốt lên như vậy.

IV.3.7.2 N iệm Phật Chẳng Phải là cái Bùa để được miễn Tội

Bổn nguyện niệm Phật chính là xưng danh hiệu để tội lỗi được tiêu trừ, chẳng phải là cái bùa để miễn tội. Thường thì theo như lời nguyện thứ 18, được trình bày ngoại trừ những kẻ phạm tội ngũ nghịch và tội hủy báng Chánh pháp, tất cả đều được cứu độ, nghĩa là Đức N hư Lai loại những người phạm tội ngũ nghịch và tội hủy báng Chánh pháp, bởi vì đối với chúng ta đó là tội nặng. Việc đó cho thấy Đức N hư Lai nghiêm khắc chỉ trích lối sống tội lỗi, nhưng nếu xấu hổ khi biết rõ tội và hồi tâm, bước lên con đường Phật Đạo, đây chính là giai đoạn thoát chết sống lại[137]. Con đường Phật Đạo tuyệt vời từ lâu chúng ta quên bẳng cho nên gây ra những tội nghiệp của kẻ phàm phu, song lúc nhận chân rõ ràng tội lỗi ấy, khởi niềm tin Phật pháp một cách chân thành, chúng ta là một người Phật Tử chơn chánh đầy đủ từ bi trí tuệ của N hư Lai. Từ đó phải nói rằng: “Suy nghĩ việc ác là điều chấn động”, chứ không phải tư tưởng cũng như hành động của việc tạo ác vô ngại.

Tóm lại, “Dẫu cho có thuốc nhưng vẫn uống độc dược” là chuyện của những người ngu, Thân Loan nói như thế. Cũng giống vậy trong “N gự Tiêu Tức” có nói: “N gười say càng uống càng say, chẳng giảm chút nào. Giống vậy, càng uống thuốc độc, độc hại càng gia tăng. Tuy rằng có thuốc bổ, nhưng vẫn cứ muốn uống chất độc, bệnh càng ngày càng nặng. Do vậy, ai niệm đến danh hiệu của Phật một cách lâu dài, chắc chắn đời sau sáng sủa hơn và thân nầy sẽ được che chở”.

Ở đây nói rằng: “Có thuốc hay” nhưng vẫn dùng chất độc. Chất độc sinh ra não phiền nhưng nào có hay biết, làm tổn hại đến mình và người, vì chất độc ấy làm cho thân đau đớn và nếu biết thuốc hay, phải chân thành cảm ơn món thuốc hay đó. Hãy cNn thận với chất độc, đừng đụng đến, chỉ một ly thôi, giới cấm cũng không cho phép.

IV.3.7.3 Luân Lý Tánh của N gười N iệm Phật

Ai có lòng tin nơi bổn nguyện và niệm Phật phải chân thành cảm niệm tâm đại bi của Phật A Di Đà, bởi vì N gài đã đánh thức chúng ta thức tỉnh biết tàm quý và ra khỏi ngu si. Tâm Đại Bi Phật là nguyên động lực chân thành cảm tạ và tàm quý xấu hổ. Đáp ứng tâm đại bi N hư Lai, chúng ta cNn trọng với năng lực giới hạn của mình và bắt đầu đời sống mới. Từ đó, luân lý của người N iệm Phật được phát sinh, như Thân Loan nói trong “N gự Tiêu Tức” rằng:

“Ai có niềm tin tha thiết với Phật, sẽ được lưu chuyển cả thân nầy. Ai có lòng tin chân thành gần gũi, người ấy được Phật A Di Đà quý thương. Tấm lòng chân thật từ ban sơ ấy sẽ rộng mở, tăng trưởng. Được che chở dưới bóng mát từ bi, cuộc đời có ý nghĩa hơn, được Phật Thích Ca và Phật A Di Đà khơi động niềm tin vãng sanh. Chắc chắn giác ngộ sẽ không còn xa nữa, nếu chí tâm tin tưởng và niệm Phật”.

Trước hết, những người mới nghe bổn nguyện niệm Phật, tự thân mình để ý những tội lỗi, nghi ngờ cứu độ, cũng như người được cứu độ, bởi vì vốn còn là phàm phu, dẫu có ngưỡng vọng bổn nguyện mong được cứu độ, nhưng phiền não còn dẫy đầy cho nên không thể nhận rõ tâm nầy là thiện hay ác, chỉ tin lời và chấp nhận Phật dạy sẽ được cứu độ mà thôi.

Thế nhưng “những ai có lòng tin chân thành với bổn nguyện Phật, lo sợ phiền não của mình ngày càng dày hơn và buồn cho nghiệp ác tiếp diễn mãi mãi lôi kéo thân nầy, tuy nhiên tin tưởng bổn nguyện Phật A Di Đà một cách chân thành và hoan hỷ niệm danh hiệu N gài, tâm sẽ thuần thục. Trước khi nghe bổn nguyện, có thể suy nghĩ tâm phiền não vẫn y nguyên, không làm thiện, không an với những việc ác, sau khi nghe bổn nguyện, xả bỏ tâm ấy, xa lìa cuộc sống yếu đuối nầy và lấy tâm để minh chứng. Hơn nữa, tin rằng lúc vãng sanh sẽ có Phật Thích Ca và Phật A Di Đà khuyên bảo, tâm chân thật khởi lên. Sau khi tâm chân thật khởi lên, bất cứ việc gì từ xa xưa như thế nào đi chăng nữa vẫn thành tựu như thường”. N hư vậy có rất nhiều đổi thay trong tình trạng tinh thần trước khi nghe Bổn N guyện, nhờ bổn nguyện mà tinh thần những

người N iệm Phật chuyển biến nhiều hơn. Có thể nói rằng thay đổi ngay từ những sai sót căn bản ban đầu.

Suy nghĩ qua tự ngã của chúng ta trong cuộc sống thường nhật luôn có tính cách chủ quan, và chi phối tất cả. Thật đáng buồn tâm con người chỉ thấy rõ khi được yêu hay khi bị giận. N gười niệm Phật có tâm xấu hổ, nhờ tâm đại bi đại trí của N hư Lai, tự chuyển đổi tâm mình cho chân chánh. Với Đức N hư Lai, tất cả đều là những người Phật Tử quan trọng, bình đẳng dưới cái nhìn của N gài. Từ phương diện ấy, tất cả chúng ta đều là huynh đệ, là đồng minh với nhau. N goài ra nếu ai lấy tự ngã làm chuNn mực, sớm muộn gì cũng sẽ ý thức xa rời phiền não. Dùng tâm của N hư Lai, nhìn sự vật sẽ nỗ lực hơn với phương pháp sống ấy, mà Thân Loan dạy ở trong “N gự Tiêu Tức” rằng:

“Ai có lòng tin niệm Phật, cầu vãng sanh phải mở rộng tấm lòng cùng với những người bạn dốc lòng niệm Phật, cuộc sống nầy có ý nghĩa nhiều hơn”[138].

N gười niệm Phật phải tha thiết tìm cầu và thật ấn tượng.

IV.3.8 Pháp Tự N hiên N hư Thế

Điều tự nhiên là những lời nói vốn tự nhiên. (Lược bớt phần bình chú theo lối Hán - N hật)

“Tự nhiên”[139] có nghĩa là những động tĩnh từ xa xưa cứ như vậy mà biểu hiện qua lời nói[140]. Sự cứu độ chúng sanh của Phật A Di Đà rất gần gũi. Không phải chờ chúng

sanh cầu nguyện mới khởi tâm, mà chính N hư Lai tự khởi tâm vậy. Phật A Di Đà dùng bổn nguyện tha lực tiếp dẫn người cầu nguyện về Tịnh Độ là việc tự nhiên. Còn chúng ta, những hành giả niệm Phật dù tốt hay xấu, không cần biết, cứ nghe một cách tự nhiên như vậy. (Thân Loan Thánh N hơn N gự Tiêu Tức – Thánh Điển – trang 768).

Giải thích: IV.3.8.1 Chương N ói về Pháp N hĩ Tự N hiên

Chương Pháp ngữ nói về "Pháp N hĩ Tự N hiên" thuộc điều thứ 14 trong "Thân Loan Thánh N hơn N gự Tiêu Tức" và điều thứ 15 trong "Mạt Đăng Sao" chép rằng: "Căn cứ bản "Hiển Trí Thơ Tả" lưu truyền từ chùa Tổ Chuyên Tu thuộc phái Takada của Chơn N gôn. Vào tháng 12 năm Chánh Gia[141] thứ 2, Hiển Trí ở Shimotsuke N o Kuni Takada lên Kinh Đô (Kyoto) đến chỗ ở của Thiện Pháp[142] tại đường Tâm Điều Phú Tiểu, tình cờ gặp Thân Loan được nghe pháp ngữ trực tiếp, nên Hiển Trí tự ghi lại.

Lúc ấy, Thân Loan đã 86 tuổi. N hững câu hỏi của Hiển Trí được trả lời bằng những pháp ngữ rành mạch. Bản của Hiển Trí giống như nguyên bản ghi là chương "Tự N hiên Pháp N hĩ" cũng như phần sau của "Tam Thiếp Hòa Tán" thuộc bản của "Văn Minh" đã sao lục lại. Thế nhưng ở đây ghi rằng: "Đây là bút tích của Thân Loan lúc 88 tuổi". Cũng có thể đây là nét bút pháp ngữ cuối đời vì Thân Loan đã 88 tuổi.

Căn cứ theo hai bản của Hiển Trí và của Văn Minh, đầu tiên đều có giải thích "Hoạch Đắc Danh Hiệu" tiếp theo giải thích chữ "Tự N hiên". Theo tìm hiểu của Hiển Trí "Hoạch Đắc Danh Hiệu Tự N hiên"; hoặc "Hoạch Đắc Danh Hiệu Tự N hiên Pháp N hĩ" là những chữ dường như đã có trước đó. Thế nhưng không rõ những từ ấy xuất xứ từ đâu. Bản "Mạt Đăng Sao" giải thích rằng: "Hoạch Đắc Danh Hiệu" là tỉnh lượt một phần. Rồi giải thích nội dung phần "Tự N hiên Pháp N hĩ" cũng không có gì thay đổi mấy. Thế nhưng về chữ nghĩa có mất mát ít nhiều. Vì đây là hình thức mà các môn đệ đã nhận được phần viết tay của Thầy mình. Không những chỉ có thế, khi về già Thân Loan có những lời pháp, được xem như những châu ngọc đáng giữ gìn hơn.

IV.3.8.2 Tự Chính Là N hư N hiên

Chữ "tự nhiên" nguyên thủy ở Trung Hoa, Lão Trang thường hay thích dùng, ví dụ như Lão Tử cho rằng: "Đạo chính là pháp tự nhiên". Trang Tử thì gọi rằng: "Thuận theo tự nhiên của mọi vật để dung chứa cái không, để trị thiên hạ". Không cần thêm bàn tay con người vào, nguyên thỉ của sự vật vốn như vậy. Khi Phật Giáo du nhập vào Trung Hoa, mượn thuật từ nầy để dùng với những thuật từ Chân N hư, N iết Bàn, vốn biểu hiện sự vượt ra và thoát

khỏi mọi trói buộc, nhưng lại thuộc lãnh vực Vô Phân Biệt Trí. Hơn nữa "tự nhiên" nghĩa là ngôn ngữ biểu hiện vượt lên trên mọi suy nghĩ phân biệt của con người, có tính cách tuyệt đối chân thật.

Phần nửa sau chương "Tự N hiên Pháp N hĩ" có nói: "Gọi Vô Thượng Phật là không hình tướng, không hình dạng, chỉ tự nhiên như vậy". Vô Thượng Phật có nghĩa là Vô Phân Biệt Trí, hoàn thành và đối lập với lý nhị nguyên, giác ngộ cao tột. Với chúng ta, với suy nghĩ lấy chủ thể làm trung tâm, cho nên có hư vọng phân biệt và vẻ vời ra, thực

tế không có hình tướng. Ta và người; sanh và tử; thiện và ác; tịnh và uế v.v.., là những hình thức hạn định, phải vượt lên khỏi hình thức ấy, đó mới chính là cảnh giới của Vô Thượng Phật, mà việc nầy đã có từ thuở ban sơ, cũng còn gọi là Chân N hư[143]. Lại cũng nói là Pháp N hĩ hay còn gọi là Pháp N hĩ Đạo Lý. Đây là cách dùng những danh từ chuyên môn Phật học. Pháp, tự nó là như vậy, nên gọi là Pháp N hĩ. Hầu như tất cả mọi sự mọi vật trên đời, nguyên thỉ của nó vốn là như vậy, tồn tại với lý tánh cố hữu của vạn vật. Đồng thời, Tự N hiên cũng như Pháp N hĩ, dẫu cho gọi cách nào đi chăng nữa, con người phải vượt qua khỏi sự đo lường ấy, để đi vào thế giới chân thật mà ngôn ngữ biểu đạt rằng: "tự chính là như nhiên" và "pháp ấy là như vậy"[144].

IV.3.8.3 N ên Rõ Biết về Tự N hiên

Thân Loan gọi lãnh vực của tự nhiên là Vô Thượng Phật hoặc Vô Thượng N iết Bàn, mà Phật A Di Đà thị hiện hình dáng là Phật để cho chúng ta thấy. Tiếp theo câu văn phần trước gọi là "Không hình thức, đầu tiên chỉ nguyện với Phật rồi nghe được. Phật A Di Đà là tự nhiên như thế". Theo Thân Loan, đó là một thế giới chân thật, dựa vào chân thật ấy, chúng ta được tỏ ngộ và tuyệt nhiên không có gì khác hơn.

Vì vậy, lãnh vực kỳ diệu được biểu hiện vượt lên khỏi phạm vi của ngôn ngữ. Cảnh giới Tịnh Độ của Phật A Di Đà được biểu hiện qua hình thức vi diệu vượt lên trên mọi hình thức bình thường của thế giới. Sự cứu độ hàng vạn người, một cách không phân biệt, khi được nghe danh hiệu, vượt lên trên mọi suy tính đo lường của con người, đó là sanh tử nhứt như, oán thân bình đẳng, cũng còn gọi là tự nhiên, chân như. Qua các hoạt động, chúng ta biết những biểu

hiện trên. Riêng chúng ta, những chúng sanh chỉ cần niệm Phật, sẽ được Phật duỗi tay tiếp dẫn về thế giới kỳ diệu khác. Việc nầy Thân Loan gọi là tự nhiên của bổn nguyện lực, qua những việc làm như thế.

IV.3.8.4 Từ Tự Đến N hiên

Để rõ biết điều nầy, Thân Loan giải thích về sự tự nhiên. Hơn nữa, chữ "tự" là bổn nguyện của Phật A Di Đà hiển hiện. Không phải dùng để chỉ cho việc thiết lập cứu độ đối với những hành giả như chúng ta. Chữ "nhiên" nghĩa là tin tưởng vào bổn nguyện, niệm Phật vãng sanh, việc nầy cũng không phải vì hành giả, mà chính tự nơi bổn nguyện của N hư Lai thành tựu như vậy; nên gọi đây là sự tự nhiên.

Điều đó giống như chữ "Pháp N hĩ" bên trên đã đề cập. Pháp của "Pháp N hĩ" là cứu độ hàng vạn người sanh về Tịnh Độ, gọi là pháp tắc bổn nguyện. Cứ như thế niệm Phật sẽ được thành Phật; nên gọi là "Pháp N hĩ"[145]. N hư vậy, Pháp N hĩ là hoạt động về thệ nguyện của N hư Lai, biểu thị pháp tắc cứu độ những hành giả niệm Phật, không ngoại trừ một ai. Tùy theo bổn nguyện lực và công đức của mình cứu độ cả vạn người được biểu hiện rõ. Điều nầy được Pháp N hiên gọi là "Đến với tha lực thì sự không nghĩa ấy chính là nghĩa". Ý nầy không khác với ý trên mấy. Khi tiếp nhận bổn nguyện tha lực, chúng ta, kẻ nghe pháp không cần so đo (không có nghĩa) là một đạo lý chơn chánh (ấy là nghĩa) vậy ư?

Tùy theo bổn nguyện lực của Phật A Di Đà, ta giao phó mình cho bổn nguyện Phật A Di Đà tiếp dẫn về Tịnh Độ, cho nên dẫu cho có thiện hay ác đi chăng nữa, các hành giả không cần suy tính, cứ để tự nhiên như vậy, khi ta được nghe như thế. Đó chính là điều nghe từ Pháp N hiên.

Pháp N hiên dùng lời dạy ấy để nói rằng: "Đây là đạo lý của Pháp N hĩ", còn là điều được truyền lại. Còn tự nhiên Pháp N hĩ không thấy xuất hiện trong những văn hiến khác.

N hư vậy, đây là lãnh vực không còn sự phán đoán, vừa vượt lên trên cả lý trí toan tính của con người, vừa vượt lên khỏi lãnh vực

phê phán có tính cách luân lý về thiện ác nữa. "Thiện cũng không tính mà ác cũng không lo". Chúng ta sẽ được bao dung trong trạng thái yên ổn, được ở yên như thế trong một thế giới tha lực bất tư nghì, mà Thân Loan gọi đây là "Tự N hiên Pháp N hĩ". Đây chính là biểu hiện khái niệm của giáo nghĩa bổn nguyện lực hồi hướng.

[112] Đây chính là Trí Tuệ có được khi cứu độ chúng sanh sau khi đã có Vô Phân Biệt Trí.
[113] Thánh Điển trang 18
[114] Thánh Điển trang 251
[115] N ghe tức là tin
[116] Tin tức là N ghe
[117] Bổn nguyện chiêu hoán sắc mệnh
[118] Thánh Điển trang 509
[119] Tức là Chánh-định trong Bát Chánh Đạo
[120] Chơn Tông Thánh Giáo toàn thơ trang 352
[121] Xem thêm phần Chánh Định Tụ trong sách nầy trang 164 tiếng N hật và tiếng Việt trang …
[122] Thánh Điển trang 643
[123] Tức là thuyết nói rằng: trong một đời không thoái chuyển
[124] Dục giới, sắc giới và vô sắc giới
[125] Trí tuệ vô lậu
[126] N ếu dùng con số đếm thì phải viết là 5.670.000 năm
[127] Thánh Điển trang 604
[128] Tham chiếu sách tiếng N hật trang 66
[129] Thánh Điển trang 740
[130] Đây là thế giới hoàn toàn khổ sở, một chút ánh sáng cũng không lọt vào.
[131] Dịch giả: tiếng Đức định nghĩa Phật là người giác ngộ, người tỉnh thức, lìa sanh tử, tự bừng tỉnh…
[132] Đây là Lục Độ Ba La Mật
[133] Tức những kẻ hoàn toàn không tin tưởng vào Tam Bảo và hoàn toàn không có chất thiện nơi người ấy

[134] Đó là tham, sân và si

[135] Tức cuộc đời của Thân Loan

[136] Theo bản Đề Hồ của Pháp N hiên Thượng N hơn truyện ký -
Phần N gữ Lục.

[137] Theo thuật ngữ “siêu tử hồi sanh”

[138] Thánh Điển trang 742

[139] Ở đây ý nói về Bổn N guyện Lực

[140] Lấy Bổn N guyện làm chỗ nương tựa và nhờ Bổn N guyện mà chuyển hóa sự tồn tại.

[141] N hằm năm 1258

[142] Tức nhà Tầm Hữu em của Thân Loan

[143] Tức là sự tự nhiên

[144] Đó là Tự N hiên và Pháp N hĩ

[145] Pháp tắc của bổn nguyện như thế ấy

IV.4 Lời dạy về “Giáo Hành Chứng Văn Loại” IV.4.1 Pháp Tạng Bồ Tát Khi còn là Bồ Tát Pháp Tạng đã được Đức Phật Thế Tự Tại Vương thừa nhận. (Lược bớt phần chú giải theo lối Hán - N hật)

Đức Phật A Di Đà khi còn tu hành với danh hiệu là Bồ Tát Pháp Tạng đã được Phật Thế Tự Tại Vương thừa nhận. N gài phát tâm từ bi cứu độ tất cả chúng sanh không phân biệt một ai. Vì thấy phương pháp cứu độ ấy hy hữu, Chư Phật ở các quốc độ khác để ý xem xét đến.

Cứ mỗi một quốc độ như thế, với lời nguyện nào cũng hoàn thành, như vậy có đặc tính gì đặc biệt? Các vị Phật khác cũng quan sát việc cứu độ chúng sanh sẽ như thế nào? Chúng sanh được cứu độ sẽ ra sao? Thiết lập một cõi Tịnh Độ hoàn toàn thù thắng. Không có thế giới nào hơn thế giới nầy. N hững gì khác không cần để ý đến như lời thệ nguyện quảng đại vô biên phát bên trên. (Hành Văn Loại – Thánh Điển – trang 203).

Giải thích: IV.4.1.1 Thánh và Tục

Căn cứ Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, xưa có một vị Quốc Vương nghe Phật Thế Tự Tại Vương N hư Lai thuyết pháp, cảm động rời bỏ vương vị trở thành kẻ tu hành “thân vô nhứt vật”[146]. Pháp danh của Vua là Pháp Tạng. Từ đó, có hai vị Vua, một tiền thân làm Quốc Vương ở thế tục là Bồ Tát Pháp Tạng, một vị cứu độ những người thế tục khỏi khổ đau là bậc Thánh Vương Thế Tự Tại Phật. Vua của thế tục được giáo hóa của Thánh Vương xả bỏ thế

tục chuyển hướng thành địa vị bậc Thánh, hình thức xuất hiện của Bồ Tát Pháp Tạng. Ý nghĩa cao siêu nằm ở điểm nầy.

Thời xưa, làm Vua là một danh dự, địa vị ấy cao tột, độc nhất thống lãnh mọi quyền lực và tài sản, chỗ nương tựa của mọi người, vì thế thân tâm đắm chìm trong danh dự dục và sở hữu dục, bị những thứ ấy chi phối hoàn toàn. N gôi vị và trị vì của vị quốc vương ai ai cũng mong muốn. Chỉ như vậy thôi cũng đủ thấy rất nguy hiểm.

Quốc Vương khi nghe Phật-pháp rồi vứt bỏ, xem địa vị Vua Chúa như cỏ rác, xuất gia và không mang một vật gì cả. Điều thứ nhất, con đường mà Phật khai mở sẽ đưa đến thế giới chân thật, cho nên cần xả bỏ hết tất cả những gì thuộc thế tục mà không hối hận, để đi đến cảnh giới an lạc thật sự khác. Điều thứ hai, nếu không một lần phủ định giá trị căn bản của thế tục, không thể biểu hiện cách sống chân thật rõ ràng được. Do vậy, Bồ Tát Pháp Tạng thiết lập cõi Cực Lạc Tịnh Độ, nên phải biết rằng, chắc chắn không phải là đường dây nối dài dục vọng lên cao hơn của đời sống thế tục, mà Cực Lạc Tịnh Độ chính là thế giới chân thật không có dục vọng của con người, không có suy nghĩ có tính cách hư ngụy.

IV.4.1.2 Phật Thế Tự Tại Vương và Bồ Tát Pháp Tạng

Đại Kinh không đề cập tên của vị Vua kia, vì đã xả bỏ tên tuổi rồi, nhưng các Kinh khác có đề cập đến danh hiệu của Phật và Bồ Tát. Danh hiệu ấy khác với tên thông thường của chúng ta. N ên biết rằng danh xưng luôn luôn biểu hiện ý nghĩa Phật pháp nghĩa cao siêu. Danh hiệu của Quốc Vương lại không nói rõ, chỉ cho chúng ta biết danh hiệu của Phật Thế Tự Tại Vương, vị sư phụ của Bồ Tát Pháp Tạng. Quốc Vương thể hiện tính cách tự tại trong mọi Phật sự như người thế gian mê hoặc được Phật Tự Tại cứu độ.

Pháp Tạng theo tiếng Phạn là Dharmakala. Dharma có nghĩa là Pháp, biểu hiện đời sống vĩnh viễn với chơn lý. Akala có nghĩa là nơi sanh ra, chỗ khởi nguyên, chứa nhóm v.v... N hư vậy, Dharmakala nghĩa là chứa nhóm chân lý, nguồn gốc chơn lý. Đồng thời, Pháp Tạng cũng có nghĩa không phải kẻ tu hành bình thường, mà bên trong tuyệt đối chứa đựng chơn lý. Từ bổn nguyện thuyết

pháp khai mở và làm cho cả vạn người đạt đạo, tâm ấy biểu thị rõ ràng ý nghĩa cao siêu cứu độ hàng vạn người liễu tri chơn lý.

N guyên ngữ của chữ Bồ Tát là Boddhisattva, phiên âm là Bồ Đề Tát Đỏa. Không phải chỉ có tự mình giác ngộ, mà còn giúp cho những người tu hành khác, nỗ lực không giới hạn, không ngừng nghỉ để giác ngộ giáo lý chân thật. Theo Đại Kinh, Bồ Tát Pháp Tạng hoàn thành tự giác và giác tha của con đường Bồ Tát. Động lực của Bồ Tát Đạo là bổn nguyện được biểu hiện qua thệ nguyện tạo thành 48 lời thệ. Trong đó điều thệ nguyện quan trọng, tất cả chúng sanh ai tín thọ và trì niệm danh hiệu của N gài, được vãng sanh. Đây là phương pháp cứu độ độc nhất biểu thị qua lời nguyện niệm Phật vãng sanh (lời nguyện thứ 18).

IV.4.1.3 Chọn Lựa Tâm N guyện

Pháp N hiên cho rằng Bồ Tát Pháp Tạng, với tâm từ bi lập nguyện tiếp dẫn tất cả chúng sanh về Tịnh Độ, nơi giác ngộ thanh tịnh, bình đẳng không phân biệt người hiền, kẻ dữ; người lành, kẻ ác; xuất gia, tại gia; phá giới, trì giới; giàu, nghèo. Ở đó không có phân biệt người thiện đứng riêng, người ác ở riêng, mà kẻ ác người hiền, kẻ lành người dữ, kẻ trí người ngu, kẻ trì giới người phá giới..., đều vượt khỏi con đường chấp thủ ấy. Đó chính là xưng danh hiệu N iệm Phật được tuyển chọn qua tâm đại bi bình đẳng vậy.

Không cần phải là người có trí mới niệm Phật, con đường niệm Phật rất dễ dàng chung cho cả vạn người, ai cũng có thể thực hành được. Xưng tụng danh hiệu Phật A Di Đà không chỉ dễ dàng mà là pháp hành tối thắng. Vì dễ dàng và thực tế, dẫu người ngu cũng có thể thực hành được. Vì tối thắng cho nên kẻ tội nặng cũng được chuyển đổi và đạt đến chỗ giác ngộ tối cao, nhờ vào công đức của Phật.

Bồ Tát Pháp Tạng cho đến chư Phật đều trải qua con đường tu đạo vất vả và hành đạo vô cùng khó khăn của chính mình để được giác ngộ giải thoát, song với tâm đại bi, tất cả đều được bình đẳng xả ly. Dù một người lậu tận chưa dứt, vẫn có thể cứu độ qua một niệm xưng danh và sẽ được tiếp dẫn vãng sanh. Từ đó, Pháp N hiên

gọi đây là "Tuyển Chọn Bổn N guyện N iệm Phật" như thế "theo lời nguyện và niệm Phật sẽ được về Tịnh Độ". Rồi hướng đến mười phương chúng sanh để cứu độ, đây là sự cứu độ cả hàng vạn người và cũng là chỗ giác ngộ cao tột, thành tựu sở nguyện Phật Đạo tối cao. Đây là lời nguyện Vô Thượng thù thắng cũng là đại hoằng thệ rất hi hữu, luôn luôn được tán dương.

IV.4.2 Vãng Tướng Hồi Hướng và Hoàn Tướng Hồi Hướng

Với sự cNn trọng, Tịnh Độ Chơn Tông là sự chỉ dẫn. Có hai loại hồi hướng. Một là Vãng Tướng và hai là Hoàn Tướng. (Lược bớt phần bình chú theo lối Hán - N hật)

Với sự cNn trọng, Tịnh Độ Chơn Tông chỉ dạy việc lễ bái có hai loại hồi hướng. Thứ nhứt, vãng sanh Tịnh Độ gọi là Vãng Sanh Tướng. Thứ hai, trở lại uế độ gọi là Hoàn Tướng. Đối với pháp nghi của Vãng Tướng có cho biết rõ; nhưng thật ra đó là Giáo, Hạnh, Tín và Chứng. (Giáo Văn Loại - Thánh Điển – trang 135).

Giải thích: IV.4.2.1 Bổn N guyện Lực Hồi Hướng

Căn Cứ Tịnh Độ Chơn Tông, lời nguyện thứ 18 của Phật A Di Đà, Thân Loan soạn "Giáo Hạnh Chứng Văn Loại". Trong đó, định nghĩa Tịnh Độ Chơn Tông và đặc biệt ở quyển 6 có viết rõ về vấn đề nầy. Đầu tiên, hiển lộ cung cách về giáo nghi của Tịnh Độ Chơn Tông như câu văn trên. Căn cứ vào đó, Tịnh Độ Chơn Tông chính là Bổn N guyện Hồi Hướng, mà cốt lõi pháp nghi là triển khai giáo pháp niệm Hồng Danh, đó là sự khai mở ra hai tướng Vãng Tướng và Hoàn Tướng. Theo Vãng Tướng có bốn pháp biểu hiện rõ. Đó là Giáo, Hạnh, Tín và Chứng. Căn cứ theo đó, Thân Loan chỉ dạy những điều đặc biệt. Từ đó, ta hiểu rằng biểu thị ngôn ngữ của Bổn N guyện Lực Hồi Hướng chính là hoạt động cứu độ của Phật A Di Đà.

Bổn N guyện Lực hồi hướng là lời thệ nguyện cứu độ chúng sanh, khi Phật A Di Đà còn ở nhơn vị Bồ Tát Pháp Tạng phát lên 48 lời nguyện căn bản. Đặc biệt lời nguyện thứ 18 như bổn nguyện lực

thành tựu cứu độ tuyệt đối. Qua lời nguyện, Phật hoàn thành việc tu hành từ những kiếp xa xưa ấy.

Hồi hướng có nghĩa là tự thân tu hành, được những công đức, đem công đức ấy ứng dụng vào mục đích đặc biệt. Qua lời nguyện, công đức của chính mình sẽ cứu độ những

kẻ khác. N hững hành hoạt năng lực Bổn N guyện của Phật A Di Đà là những ngôn ngữ biểu thị tánh cách cụ thể, quan trọng vẫn là Phật A Di Đà tự hoàn thành công đức Đại Trí Đại Bi cứu độ hàng vạn người xưng danh hiệu N am Mô A Di Đà Phật. Đây chính là Bổn N guyện Lực Hồi Hướng vậy.

IV.4.2.2 Vãng Tướng Hoàn Tướng

Qua Bổn N guyện Tha Lực, hoạt động cứu độ thật cụ thể. "N gười được vãng sanh" là chúng ta, những người được N hư Lai cứu độ và được vãng sanh về Cực Lạc được thể hiện như ở trước, ta thấy có hai loại: Vãng Tướng. Vãng Tướng, theo kinh "Đại Thừa Vô Lượng Thọ" việc nghe tức là Giáo; xưng tụng danh hiệu N am Mô A Di Đà Phật là Hạnh; không nghi ngờ về bổn nguyện Đại Bi của Phật, mà ta tuyển chọn là Tín. Cuối cùng được N hư Lai tiếp dẫn, đưa người N iệm Phật vãng sanh Tịnh Độ khi lâm chung một cách chắc chắn, rồi hoàn thành giác ngộ là Chứng. N hư vậy, ngay cả chúng ta, những kẻ phàm phu đầy dẫy phiền não, được chỉ dạy phép N iệm Phật, hành trì pháp niệm Phật, phiền não sẽ hoàn toàn tiêu diệt, thẳng đến N iết Bàn chính là Vãng Tướng. N hờ phương thức niệm Phật và bổn nguyện lực của N hư Lai, hành giả được N hư Lai cứu độ rất cụ thể nên được gọi là Vãng Tướng Hồi Hướng.

Hoàn Tướng nghĩa là "kẻ trở lại". Sau khi liễu ngộ sự thật vãng sanh Tịnh Độ, trở thành Phật rồi, tâm Đại Bi khởi lên, quay trở lại với thế giới đầy dẫy phiền não nầy, để thực hiện hạnh cứu độ người mê, thế là Vãng Tướng chuyển thành Hoàn Tướng. Hoàn Tướng cũng là những việc làm qua Bổn N guyện Lực của N hư Lai. Chính nhờ Bổn N guyện Lực của N hư Lai, chúng ta được hồi hướng về Hoàn Tướng, còn gọi là Hoàn Tướng Hồi Hướng.

IV.4.2.3 Gặp Chơn Tông

N hư thế lâu nay công việc Bổn N guyện Lực của N hư Lai là "việc sanh, tử" mà chúng ta bị cuốn hút trong ấy chỉ biết mình. Vì sanh tử vượt trên lãnh vực giác ngộ, cho nên có một phương hướng mới, được biết có ý nghĩa khác hơn. Tùy theo diệu dược của Bổn N guyện Lực thuộc về Vãng Tướng và Hoàn Tướng đối với thân nầy, chúng ta nên tạo ra đạo tràng N iệm Phật trong cuộc sống hiện tại, để khi chết được tiếp dẫn vãng sanhTịnh Độ, hầu khai mở pháp duyên của sự giác ngộ. Ở đó, cuộc sống diệu dược không giới hạn với khai phá của Hoàn Tướng, có thể cảm nhận được, đó là gặp gỡ với Tịnh Độ Chơn Tông nên được cứu độ. Trong "Cao Tăng Hòa Tán" Thân Loan nói rằng:

Hồi hướng thành tựu nơi Đức A Di Đà,
Là hai loại Vãng Tướng và Hoàn Tướng,
Đối với hai loại hồi hướng nầy,
Trở thành nơi hội ngộ của tâm hạnh[147].
Tâm Hạnh ở đây là tín tâm N iệm Phật. Tự thể tin bổn nguyện và niệm Phật gọi là Vãng Tướng Hồi Hướng của N hư Lai. Còn Hoàn Tướng là cứu độ chúng sanh của chư Bồ Tát. N hư vậy, hoạt động cứu độ của Phật A Di Đà bao gồm tất cả những việc nầy.

IV.4.3 Lời Dạy Chân Thật

Lời dạy chân thật ấy rõ ràng nơi Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ. (Lược bớt phần bình chú theo lối Hán - N hật)

N ếu nói dạy dỗ chân thật rõ ràng, điều nầy có nơi Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ.

N ếu nói về yếu nghĩa và nội dung của Kinh nầy, A Di Đà N hư Lai khởi phát lời thệ nguyện, khai mở và hàm chứa chân lý bình đẳng cứu độ rộng khắp mọi người. Dẫu cho kẻ phàm phu ngu si cũng không buồn khổ lo lắng, bởi vì có thể tuyển chọn thực hành vãng sanh bằng cách niệm danh hiệu, mà đó là ngọc công đức được sáng tỏ như thế.

Thích Tôn xuất hiện trong cuộc đời nầy nói nhiều loại Kinh Điển; nhưng đặc biệt Kinh nầy cho mọi người biết lợi ích của trí tuệ chân thật và bổn ý được thể hiện. Đặc biệt, trọng tâm của Kinh nói về bổn nguyện của Đức A Di Đà N hư Lai. Kinh nầy là bản thể của danh hiệu Phật. (Giáo Văn Loại - Thánh Điển – trang 135).

Giải thích: IV.4.3.1 Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ

Đặc biệt, Thân Loan chỉ giảng Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, mặc dầu Pháp N hiên tuyển ra ba bộ Kinh cho tông Tịnh Độ đó là: Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ; Kinh Quán Vô Lượng Thọ và Kinh A Di Đà. Thế nhưng, kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ mang những lời giáo huấn chân thật nên Thân Loan chọn kinh nầy làm giáo pháp chính của Tịnh Độ Chơn Tông.

Phần đầu của “Giáo Hành Chứng Văn Loại” và “Giáo Văn Loại” đều lấy kinh nầy làm tôn chỉ.

Giáo có nghĩa là chỉ cho mọi người đạo lý chơn chánh và hướng dẫn họ. Lời Phật dạy trong kinh điển biểu hiện ý nghĩa cao siêu của đạo lý (Giáo-pháp) chánh đáng gọi là Giáo, vì chữ Giáo có nghĩa là ngôn giáo. Phần đầu của “Giáo Văn Loại” cho rằng: “N ếu hiển lộ của lời dạy chân thật, chính là kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ”.

IV.4.3.2 Lấy Bổn N guyện làm Tông Chỉ

Phần đầu “Giáo Văn Loại” tường thuật đại ý của kinh Vô Lượng Thọ. N ội dung được tóm lược rằng: “Đức N hư Lai nói kinh nầy lấy Bổn N guyện làm tông, cũng chính là bản thể niệm danh hiệu Phật” còn gọi là “Kinh Tông Trí”[148]; nghĩa là kinh dạy về những điều cương yếu, còn gọi là “Kinh Bản Thể”, nghĩa là bản thể của kinh chính là căn bản vậy, mà bản thể kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ là việc niệm danh hiệu Phật. Kinh được nói về những trọng tâm của pháp nghi thuộc về Bổn N guyện của Phật A Di Đà.

Bổn N guyện ấy là lời thệ nguyện bằng Trí Tuệ và Từ Bi vượt khỏi tất cả, làm cho tất cả chúng sanh thật được an ổn bởi Phật A Di Đà,

nói rộng ra là 48 lời nguyện, đại biểu là nguyện thứ 18. Ở đây, chúng ta thấy Bổn N guyện ấy trong lời nguyện thứ 18. Hơn nữa, “Giáo Hành Chứng Văn Loại” mở rộng nội dung lời nguyện thứ 17 thuộc về Giáo và Hạnh, thứ 18 thuộc về Tín; thứ 11 thuộc về Chứng; thứ 12, 13 thuộc về Chơn Phật và Chơn Độ. N gôn ngữ của Bổn N guyện rất là nghiêm mật, nhưng tổng quan năm nguyện là nguyện thứ 18.

IV.4.3.3 Lấy Danh Hiệu Làm Chủ Thể

Danh Hiệu Phật: N am Mô A Di Đà Phật. A Di Đà Phật, mà trong nguyện thứ 17 thệ rằng:

“Khi ta thành Phật, vô lượng chư Phật trong mười phương thế giới đều nhớ nghĩ và xưng tán đến danh hiệu ta, nếu không phải thế, ta không ở ngôi Chánh Giác”[149].

Chư Phật trong mười phương xưng dương tán thán danh hiệu, còn chúng sanh trong mười phương, ai niệm danh hiệu Phật A Di Đà sẽ được cứu độ, bởi vì thệ nguyện nầy phù hợp với bổn nguyện của Đức Thích Tôn khi giảng kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, kinh nói về việc niệm danh hiệu. N ói khác, kinh nầy phát ra từ bổn nguyện của Phật A Di Đà, là nhơn quả cứu độ. Tựu trung, kinh nói về “Phật N guyện Sanh Khởi Bổn Mạt”[150] cho ta biết danh hiệu Phật A Di Đà.

Phật A Di Đà cứu độ tất cả chúng sanh một cách bình đẳng, mà ai cũng nghĩ rằng chính mình sẽ đến cảnh giới ấy và cùng giác ngộ, nhờ nương công đức cứu độ của N hư Lai qua lời thệ nguyện niệm danh hiệu và thành tựu bổn nguyện từ danh hiệu ấy, mà kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ truyền trao giáo lý chân thật cho tất cả chúng sanh. N hờ niềm tin và hành trì, chúng sanh được tiếp độ. Hơn nữa, nội dung nguyện thứ 18 chính là Giáo, Hạnh, Tín, Chứng, Chơn Phật, Chơn Độ, khai mở kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, trình bày phương pháp niệm danh hiệu Phật, mà bản thể của kinh chính là danh hiệu.

IV.4.3.4 Bổn Hoài Của Sự Xuất Thế

Dù giáo lý cũng chỉ là những lời dạy phương tiện, nhưng bổn ý của Phật được sáng tỏ trong kinh điển. Lời dạy phương tiện chỉ bày những người chưa thành thục tiếp nhận trực tiếp những chân ý chân chánh, cho nên N hư Lai mới dùng phương tiện chỉ bày. Bổn hoài của Chư Phật truyền trao những lời dạy không cao xa khó hiểu mà quyền biến để phù hợp với trình độ căn cơ người nghe. Muốn hiểu rõ bổn ý của Phật qua lời dạy chân thật, phải từ bỏ những lời dạy quyền biến phương tiện. Bổn ý của Phật Thích Ca xuất hiện ra đời thể hiện trong các kinh, mà cũng chính trong các kinh ấy biểu hiện bổn hoài của việc xuất thế.

Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ hàm chứa những lời dạy chân thật, dù thật rõ ràng rằng kinh điển mà Đức Thế Tôn thuyết trong một đời rất nhiều, nhưng chỉ có kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ biểu hiện bổn ý của Thế Tôn và nói lên bản hoài xuất thế, bởi vì trong đó hiển bày những lời dạy cao siêu chân thật của giáo lý Bổn N guyện. N goài kinh nầy ra, không còn bản kinh nào hơn kinh nầy cả, cũng chính là lời tuyên bố: “N hứt Thừa Cứu Cánh Cực Thuyết”[151].

Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ khai mở phương tiện cho tất cả chúng sanh thành Phật một cách bình đẳng, dù người trí hay người ngu, trình bày bổn ý đại bi của Phật bình đẳng cứu độ chúng sanh hàng muôn vạn người, cho nên gọi là kinh chân thật khai thị hiển bày bổn ý của Đức Thế Tôn khi xuất hiện nơi đời.

IV.4.3.5 Sự Lợi Ích Chân Thật

Phần đầu kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ trình bày như vầy: “Trước khi thuyết kinh nầy, Thế Tôn đi vào sâu trong Thiền Định, toàn thân sáng ngời đẹp đẽ trang nghiêm”. Sau đó, N gài A-N an muốn biết rõ việc nầy nên hỏi rằng: “Lòng đại bi của N hư Lai cảm thông nỗi khổ đau đang bao trùm tam giới nầy mà xuất hiện ra đời, mang ánh sáng Đạo giải thoát cứu vớt quần sanh[152] đem trí tuệ chân thật lợi ích chúng sanh”[153].

Điều nầy được biết rõ rằng: “Chư N hư Lai đều có lòng Đại Bi vô hạn, không phân biệt chúng sanh ở những cảnh giới mê muội nào, lân mẫn nguyện đến cứu độ. Vì thế, ai có lòng đại bi như thế mới

xuất hiện trong đời nầy. Kinh nầy nói về tất cả những sự lợi ích chân thật của trí tuệ”. Bổn N guyện của Phật A Di Đà đem trí tuệ làm lợi ích chân thật cho cả vạn người[154]. Bổn ý của những lời dạy chân thật xuất phát từ việc Thế Tôn nhận thấy tất cả N hư Lai xuất hiện ra đời, vì muốn cho chúng sanh ra khỏi cảnh giới mê muội, cho nên thuyết kinh nầy.

IV.4.3.6 Kinh để Hồi Hướng về Đức Phật A Di Đà

Thế Tôn thuyết kinh nầy, Thân Loan chuyển bổn nguyện của Phật A Di Đà N hư Lai đến cho chúng ta. Phần đầu Phật Thích Ca thuyết kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ về nguyện lực thứ 17 của Phật A Di Đà. Vì nguyện thứ 17, Đức Thích Tôn vì mười phương chư Phật thuyết kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ. N hư vậy, nói theo nguồn gốc, chúng ta dùng kinh nầy hồi hướng đến Phật A Di Đà, theo nguyện lực thứ 17.

Thứ hai, theo Thân Loan, “Từ xưa, đức Thích Tôn là Phật A Di Đà, nguyện vào đời ác năm trược[155] cứu độ chúng sanh, ứng hiện thành Phật bởi vì loài người trong đời nầy. Thực ra, đức Thích Tôn thuyết pháp mà Đức A Di Đà N hư Lai đã thuyết, vì thế kinh nầy hồi hướng đến Đức A Di Đà N hư Lai ”[156].

IV.4.4 Hạnh Chân Thật

Đại Hạnh chính là xưng tụng danh hiệu của Vô N gại Quang N hư Lai. (Lược bớt phần bình chú theo lối Hán - N hật).

Đại Hạnh nghĩa là xưng tụng danh hiệu Vô N gại Quang N hư Lai. Hạnh nầy dùng công đức tốt đẹp nhiếp hóa, hoàn thành tâm nguyện của Đức A Di Đà N hư Lai. Điều thiện chính là điều căn bản bổ sung cho công đức. N goài ra, việc làm nầy khai mở và chuyển hóa kẻ mê mờ mau tỉnh ngộ. Bản thể chính là vượt khỏi tất cả những sự phân biệt hư vọng đạt được chân như thật tướng. N gọc quý công đức được ban bố rộng rãi không ngằn mé, như biển cả mênh mông, được gọi tên là Đại Hạnh. Bởi vì, đây chính là tâm đại bi trong lời nguyện thứ 17 hồi hướng Phật sự N hư Lai, mà Phật sự ấy không phát xuất từ tâm địa bình thường của con người. (Hạnh Văn Loại - Thánh Điển – trang 141).

Giải thích: IV.4.4.1 Việc Làm Của Chơn Tông

Trong Tịnh Độ Chơn Tông, cũng có người không thực hành về Hạnh; nhưng trong Phật Giáo không ai không thực hành. Chơn N gôn[157] không phải là ngoại lệ, chỉ phủ định việc làm của tự lực mà thôi. N ói khác, đó chính là hạnh nguyện của N hư Lai, ứng hợp

với việc làm của Bổn N guyện niệm danh hiệu Phật, bởi vì đó chính là việc làm và sự che chở của N hư Lai thuộc về Bổn N guyện. N iệm Phật là sự hành trì, hành động rất vĩ đại, được tán thán như hành trì chân thật. N goài ra, cũng là pháp thệ nguyện nhứt thừa. N gôn ngữ nầy dùng để tán thán việc làm cao cả đó.

IV.4.4.2 Đại Hạnh N ghĩa là Gì?

Trong Đại Hạnh chữ "Đại" có ba ý nghĩa đó là: lớn, nhiều, hơn, ở đây Thân Loan muốn dùng chữ Đại nầy trong nghĩa Quảng Đại. Giống như chân như, lãnh vực giác ngộ của N hư Lai biến mãn khắp mọi nơi. Biểu hiện của chân như chính là công đức danh hiệu rộng lớn vô biên, che chở bao dung tất cả chúng sanh không phân biệt. Ở đây, được tán thán xưng tụng là "Chân N hư N hứt Thật và Công Đức Bảo Hải", là bản thể của công đức danh hiệu ấy.

Đa nghĩa là nhiều, bổ sung thêm cho công đức vô lượng, thành tựu qua danh hiệu N hư Lai, "N hiếp lấy những thiện pháp khác, đầy đủ công đức căn bản", cũng xưng tán về công đức vô lượng về danh hiệu.

Thắng có nghĩa là hơn, danh hiệu Phật khi được ai đó chấp nhận xưng tụng, tự thân người ấy sớm đầy đủ công đức, phá trừ mê muội hôn ám. Vãng sanh thành Phật là việc làm hơn tất cả, cũng nói là "Cực tối viên mãn" chỉ cho việc dùng công đức của danh hiệu. N hư vậy, công đức của danh hiệu đối với chúng ta thật là diệu dụng cho nên gọi là Đại Hạnh.

Chữ "Hạnh" trong chữ "Đại Hạnh" nghĩa là việc làm. Trong "Duy Tín Sao Văn Ý", Thân Loan giải thích thêm về chữ "Hạnh" nghĩa là đầy việc làm. Ở đây, ta thấy chữ "Hạnh" vừa có nghĩa là việc

làm, vừa có nghĩa là những hành vi. Song Hạnh chính là việc xưng tụng danh hiệu N am Mô A Di Đà Phật, không chỉ là việc làm, mà là bổn nguyện niệm Phật, bản thể chân như, trong đó có công đức, mà chúng ta giải trừ vô minh, ra khỏi phiền não, đến cảnh giới N iết Bàn an lạc. Hành vi nầy chính là một việc làm vĩ đại, việc làm chân thật.

IV.4.4.3 Việc Làm Không Phải ở Tự Lực

Đồng thời, khi xưng tụng danh hiệu Phật, việc làm ấy không phải là việc làm của kẻ phàm phu. N ếu là việc làm của kẻ phàm phu, việc ấy chỉ toàn là phiền não. Ví dụ dẫu cho có N iệm Phật, nhưng chỉ là biến hình của ngã dục, thỏa mãn giận ghét, trở thành chấp thủ. Việc làm ấy không cắt được phiền não, đến N iết Bàn an lạc, không do công đức làm chủ thể. Do vậy, Thân Loan cảnh báo rằng "việc làm như thế không phát xuất từ lòng đại bi". Với chúng ta, niệm Phật xuất phát từ miệng, không phát ra từ tâm phiền não vọng niệm, mà phát ra từ nguyện đại bi của N hư Lai, được gọi là thanh tịnh chân thật.

Xưng danh không tác dụng đối với những kẻ phàm phu, mà chúng ta phải nương vào bổn nguyện lực của N hư Lai, biểu lộ trong việc làm, cho nên trong "Hành Văn Loại" Thân Loan cho rằng "Điều ấy không phải là việc làm tự lực của Phàm Thánh". Trong "Tịnh Độ Văn Loại Tụ Sao"[158] N gài cho rằng: "Đây không phải là việc làm hồi hướng

của phàm phu, mà là việc hồi hướng đến Đại Bi, không gọi là hồi hướng".

Dĩ nhiên kẻ phàm phu, ngay cả những bậc Thánh đi nữa nếu so đo một ít tự lực của mình, thực hành niệm Phật cũng là giả trá, không gọi là Đại Hạnh, cũng chẳng phải chân thật. N ói khác, xưng danh hiệu ấy là biểu hiện âm thanh N hư Lai, mỗi khi niệm N am Mô A Di Đà Phật, phiền não sẽ đóng chặt, gọi ta tỉnh dậy để hướng tới thế giới giác ngộ. Do vậy, kẻ phàm phu biểu hiện N hư Lai qua những việc làm ấy.

Việc xưng danh Vô N gại Quang N hư Lai, mà trong "Luận Chú", Thân Loan cho rằng xưng tụng là "Quy Mệnh Tận Thập Phương Vô N gại Quang N hư Lai". Danh hiệu 10 chữ nầy "đầy đủ tất cả

Chư Phật trong mười phương thế giới, đời nầy đến đời khác, cứu độ rốt ráo tất cả những sự chướng ngại bằng năng lực cứu độ của N hư Lai". Xưng danh hiệu Phật A Di Đà như mời gọi đến nghe N hư Lai thuyết pháp, mà những ai nghe lời gọi của N hư Lai, sẽ được cứu độ trong từng niệm, từng niệm, không có gì chướng ngại. N ói khác, xưng danh hiệu cũng là việc làm của N hư Lai[159]. Đồng thời, xưng danh hiệu là sự biểu hiện hạnh N hư Lai của những người phàm phu. Trước đây, N hư Lai cho rằng đây là ý nghĩa của những hành trì xưng danh, mà nguyện cũng chính là bổn nguyện của N hư Lai vậy.

IV.4.5 Sắc Mệnh của Bổn N guyện Mời Gọi

Quy Mệnh nghĩa là trở về với sắc mệnh Bổn N guyện mời gọi. (Lược bớt phần bình chú theo lối Hán - N hật).

Chữ N am Mô nghĩa là quy mệnh, mà quy mệnh với Bổn N guyện Phật A Di Đà. Lời mời gọi chúng ta như một sắc mệnh quay về Bổn N guyện Tha Lực. Còn phát nguyện hồi hướng nghĩa là Đức N hư Lai từ xưa đã phát nguyện cứu độ chúng sanh. Bây giờ đối với chúng ta,làm sao được vãng sanh, chính là tâm nguyện từ bi vậy. "Tức Thị Kỳ Hạnh" nghĩa là Đức N hư Lai chọn việc làm nầy như Bổn N guyện. (Hành Văn Loại - Thánh Điển – trang 170).

Giải thích: IV.4.5.1 N iệm Phật Biệt Thời Ý Thuyết

Trong "Quán Kinh Sớ" phần "Huyền N ghĩa", Thiện Đạo nói về danh hiệu và chú thích về sáu chữ nầy rất rõ. Sau đó, Thân Loan bình luận và giải thích về sáu chữ nầy rộng hơn. Đầu tiên Thiện Đạo giải thích sáu chữ như vầy:

"Chữ N am Mô vừa có nghĩa là quy mệnh, vừa có nghĩa là hạnh, mà ai thực hành việc nầy sẽ được vãng sanh[160]. Trong thế kỷ thứ 6, thứ 7, giới Phật Giáo Trung Hoa lưu hành "N iệm Phật Biệt Thời Ý Thuyết" phân tích, bình luận và giải thích những vấn đề luận nghị và ý nghĩa N iệm Phật của N gài Thiện Đạo.

Theo N hiếp Luận Tông[161] thuộc nhóm nghiên cứu về "Quán Kinh" cho rằng nếu chỉ cần xưng danh hiệu, mà được vãng sanh, thì không khác những kẻ lười biếng, cho nên đã dùng "Biệt Thời Ý" chủ trương về phương tiện thuyết. Vì sao vậy? Vì khi niệm N am Mô A Di Đà Phật, chữ N am Mô chính là biểu hiện sự cung kính N hư Lai. Đồng thời,

không thể biểu hiện được qua lời nguyện vãng sanh Tịnh Độ, không thể nói là Hạnh. N goài ra, dù cho có xưng danh đến bao nhiêu đi nữa, mà không có hành chắc chắn không phải là nhơn vãng sanh về Tịnh Độ.

Điều ấy cũng không sai với Phật duyên mấy. Xưng danh nghĩa là duyên vãng sanh trong một tương lai xa, cho nên nói rằng xưng danh hiệu không có giá trị vãng sanh Tịnh Độ (Báo Độ), lãnh vực của sự giác ngộ là không đúng, nhưng có thể nói xưng danh hiệu đưa đến quả vãng sanh trong tương lai xa thôi, phải chăng dành những kẻ lười biếng? Đây chính là nối kết Phật Duyên với phương tiện thuyết kinh. Phải chăng vì kết quả trong tương lai (biệt thời) xa xôi, nhưng ngay bây giờ phương tiện nói về biệt thời ý cũng chỉ là cách nói chăng? Đây cũng là giáo thuyết có tính cách điển hình về niệm Phật vãng sanh.

IV.4.5.2 N guyện Hạnh Đầy Đủ

Thiện Đạo cho rằng niệm Phật là nghiệp nhơn vãng sanh, được định sẵn trong Bổn N guyện Phật A Di Đà. Chính Đức Thích Tôn và mười phương chư Phật chứng minh điều nầy, không có nghi ngờ ở đây. Dẫu tính toán tính cách đạo lý đi chăng nữa, khi xưng danh hiệu N am Mô A Di Đà Phật, N guyện và Hạnh vừa bổ túc cho nhau vừa chứng tỏ niệm Phật quyết định vãng sanh không phải là thuyết phương tiện biệt thời. Đạo lý thật rõ về lối giải thích sáu chữ nầy.

Chữ nam mô trong N am Mô A Di Đà Phật nghĩa là quy mệnh, mà quy mệnh nghĩa là tâm tín thọ lời dạy của N hư Lai. Quy mệnh cũng có nghĩa là hướng tâm nguyện vãng sanh về Tịnh Độ. Hơn nữa, được hiểu là phát nguyện hồi hướng trong nguyện thứ 18, bởi vì khi niệm danh hiệu N am Mô A Di Đà Phật nghĩa là quyết định được vãng sanh, cho nên danh hiệu A Di Đà Phật gọi là phát nguyện vãng sanh. Từ đó, khi xưng danh hiệu N am Mô A Di Đà

Phật, hành giả phải đầy đủ N guyện và Hạnh. Đó chính là nhơn vãng sanh có tính cách đạo lý vậy.

IV.4.5.3 Giải thích 6 Chữ Qua “Hành Văn Loại”

Trong “Hành Văn Loại” và “Tôn Hiệu Chơn Tượng Minh Văn”, Thân Loan giải thích sáu chữ như là tin thuận, nguyện vãng sanh và vâng theo sắc mệnh của N hư Lai. Còn hành giả xưng danh là người nương vào Bổn N guyện Lực chắc chắn sẽ được sanh. Đó là sự hiển bày đạo lý. Hơn nữa, theo “Hành Văn Loại” danh hiệu biểu hiện sự cứu độ của N hư Lai cho mọi người. Ở đây, dùng để giải thích cho pháp thể ấy[162]. Hơn nữa, theo Thiện Đạo quy mệnh nghĩa là phát nguyện hồi hướng, có ba nghĩa chánh. N ương theo những ý ấy, Bổn N guyện danh hiệu hàm ý năng lực Bổn N guyện hồi hướng cứu độ mọi người của Phật A Di Đà.

Hơn nữa, ví dụ quy mệnh có trường hợp cho rằng đó là sắc mệnh mời gọi thuộc Bổn N guyện. N hư vậy, chữ N am Mô không chỉ có nghĩa là quy mệnh mà còn biểu thị toàn thể Bổn N guyện mời gọi thuộc về sắc mệnh của Phật A Di Đà. Có trường hợp gọi phát nguyện hồi hướng là phát nguyện của N hư Lai đối với hành trì của chúng sanh mà có

tâm hồi thí ấy. N am Mô A Di Đà Phật, chính là biểu thị toàn thể ý nghĩa về tâm nguyện Đại Bi hồi hướng của N hư Lai. Hơn nữa, "Tức Thị Kỳ Hành" nghĩa là tuyển lựa Bổn N guyện. Không phải đơn giản chỉ tuyển chọn Bổn N guyện bốn chữ A Di Đà Phật qua hành trì mà ở đây phải biểu hiện một cách rõ ràng trong việc tuyển chọn Bổn N guyện của sáu chữ N am Mô A Di Đà Phật.

IV.4.5.4 Sắc Mệnh Mời Gọi Của N hư Lai

Đầu tiên chữ nam mô theo Thân Loan có nghĩa là quy mệnh. Quy mệnh có nghĩa là sự lễ bái và quy thuận theo lời Phật dạy. Đặc biệt, quy mệnh vừa là phụng thừa sắc mệnh của N hư Lai, vừa có ý không nghi ngờ và quy ngưỡng về N hư Lai. N hư vậy, cũng có nghĩa là tín thuận, tín tâm.

Theo "Hành Văn Loại", quy mệnh nghĩa là sắc mệnh mời gọi thuộc về Bổn N guyện. Có lối giải thích khác, quy mệnh có nghĩa

là hướng về Phật A Di Đà niệm thật tha thiết và thật rõ chắc chắn sẽ được cứu.

Thứ nhất, nếu sự cứu độ của N hư Lai thuộc về Bổn N guyện Lực Hồi Hướng, N am Mô A Di Đà Phật chính là tiếng mời gọi và tiếp dẫn chúng ta. Thứ hai, không nghi ngờ Bổn N guyện, tin tưởng với năng lực Bổn N guyện bao phủ, che chở tín tâm của ta, với tự lực của ta không thể tự khởi lên được, cho nên phải niệm N am Mô A Di Đà Phật, tất nhiên sắc mệnh được truyền sẽ được cứu độ. N goài tín tâm, rõ ràng không có gì khác hơn nữa. Đó là một cách giải thích khá tuyệt diệu. N hững bậc Tổ ngày xưa gọi đây là: "Có sắc mệnh ra không cần tín tâm". Thứ ba, nếu khi nghe tiếng N am Mô A Di Đà Phật, N hư Lai làm cho ta tỏ ngộ, niệm N am Mô A Di Đà Phật cứ như thế niệm, khi nghe được sắc mệnh mời gọi qua bổn nguyện ấy. Hơn nữa, phàm phu niệm Phật không thể qua khỏi lời dạy của N hư Lai như Haraguchi nói rằng:

"Chúng ta niệm và nghe N am Mô A Di Đà, Theo tiếng gọi sẽ đưa về gần gũi"

Tâm ấy được biểu hiện qua những vần thơ trên.

IV.4.5.5 Phát N guyện Của N hư Lai

Sự phát nguyện hồi hướng nghĩa là N hư Lai phát nguyện và hồi hướng đến các chúng sanh. Chỉ cần chúng ta niệm danh hiệu, Đức N hư Lai tìm cầu cứu độ và chọn lựa phương pháp trì niệm danh hiệu N am Mô A Di Đà Phật tiếp dẫn vãng sanh về Tịnh Độ.

Tâm nguyện Đại Bi vượt lên trên suy nghĩ của chúng ta. Khi hành trì và hồi hướng, chúng ta được tâm nguyện Đại Bi che chở qua lời niệm N am Mô A Di Đà Phật, được tuyển chọn của tâm nguyện.

Trong đời thế tục nầy, tâm ta bị cướp đoạt mất, việc nguyện sanh Tịnh Độ đối với ta cũng khó tự làm được, vì rất yếu đuối so với thế giới Tịnh Độ chân thật. Tuy nhiên, tâm ta khởi lên hoài vọng trở về sống ở cố hương, cho nên câu niệm Phật làm cho thân ta nghe và nhận được sự bất khả tư nghì của câu N am Mô A Di Đà Phật. N hờ câu Phật hiệu "N am Mô A Di Đà Phật" được cứu độ, đó

chính là Bổn N guyện làm cho Thân Loan cảm động dõi theo pháp môn nầy.

IV.4.5.6 Sự Thực Hành Bổn N guyện

Tâm Đại Bi của N hư Lai che chở và hồi hướng. Pháp môn nầy là niệm câu N am Mô A Di Đà Phật, mà Thiện Đạo gọi là: “A Di Đà Phật chính là pháp môn ấy”, xưng danh hiệu Phật. Không phải chính ta niệm Phật được vãng sanh, mà qua hành trì pháp vãng sanh, được Đức Phật A Di Đà tuyển chọn quyết định tiếp dẫn vãng sanh, mà đây là biểu hiện Chánh Định N ghiệp quyết định công đức vãng sanh.

N iệm Phật là tin tưởng vào hành trì vãng sanh. N iệm Phật chính là tin tưởng vào Bổn N guyện, được lựa chọn qua hành trì vãng sanh. Thân Loan muốn làm sáng tỏ hơn nên nói rằng: “Tức Thị Kỳ Hành chính là tuyển chọn Bổn N guyện". Hơn nữa, xưng danh có nghĩa là hành giả tin vào sự chọn lựa Bổn N guyện, hồi hướng pháp hành niệm Phật lên Phật. Thân Loan cho rằng đây là: “Chuyên Tâm Phụng Hành”.

N hư thế, N hư Lai lập nguyện cứu độ tất cả chúng sanh. Vì thực hiện lời nguyện đại bi ấy, quyết định tuyển chọn những pháp môn vãng sanh mà ban bố. Đó là pháp môn niệm N am Mô A Di Đà Phật. N hư vậy, sắc mệnh mời gọi của N hư Lai là lời thuyết pháp. Hoạt động cứu độ từ năng lực Bổn N guyện biểu hiện tính cách cấu tạo sáu chữ của “Hành Văn Loại” được giải thích.

IV.4.6 Sự Thực Hành Một N iệm

Thực hành một niệm nghĩa là xưng danh nhiều lần để phát triển việc chọn lựa pháp môn dễ dàng cho đến cuối cùng. (Lược bớt phần bình chú theo lối Hán - N hật).

Theo Đức Phật, vãng sanh thành Phật là nhơn hồi hướng Tín, Hạnh. Cả Tín lẫn Hạnh việc nào cũng chỉ một niệm. Một niệm của Hành là số lượng xưng danh tối thiểu một tiếng có đầy đủ vô lượng công đức. Tuyển chọn dễ dàng và đồng thời niệm A Di Đà

Phật là pháp môn tối thắng, mang ý nghĩa cao siêu, chọn lựa Bổn N guyện N iệm Phật, mà các Kinh đã nói.

Kinh cũng gọi đây vừa là đạt công đức đại lợi ích vô thượng, bởi vì Bổn N guyện N iệm Phật không phân biệt chúng sanh cho đến khi tỏ ngộ, vừa là Pháp Chân thật Vô N hứt Vô N hị[163]. Rõ biết việc nầy qua ngôn ngữ là điều lợi ích vô cùng.

Bây giờ, N gài Di Lặc Bồ Tát nương vào một niệm gọi là ý nghĩa xưng niệm. Một niệm nghĩa là một tiếng, một tiếng cũng là một niệm. Hơn nữa, một niệm là một hạnh, một pháp tu. N goài pháp tu ấy, không thể gì biểu hiện gọi là N hứt Hạnh Chuyên Tu. (Hành Văn Loại - Thánh Điển – trang 187).

Giải thích: IV.4.6.1 Một N iệm Xưng Danh

Câu “cho đến một niệm” ở trong nguyện thứ 18 của Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ có ba vấn đề đó là: câu văn thành tựu, câu văn thứ bậc và câu văn phụ thuộc. Song theo Pháp N hiên, ba vấn đề ấy là một niệm, là tất cả pháp tu một niệm. Hơn nữa, khi xưng danh một niệm là được rõ biết. Với Thân Loan, câu văn theo thứ bậc nghĩa là không tiếp xúc với cái gì hết; câu văn thành tựu ở nguyện thứ 18 là nhứt niệm, chính là một niệm của lòng tin. Khi vừa phát nguyện, tín tâm đã biểu hiện. Còn câu văn phụ thuộc là nhứt

niệm là một niệm của pháp tu.

Lần lượt, “Hành Văn Loại” và “Tín Văn Loại” giải thích rõ về việc đó nghĩa là mỗi một niệm Phật đều gia bị cho Tín, Hạnh, không lìa bỏ những pháp tu căn bản cần yếu.

Còn ở quyển chót của Kinh nầy, căn cứ vào công đức ít nhiều của hành giả nguyện vãng sanh Tịnh Độ có chia ra Thượng Bối, Trung Bối và Hạ Bối[164] để biểu hiện. Hạ Bối, theo Thân Loan, kinh nầy nói về tự lực vãng sanh, cho nên nhứt niệm không đề cập đến ở đây.

Lúc nói gần xong kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, Đức Thích Tôn ủy thác cho Bồ Tát Di Lặc là vị Giáo Chủ trong tương lai giải thích những ý nghĩa quan trọng trong kinh nầy với lời phó chúc như sau:

Phật hướng về Di Lặc bảo rằng: “Khi nghe danh hiệu của Phật nầy, cho đến một niệm sẽ hoan hỷ vô cùng. N ên biết đó là người có đại lợi. Hơn nữa, đây cũng là một công đức vô thượng viên mãn”[165].

Thế Tôn hướng về phía N gài Di Lặc và bảo rằng: “Khi nghe danh hiệu Phật A Di Đà và tin sự cứu độ, cả tâm lẫn thân đều hoan hỷ. Bất cứ ai chỉ cần xưng danh hiệu một tiếng thôi, thân nầy sẽ có công đức vô thượng, chắc chắn sẽ vãng sanh và sẽ thành Phật. Lợi ích vô cùng!” Ở đây có nói: “Cho đến một niệm”, một niệm nghĩa là hành nhứt niệm, xưng danh hiệu trong một tiếng, đó là cách giải thích về hành nhứt niệm. Thân Loan giải thích về hành tướng và nhiều lần (biến số). Đây là hai sự giải thích vậy.

IV.4.6.2 Thực Hành Công Đức Vô Thượng

Biến số nghĩa là số lần xưng danh hiệu. Số lần xưng danh hiệu ấy tối thiểu là một tiếng. Đây là cách giải thích về biến số bằng công đức biểu hiện, thuộc về pháp tu. Theo như sự phó chúc trong kinh nói rằng: “Cho đến một niệm là pháp tu đầy đủ công đức vô lượng”, là xưng danh Bổn N guyện, được chọn lựa về Đức A Di Đà N hư Lai. Thật dễ dàng, chỉ cần một tiếng niệm mà lại có công đức vô thượng.

N ói khác, Thích Tôn trao truyền cương yếu của kinh cho N gài Di Lặc. Một tiếng niệm Phật được nói đó, chính là pháp hành của Bổn N guyện tuyển chọn. Ở đây, chính là để rõ nghĩa duy nhất tối cao của Phật-Pháp N hứt Thừa, Giáo-pháp công đức vô thượng bình đẳng cứu độ tất cả mọi người.

“Hành N hứt N iệm” là phương pháp có tính cách tuyệt đối về Bổn N guyện tuyển chọn, được thể hiện qua giáo thuyết. Thân Loan cho rằng: “Danh xưng biến số ấy là sự khai mở pháp tu dễ dàng cho đến số nhiều vậy”.

IV.4.6.3 Pháp Hành Và Sự Tin Thọ

Việc lưu ý ở đây là “Hành N hứt N iệm”, chỉ cần xưng danh một tiếng có đầy đủ công đức vô thượng là giáo thuyết chỉ cho pháp hành về Bổn N guyện. Xưng một tiếng mà quyết định vãng sanh không phải là biểu hiện của giáo thuyết, bởi vì pháp ấy vượt khỏi thời gian và không gian, cho nên đối với pháp niệm Phật chăm chỉ, biểu hiện qua “không hỏi thời gian lâu hay mau” và cũng “không quyết định về thời gian và nơi chốn

cũng như các duyên". Quyết định vãng sanh qua chữ "thời" là Giáo Pháp, không nghi ngờ, tin tưởng và thọ nhận. Đó chính là "thời" vậy.

Biểu hiện chánh yếu công đức thuộc về pháp hành, mà trong đó niềm tin thọ nhận biểu hiện là chính. Tuy nhiên, nên hiểu Hành và Tín trong "Giáo Hành Chứng Văn Loại" là một biểu hiện tin vào "thời" quyết định vãng sanh. N goài ra, giáo thuyết của cả Pháp N hiên lẫn Thân Loan đều không cho rằng xưng danh chỉ một lúc là được vãng sanh. Điều nầy phải nên lưu ý.

IV.4.6.4 N hứt Hạnh Chuyên Tu

Hành nhứt niệm thuộc về hành tướng, nghĩa là nói rằng: "Bây giờ phó chúc cho Di Lặc một niệm và một tiếng hay nói cách khác một tiếng niệm nầy, hoặc một niệm thành một hành nầy". Ở đây giải thích nhứt niệm là một việc làm, mà một việc làm có nghĩa là dẫn đến hai việc làm. N goài sự niệm Phật để được vãng sanh, không có việc làm nào như vậy, mà phải nhứt niệm chuyên tu và hành trì Bổn N guyện N iệm Phật. Đây cũng gọi là Hành Tướng nữa.

N guyên thủy của "một" nghĩa là "không hai". N iệm là xưng niệm. Trong tâm của mình chỉ nhớ nghĩ việc trì danh khi hành trì tức là một hành. N hư Lai hồi hướng tuyển chọn pháp môn xưng danh cho mình, trong khi đó, chính mình lại làm những công việc tạp nhạp, hành tạp hạnh và tu tạp tu thật là sai trái, cho nên cần phải quyết định. N ếu không, những việc làm như thế không thể vãng sanh được, cho nên "chỉ niệm Phật A Di Đà, N gài sẽ cứu độ". Chính là nhứt hạnh chuyên tu, là hình ảnh tiêu biểu có thể chấp nhận được.

N hư vậy, N hư Lai tuyển chọn pháp niệm Phật nhứt hạnh, không phân biệt thiện, ác, hiền, ngu, dễ dàng và bình đẳng cứu độ tất cả chúng sanh. N goài ra, đây cũng là hạnh cao cả, mà hạnh nầy vượt lên trên tất cả các hạnh khác gọi là Pháp Hành N hứt Thừa Vô Thượng. Không còn hạnh nào hơn cả, chỉ chuyên tu niệm Phật N hứt Hạnh mà thôi. Đại Hạnh là việc niệm Phật về Hành Đức và Hành Tướng, khai mở Hành N hứt N iệm qua "Hành Văn Loại" vậy.

IV.4.7 Lòng Tin N hứt N iệm

N hứt N iệm là sự tin tưởng được khai bày tức khắc, hiển thị gấp rút, tâm vui vẻ không bị che khuất, rộng lớn khó suy tính. (Lược bớt phần giải thích theo lối Hán - N hật).

Tín tâm chân thật ấy là N hứt N iệm. N hứt N iệm nghĩa là lòng tin như trên khai mở rõ ràng ngay từ lúc bắt đầu.Khi nghe Bổn N guyện bất khả tư nghì có tính cách rộng lớn ấy, lòng tin hoan hỷ không bị che khuất.

Hơn nữa trong "Bổn N guyện Thành Tựu" có nói về N hứt N iệm nghĩa là lòng tin về Bổn N guyện, đối với tín tâm không có hai tâm và không có tâm nghi ngờ, cho nên gọi là N hứt N iệm. Đây gọi là lòng tin. N hứt tâm thanh tịnh và là hạt giống vãng sanh về Báo Độ, là cảnh giới giác ngộ. (Tín Văn Loại - Thánh Điển – trang 250).

Giải thích: IV.4.7.1 Thời Khắc Gấp Rút

“Tín Văn Loại” giải thích về nhứt niệm là lòng tin đối lại với pháp tu thực hành một niệm, mà trong nguyện thứ 18, phần Thành Tựu Văn, ở phần đầu quyển hạ kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ cho rằng:

“Ai nghe danh hiệu, tín tâm hoan hỷ cho đến một niệm và chí tâm hồi hướng nguyện sanh về nước kia, liền được sanh và trụ ở bất thối chuyển”[166].

N hứt N iệm, theo Thân Loan là lòng tin một niệm, được giải thích theo hai chữ “thời khắc” cũng như “tín tướng”. Thời khắc được

giải thích như là một niệm theo ước tính thời gian. Hơn nữa, một niệm là ngay lúc đầu tiên tâm vừa khởi lên, tin tưởng, nghe nhận, không nghi ngờ về danh hiệu Bổn N guyện. Điều nầy cũng giống như trong “N hứt N iệm Đa N iệm Văn Ý”[167] định nghĩa rằng: “N hứt N iệm nghĩa là lòng tin lúc ấy không nghi ngờ”.

“Thời Khắc Bức Thiết” hoặc “Thời Giờ Có Hạn” nghĩa là biểu hiện ngay lúc đầu khởi lên tín phải ứng liền (N hứt Ứng), cũng chẳng phải là chỉ có thể. Chữ “thời” nghĩa là “thời giờ không có ranh giới”, lại cũng có nghĩa là “thời gian thật gấp”. Thật ra, chúng ta không thể tính toán chiều dài nầy và đó là biểu hiện của thời gian trôi qua nhanh, không thể rõ biết được. Hơn nữa, lòng tin một niệm không trải qua thời gian. Vì sao vậy? Vì nếu chính mình tự tạo nên niềm tin, thật mất thời gian để chờ đợi thành lập tín tâm, cho nên từ N hư Lai chở che niềm tin và chỉ chấp nhận hoàn thành. Do vậy, không cần trải qua thời gian thành lập tín tâm.

IV.4.7.2 Vĩnh Viễn Của Bây Giờ

N hư thế, lòng tin N hứt N iệm không trải qua thời gian, không thể đo lường thời giờ lâu hay mau được. Không đo lường về độ dài của thời gian nghĩa là thật gấp rút không thể có đối tượng và tính cách khách quan đối với một niệm được, đó là sắc mệnh của Bổn N guyện khi thọ nhận không tính toán về trạng huống có tính cách chủ thể, không quyết định khách quan. N ếu lòng tin N hứt N iệm gấp rút có tính cách đối tượng, hành giả cũng không nghe Bổn N guyện kịp. Đó chẳng phải là lòng tin N hứt N iệm sao?

Hơn nữa, Bổn N guyện của Phật A Di Đà bao gồm thời gian cả quá khứ, hiện tại và vị lai, cho nên lời thệ nguyện cứu độ tất cả chúng sanh, trải qua ba đời, thời gian vượt khỏi đo lường Bổn N guyện lâu dài, không để ý đến thời gian khi nghe biết và thọ nhận. Cũng có thể chỉ trong một tia sáng nhỏ thôi đầy đủ nguyên vẹn vô lượng thời gian.

N hư vậy, lòng tin được khai mở lúc ban đầu là lòng tin N hứt N iệm, mà khi vừa khởi lên, vượt qua khỏi thời gian, bao trùm cả thời gian lâu xa của tâm Phật. N hưng không phải trải qua thời gian

mê vọng, bị đóng khung bởi chấp trước của tâm con người mà được khai mở rõ biết lãnh vực Bổn N guyện ngay lúc ấy.

Đồng thời, lòng tin N hứt N iệm không phải chỉ đơn giản nói về thời gian, mà ngay bây giờ cho đến ngàn sau vĩnh viễn là thời gian. Lúc ấy những kẻ phàm phu ngu muội đầy phiền não, được N hư Lai dùng thứ lớp Bổn N guyện giữ nguyên, che chở, được vãng

sanh thành Phật, vào trong Chúng Hội, trụ ngôi Chánh Định Tụ. N ơi đó, vượt lên khỏi suy tính đo lường của con người, tâm vui mừng khai mở đón nhận Bổn N guyện quảng đại vô biên của thế giới ấy. Điều nầy được gọi là niềm vui của tâm bao trùm rộng lớn khó thể nghĩ bàn.

IV.4.7.3 Tín Tâm Không Hai

Hơn nữa, "Tín Văn Loại" giải thích giống như "Văn Bổn N guyện Thành Tựu" về nhứt niệm rằng: "N hứt niệm nghĩa là lòng tin không hai, chỉ một niệm". Thật ra, một niệm được giải thích niệm nghĩa là Tâm. N hứt niệm cũng có nghĩa là nhứt tâm, không có hai tâm, không có tâm nghi ngờ.

Ở đây, nhứt niệm được biết là Tâm không nghi ngờ về Bổn N guyện và giống như giải thích về tín tướng của tín nhứt niệm.

Trước đã nói về hành nhứt niệm. Một niệm là pháp tu niệm Phật và một hành được giải thích là chuyên tu hành tướng. Đó là cách giải thích phù hợp với phân tích về tín tướng, cụ thể Tín, Hành của Bổn N guyện, mà đã làm rõ qua Hành Tướng và Tín Tướng, như mọi người đã biết.

Hơn nữa, Bổn N guyện, thệ nguyện cho đến mười niệm xưng danh có nói về ba tâm: Chí Tâm, Tín N hạo và Dục Sanh. Ba tâm không gặp chỗ nghi ngờ về Tín Tưởng, N hứt Tâm và việc làm của mười niệm biểu hiện chuyên tu về N iệm Phật N hứt Hạnh của mình. Ở đây, rõ ràng Hành và Tín của Bổn N guyện là nhứt tâm, chuyên tu và chỉ làm có một việc, cũng là điểm đặc sắc, mà Thân Loan nơi "Hành Tín Luận" cho biết rõ ràng về Hành Tín của Bổn N guyện chính là một hành và một tâm không khác.

Theo giải thích về biến số (số nhiều) của hành nhứt niệm nói về một tiếng xưng danh có vô lượng công đức. Thực hành xưng danh hiệu N am Mô A Di Đà Phật biểu hiện công đức vô thượng. Điều nầy, giải thích về thời khắc của tin nhứt niệm gọi pháp nầy (danh hiệu Bổn N guyện) là lãnh thọ, không nghi ngờ và nhứt niệm tức thời. Pháp vô thượng thuộc thân, nhập vào Chánh Định Tụ. Vãng sanh thành Phật là biểu hiện quyết định vãng sanh, mà chúng ta rõ về Hành Pháp (Pháp) là tín thọ (căn cơ) thực hành sự N iệm Phật là Hành và Tin (Tín Tâm) là xác định rõ ràng liên hệ biến số của Hành N hứt N iệm và thời khắc của Tín N hứt N iệm.

IV.4.8 Lòng Tin Chân Thật

Chơn Tâm như Kim Cang, gọi là Tín Tâm chân thật. (Lược bớt phần giải thích theo lối Hán - N hật).

Bổn N guyện Chí Tâm, Tín N hạo và Dục Sanh dù danh từ thệ nguyện có khác; nhưng tất cả đều cùng chung một ý nghĩa. Điều nầy ở phần "Tam N hứt Vấn Đáp" đã biết rồi. Vì sao như vậy? Vì lẽ cả ba tâm ấy là tâm chân thật, không nghi ngờ. N hứt Tâm như Kim Cang phá vỡ vô minh, công đức làm cho Trí Tuệ kiên cố, gọi là Chơn Tâm Kim Cang. Chơn Tâm Kim Cang là Tín Tâm chân thật. (Tín Văn Loại - Thánh Điển – trang 245).

Giải thích: IV.4.8.1 Chí Tâm, Tín N hạo, Dục Sanh

Liên N hư cho rằng: “Dòng Thánh N hơn chỉ là một, lòng tin, theo khuyến hóa, là căn bản nhất”. Đặc biệt, đây là điều cốt yếu theo lời dạy về tín tâm của Thân Loan. N goài ra, trong “Giáo Hành Chứng Văn Loại” nói rõ về Tín Tâm và phần sau của “Tín Văn Loại” cũng có đề cập. Dù cho, Phật A Di Đà thành tựu pháp cứu độ cho vạn người, nhưng với ta không có tín thọ, việc cứu độ ta không được thành tựu. Thật không sai, lòng tin chính là sự khai phát tâm, nhưng nếu chúng ta không suy nghĩ đến pháp tu, dù cho Bổn N guyện Đại Bi Đại Trí tiếp dẫn vãng sanh Tịnh Độ của Phật A Di Đà thế nào đi nữa, cũng không ảnh hưởng và chẳng lợi ích gì. Thân Loan gọi điều này là hồi hướng Tín Tâm từ N hư Lai.

Trong nguyện thứ 18, Tín Tâm nguyện rằng: “Chí tâm tín nhạo, dục sanh ngã quốc..”[168]. Thân Loan cho rằng có ba loại tâm là Chí Tâm, Tín N hạo và Dục Sanh. Chí Tâm có nghĩa là tâm chân thật. Tín N hạo là tâm không nghi ngờ và Dục Sanh là tâm chờ đợi nhứt định muốn vãng sanh về Tịnh Độ. Thân Loan cho rằng ba Tâm ấy là việc hoàn thành của N hư Lai cho chúng ta, Tín Tâm ấy là năng lực Bổn N guyện Hồi Hướng. Hơn nữa Chí Tâm nghĩa là N hư Lai thành tựu Trí Tuệ công đức Chân Thật.

Dục Sanh nghĩa là Tâm Đại Từ, Đại Bi hồi hướng với cả một tấm lòng Từ Bi. Tín N hạo là công đức Trí Tuệ chân thật, mà dùng công đức nầy hồi hướng về Đại Bi, chính là Tâm quyết định của N hư Lai, không nghi ngờ cứu độ chúng sanh trong mười phương.

Ba Tâm ấy nghĩa là N hư Lai với Đại Trí Đại Bi “quyết định sẽ nhiếp thủ chúng sanh” mà nội dung chính là sắc mệnh kêu gọi chúng ta trở về.

Hơn nữa, nghe sắc mệnh về Bổn N guyện tiếp dẫn mà chúng ta không nghi “chắc chắn sẽ được nhiếp thủ”. Có niềm tin như vậy, N hư Lai thành tựu cả hai phương diện Trí Tuệ và Từ Bi. N hư vậy, ba Tâm tất nhiên được N hư Lai trợ giúp không gì khác. Chắc chắn rằng nghe và ngưỡng vọng sẽ được giúp đỡ, cho nên nhứt tâm tin tưởng vui mừng. Thế nhưng, chúng ta, những người phàm phu, nhờ Trí Tuệ và Từ Bi bổ sung công đức viên mãn, mà nhứt tâm vãng sanh thành Phật. Đây là chánh nhơn vãng sanh thành Phật.

IV.4.8.2 N hư Lai Thành Tựu Ba Tâm

Điều nầy, được giải thích tường tận trong “Tín Văn Loại” và “Tịnh Độ Văn Loại Tụ Sao”. những vấn đề N hứt Tâm, Ba Tâm được chứng minh và giải thích chỉ là một Tâm. Thật ra, “Bổn N guyện Ba Tâm” được phân tích và chứng minh rõ ràng chỉ là “Một Tâm” mà đó là nghĩa của “Pháp”.

N hư Lai giải thích về Pháp Ba Tâm, vì ta có Tâm hồi hướng cho nên thuật lại một cách rõ ràng: Khi nghe và lãnh thọ chúng ta không nghi ngờ và một lòng tin tưởng, không gì khác. Vấn đề ba

Tâm chính là Một xác lập nghĩa của Pháp và là chánh nhơn của Tín Tâm, về vãng sanh thành Phật.

Căn cứ vào đây, từ vô thỉ đến nay, chúng ta bị phiền não và vọng niệm trói buộc cho nên không thể cảm nhận lãnh vực giác ngộ thanh tịnh, Tịnh Độ, Từ Bi Trí Tuệ. N gay cả, lòng tin thanh tịnh cũng chưa thể khởi lên và không sao khởi lên trong ta cho nên nói rằng: “Kể từ vô thỉ đến nay, tất cả loài quần sanh không có tâm thanh tịnh và sống trong nhiễm ô xấu ác, chẳng có Tâm Chân thật, mà toàn là hư giả tà ngụy”[169]. N hư Lai cho thấy tiếp xúc chân thật đầu tiên là lời cảnh tỉnh nghiêm khắc đối với nội tâm của con người. Tịnh Độ được đo bằng niềm tin, chắc chắn không khởi lên bằng sự phê phán, mà Thân Loan đã nói như thế.

N hư Lai lo lắng cho chúng ta, những kẻ phàm phu đầy phiền não, nguyện thay thế tất cả chúng sanh tích chứa công đức tu hành trong vô lượng kiếp, hoàn thành Ba Tâm Thanh Tịnh Chân Thật, đấy là nhơn vãng sanh thành Phật cho chúng ta. N hờ chí tâm vào công đức trí tuệ mà chứng ngộ chân như thanh tịnh. Vì lòng Đại Bi đối với tất cả chúng sanh, Bồ Tát mong muốn đạt được công đức Từ Bi hồi hướng về Phật. Phật trang trải tâm Từ Bi và Trí Tuệ cứu độ tất cả chúng sanh. Song chúng sanh chắc chắn phải Tín N hạo, phải có tâm quyết định, không nghi. Ba Tâm sẽ “quyết định nhiếp thủ chúng sanh”, mà N hứt Tâm Tín N hạo được thành tựu. Đây chính là nghĩa công đức, khi niệm danh hiệu N am Mô A Di Đà Phật.

IV.4.8.3 Ba Tâm Tức Một Tâm

N hư Lai hoàn thành Ba Tâm như thế cho chúng ta thấy không phải ba Tâm khởi lên cứu những kẻ phàm phu phiền não hoàn thành Bổn N guyện, mà Ba Tâm N hư Lai hòan thành cũng chính là Ba Tâm chúng sanh hoàn thành. Hơn nữa ba Tâm N hư Lai chỉ cần ba Tâm chúng sanh nương câu niệm danh hiệu N am Mô A Di Đà Phật chắc chắn sẽ được nhiếp thủ[170]. Tín tâm, tâm không nghi ngờ khi nghe và thọ nhận sắc mệnh đại bi mời gọi, chắc chắn nhiếp thủ khiến cho chúng sanh được Tín N hạo. N hư Lai hoàn thành Ba Tâm, trong đó N hứt Tâm Tín N hạo là Một Tâm.

Với Ba Tâm của Bổn N guyện, trong đó Tín N hạo là Một Tâm vừa dùng để nhiếp thủ vừa biểu hiện đạo lý của Ba Tâm tức Một Tâm. Ở đây giải thích pháp nầy rất rõ ràng chánh nhơn Tín Tâm và năng lực Bổn N guyện che chở Tín N hạo N hứt Tâm để vãng sanh thành Phật. Đó là nhơn thêm vào công đức Đại Bi và Đại Trí. Đây cũng là lối giải thích thật tuyệt vời và rõ ràng về niềm tin nội tại của năng lực Bổn N guyện Hồi Hướng.

IV.4.9 Hai Loại Tin Sâu

Chính ta trong hiện tại là phàm phu tạo nhiều tội chướng trong sanh tử từ nhiều kiếp trước, bị đắm chìm trôi lăn trong đó, chưa có nhân duyên ra khỏi. (Lược bớt phần giải thích theo lối Hán - N hật).

Có hai loại Tin Sâu, mà tin Sâu nghĩa là niềm tin tha thiết của tâm đó là:

Thứ nhất, tự biết mình là phàm phu, phạm trọng tội, hoặc đang thọ nhận kết quả của quá khứ mê muội chìm đắm trong biển khổ, trôi lăn trong kiếp luân hồi. Bây giờ có lòng tin tha thiết, mong mỏi nhất định lìa bỏ và vượt qua dòng sanh tử nhưng không có ai tiếp tay giúp đở.

Thứ hai, tin, không nghi và không cong quẹo Bổn N guyện mà Phật A Di Đà đã phát khởi 48 lời nguyện cứu độ chúng sanh, sẽ được thâu nhiếp. Cũng tin một cách chắn chắn vào năng lực Bổn N guyện và giao hẳn cho N gài, đương nhiên sẽ được vãng sanh. (Tín Văn Loại - Thánh Điển – trang 217).

Giải thích: IV.4.9.1 N ội Dung Của Tâm Tin Sâu

Theo Quán Kinh, Tịnh Độ chính là nơi biểu hiện Ba Tâm của người muốn nguyện vãng sanh đó là: Tâm Chí Thành, Tâm Tin Sâu và Tâm Phát N guyện Hồi Hướng. Thiện Đạo cũng giải thích một cách tường tận và rành mạch trong các kinh "Quán Kinh Sớ", "Tán Thiện N ghĩa" và "Vãng Sanh Lễ Tán", trong đó giải thích rõ ràng tâm tin sâu, được xem như là pháp của Thiện Đạo.

Trước tiên, nên hiểu Thâm Tâm nghĩa là gì? Đó không phải là Tâm sâu, mà là người có tâm tin tha thiết. Chính mình tin, không nghi ngờ và biết rõ Bổn N guyện cứu độ của Phật A Di Đà. N hững ai tin tha thiết sự tồn tại của chính mình, pháp cứu độ của Phật, chắc chắn được khai ngộ.

N hưng trước tiên phải hiểu và tin vào hai vấn đề đó là nhân duyên và Phật pháp. Thâm tín không phải hai loại tín ấy, mà bên trong tín tâm bao gồm cả hai loại, mở bày và làm cho ta sáng tỏ.

N gài Thiện Đạo, Pháp N hiên và Thân Loan trong sự truyền thừa, từng vị một có tín tâm Tịnh Độ Chơn Tông và trình bày rốt ráo hai loại Tin Sâu nầy.

Căn cứ "N gu N gốc Sao", nói về hai loại thâm tín như vầy "Bấy giờ, tin sâu là tha lực vĩ đại của Tâm Kim Cang sẽ trở thành biển N hứt Thừa Vô Thượng của lòng tin chân thật"[171]. Ở đây, có thể biết thêm rằng: "N hư bây giờ tường thuật về hai loại tin sâu được N hư Lai che chở tín tâm kiên cố như Kim Cang, đây là Pháp duy nhứt vô nhị[172] tối cao, thực hiện cho ta thấy như bên trên, mang nội dung rộng rãi như biển cả, biểu hiện cho những người có tín tâm chân thật.

IV.4.9.2 Hai Loại Tin Sâu

Thứ nhứt, niềm tin vào cơ duyên. Tự mình biết mình những kẻ phàm phu đầy dẫy phiền não, tội chướng sâu dày, chính mình mong muốn thoát khỏi sanh tử. Dù niềm tin quyết định nhưng nếu không có sự giúp đỡ của bất cứ một cánh tay nào, tự mình không làm được, niềm tin ấy hoàn toàn đo lường chính mình. Thứ hai, niềm tin Phật pháp. Tin chắc vào năng lực Bổn N guyện của Phật A Di Đà, những tội chướng của phàm phu như chúng ta sẽ được cứu độ, đương nhiên được vãng sanh Tịnh Độ, đem tất cả những phiền não của tự thân giao phó cho năng lực Bổn N guyện ấy.

Ở đây, tự mình hướng về giác ngộ, nhưng biết rõ khả năng không đủ, mình là phàm phu, có đầy dẫy phiền não, không làm gì được với sức lực yếu kém của con người, rất cần đến năng lực cứu độ

của Bổn N guyện. Chúng ta, những người đang sống trong cơn mê muội, không sao biết hết tự thân, dĩ nhiên càng không biết được Tâm của N hư Lai. Chính không biết rõ

mình và cũng không rõ biết N hư Lai, chỉ lo việc vào ra thế giới hỗn loạn hoang dã, cho nên hướng về kêu cầu “cứu độ những kẻ phàm phu phiền não”. Trước tiên, nghe bổn nguyện, nhận được Chơn Tướng ngay trong lòng, tiếp nhận Pháp Chơn Tướng cho nên chư Tổ xưa từng nói: “Cơ duyên được Trí Tuệ Phật chiếu sáng, các pháp sẽ tỏ tường”.

Trong “Vãng Sanh Lễ Tán”, Thiện Đạo nói rõ về hai loại tin sâu đó là: Chơn Tướng của tự thân, Chơn Tướng của Bổn N guyện, điều căn bản của Tín, Tri, mà Tín, Tri có nghĩa là không thể dùng tri thức của chính mình biết được, nhưng đó chính là nghe và quy ngưỡng N hư Lai, chắc chắn được tiếp nhận, đây là cái gốc của Tín Tri.

IV.4.9.3 Hai Loại Một Thứ Của Sự Tin Sâu

Không phải do ta suy nghĩ mà có hai loại tín tâm sâu xa, nhưng trước sau, cả hai Tâm không khởi lên riêng biệt. Khi nghe “cứu độ những kẻ phàm phu đầy phiền não”, không có tâm nghi ngờ về sắc mệnh Bổn N guyện mời gọi, mà chỉ một lòng tin sẵn sàng khai mở, chính là Tín Tâm Bổn N guyện, “tin sâu hai mà một”[173] rõ ràng như thế! Thật là khó nghĩ bàn, một khi tín tâm về Bổn N guyện tha lực được khai mở, dù cho đang đầy phiền não nhưng vẫn được cứu độ như thường, đó chính là hai loại pháp cơ bản, cũng gọi là hai loại tin sâu, nhờ niềm tin, tự lực nương vào tha lực, chỉ bày rất rõ ràng.

IV.4.10 Sự Chứng Quả Chân Thật

Hiển lộ chứng quả Chân thật, viên mãn quả vị lợi tha, chứng đạt quả vị tối cao của N iết Bàn Vô Thượng. (Lược bớt phần giải thích theo lối Hán - N hật).

Tiếp theo, nói về chứng quả chân thật. N hờ tha lực của N hư Lai, chứng đắc quả Diệu Giác (Phật Đà), giác ngộ Phật quả, nhập cảnh giới N iết Bàn tối cao. Hơn nữa, đây là nguyện thứ 11 hồi hướng chứng quả N iết bàn. (Chứng Văn Loại - Thánh Điển – trang 307).

Giải thích: IV.4.10.1 Vãng Sanh Có Tính Cách Chung Chung

Theo giải thích kinh điển Đại Thừa, vãng sanh thông thường là xả bỏ uế độ, sanh về Tịnh Độ của Phật A Di Đà. Còn Thiên Thai Tông, Tam Luận Tông và Chơn N gôn Tông, cũng nói nhiều về vãng sanh Tịnh Độ của Phật A Di Đà, nhưng đa phần tin cõi Tịnh Độ của Phật A Di Đà là nơi có thọ mệnh lâu dài, một thế giới có môi trường dễ tu, nơi đó người tu hành không gặp chướng ngại ác duyên, thường nghe Phật A Di Đà thuyết pháp, được Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Đại Thế Chí cùng với những vị Bồ Tát khác hướng dẫn. N ói chung tin rằng khi tu hành Phật đạo, gặp những ác duyên, muốn xả bỏ những điều không thích hợp ở thế giới Ta Bà, vãng sanh Tịnh Độ, nơi ấy thực hành tu học đúng phương pháp, chắc chắn sẽ thành Phật. Trường hợp nầy ý nghĩa của việc tu hành nghĩa là chuyển đổi nơi chốn mà nguyện vãng sanh.

IV.4.10.2 Vãng Sanh Khó N ghĩ Bàn

Ở đây, theo Thân Loan, Tịnh Độ Chơn Tông không phải là nơi chốn tu hành một cách đơn giản, mà là cảnh giới của Chư Phật, cảnh giới hoàn toàn giác ngộ của Đại N iết Bàn.

Vãng sanh Tịnh Độ nghĩa là tất cả phiền não hoàn toàn tiêu diệt, thực hiện ngộ nhập N iết Bàn. Phải biết rằng giữa người vãng sanh và Phật A Di Đà có vị trí giống nhau không khác. Thông thường gọi thuyết: “vãng sanh thành Phật”[174].

Môn hạ của Pháp N hiên đặc biệt rất lưu tâm về bổn nguyện tha lực, trong đó Thân Loan cũng có ảnh hưởng rất nhiều của chư vị tiền bối như: Kosai[175], Ryukan[176] cho rằng vãng sanh Tịnh Độ, Vô Lậu Trí Tuệ được khai mở, phiền não đoạn diệt, trở thành một phần của Chân N hư Pháp Tánh. Thành Phật chắc chắn đầu tiên ở vào Sơ Địa[177], trở thành Bồ Tát không có gì khác với việc trực tiếp vãng sanh, hoàn toàn giác ngộ, tiến lên quả vị Phật Đà ngay, mà theo Thân Loan, đây là thuyết “Vãng Sanh Thành Phật”. Thật ra, lời dạy nầy bàng bạc trong tai, mà với Thân Loan vãng sanh thành Phật còn gọi là “Vãng sanh khó nghĩ bàn”, phân biệt với những quan niệm vãng sanh lâu nay.

N hờ vào công đức N hư Lai, tất cả chư Phật đều hồi hướng đến chúng sanh, tiếp dẫn vãng sanh thành Phật, gọi là niềm tin N hân Đức. Còn Quả Đức chính là biểu hiện việc vãng sanh. Thật khó có thể tư lương, vì vãng sanh khó nghĩ bàn vượt lên trên tất cả quả báo bất khả tư nghì. Không có hai với N hơn ấy sanh làm Phật và không có hai với quả ấy cũng chính là sanh làm Phật.

Vãng sanh được biểu lộ, đầu tiên trong “Chứng Văn Loại”, gọi là chứng Phật quả chân thật và cứu cánh. Chứng quả chân thật gọi là viên mãn quả vị lợi tha, quả vị Vô Thượng N iết Bàn tối cao.

Chứng quả chân thật nghĩa là từ năng lực bổn nguyện của N hư Lai, ta chứng được quả Diệu Giác[178], đồng với Phật quả. Hoàn toàn dứt sạch phiền não, chứng đắc Phật quả, giác ngộ rốt ráo, chứng nhập cảnh giới N iết Bàn tối cao. Đây chính là Chánh Định Tụ khi diệt độ, phù hợp với lời nguyện thứ 11, quả đức hồi hướng Đại N iết Bàn.

IV.4.10.3 Bồ Tát N hứt Sanh Bổ Xứ

Thân Loan cho rằng vãng sanh về chân thật báo độ, có thể thành Phật. Thứ nhất, nhân thành Phật là tín tâm của hành giả cộng với công đức Từ Bi Trí Tuệ của Phật. Căn cứ vào “Tín Văn Loại”, Tín tâm của hành giả trong đời nầy quyết định thành Phật và trụ ngôi Chánh Định Tụ, một phần của bậc Thánh, giống như công đức của Bồ Tát Di Lặc.

Khi lâm chung, chúng sanh niệm Phật thuộc loại Hoành Siêu[179] có tâm Kim Cang sẽ siêu chứng Đại Bát N iết Bàn cũng giống như Đại sĩ Di Lặc có tâm Kim Cang, ở bậc Đẳng Giác, sẽ ra đời vào Tam hội Long Hoa, trụ ngôi vị Vô Thượng Giác.[180].

Bồ Tát Di Lặc là vị Phật kế tục Thế Tôn. Từ nhiều kiếp lâu xa, Bồ Tát tích phước tu hành, đoạn trừ phiền não, chỉ còn sót lại một ít vô minh căn bản, nhưng thật ra công đức ấy hầu như giống N hư Lai, bởi vì Bồ Tát ở ngôi vị Đẳng Giác tối cao, hiện tại đang ở cõi trời Đâu Suất, đang chờ giáng trần, chỉ còn khoảng năm mươi ức, bảy ngàn vạn năm[181] nữa, N gài sẽ xuất hiện ở thế gian nầy. Khi

Tâm Kim Cang khởi lên dứt trừ những vô minh còn sót lại, thành tựu giác ngộ, thành Phật Di Lặc. Dưới gốc cây Long Hoa, N gài chuyển pháp luân ba lần để độ tất cả chúng

sanh. N hư vậy, chỉ còn một đời nữa thôi, Bồ Tát Di Lặc quyết định ngồi chỗ Phật đã ngồi[182] cho nên N gài được gọi là Bồ Tát N hứt Sanh Bổ Xứ.

Bởi vì khi mạng chung, chúng sanh niệm Phật tiếp nhận được công đức Trí Tuệ N hư Lai, cùng với niềm tin Kim Cang, chỉ cần một niệm chân thật vãng sanh Báo Độ, giống như địa vị của Bồ Tát Di Lặc N hứt Sanh Bổ Xứ, cuối cùng giác ngộ nhập Đại N iết Bàn, nhứt định sẽ thành Phật giống như Đức Phật A Di Đà. N hư thế, xong đời nầy, hoàn thành giác ngộ thành Phật.

Theo Đại Kinh, những chúng sanh niệm Phật giống như Đức Di Lặc. Đây cũng là thuyết nổi tiếng của Thân Loan về "Tiện Đồng Di Lặc"[183].

Dù cho, kẻ phàm phu có đầy phiền não, nhưng có tín tâm chân thật có thể đoạn trừ cội rễ vô minh, dùng Trí Tuệ Kim Cang dứt trừ phiền não, gọi là Bồ Tát ở ngôi vị N hứt Sanh Bổ Xứ như Bồ Tát Di Lặc, gọi là vãng sanh thành Phật.

IV.4.10.4 Sự Vãng Sanh Cùng Một Thể Với Sự Vãng Sanh Chánh Giác

Thứ hai, những hành giả có tín tâm niệm Phật vãng sanh Chân thật Báo Độ, chứng ngộ Đại N iết Bàn của Phật A Di Đà, cảnh Chân Thật Báo Độ, như thệ nguyện của Bồ Tát Pháp Tạng rằng: "N ếu chúng sanh không được vãng sanh, Ta sẽ không ở ngôi Chánh Giác". N gôi Chánh Giác của N hư Lai và thành tựu vãng sanh của chúng sanh là "N hứt Thể Bất N hị"[184]. N ói khác, tín tâm của hành giả được vãng sanh cõi Chánh Giác của Phật. Ở đây, theo quan điểm căn bản về Tịnh Độ, Thân Loan cho rằng kẻ cứu độ và người được cứu độ là chúng sanh vượt khỏi phân biệt, thành tựu một thế giới Tịnh Độ "Sanh Phật N hứt N hư"[185].

Mà bản thể Tịnh Độ của A Di Đà N hư Lai là Tịnh Độ N hứt N hư, khỏi giới hạn phân biệt của N hị N guyên, hiện rõ Vô Phân Biệt Trí, vượt qua căn bản sanh tử ta, người, lìa thương, ghét, thậm chí

không phân biệt Phật và chúng sanh, thể nhập cảnh giới vạn vật đồng nhất thể. N ếu vãng sanh về cảnh giới Vạn Pháp N hứt N hư như thế, dẫu nói là vãng, hay không vãng đi nữa, không sanh đi nữa, phải nói rằng chúng ta cần có tính cách thực thể về vãng cũng như sanh kia. Chính vì lo lắng vãng hay sanh, cho nên chúng ta lìa hư vọng phân biệt, mà đây chính là giáo thuyết Đại Bi.

IV.4.10.5 N hư Sanh Từ Lai

N hứt N hư chính là thị hiện cảnh giới tối cao của A Di Đà N hư Lai. Trong "Chứng Văn Loại" Thân Loan nêu lên chín loại N iết Bàn khác nhau như:

1. Diệt Độ,
2. Thường Lạc,
3. Cứu Cánh Tịch Diệt,
4. Vô Thượng N iết Bàn,
5. Vô Vi Pháp Thân,
6. Thật Tướng,

7. Pháp Tánh,

8. Chân N hư,

9. N hứt N hư.

N ói khác, Đức A Di Đà N hư Lai từ "N hư" sanh ra và "Lai" bao gồm các thân thị hiện: Pháp thân, Báo thân và Ứng Hóa thân. Đây chính là sự giải thích về A Di Đà N hư Lai vượt lên khỏi tất cả những hạn định mê hoặc của con người, đạt đến thế giới N hứt N hư, rồi N hư Lai dùng phương tiện thị hiện Pháp Thân, mà trường hợp nầy được gọi "N hư" từ "Lai" sanh của Phật A Di Đà, chính tự Phật A Di Đà thị hiện lãnh vực N hứt N hư, tiếp dẫn chúng ta vãng sanh, cuối cùng thành Phật, được gọi đây là Sanh Phật N hứt N hư.

IV.4.10.6 Sự N hiếp Hóa Của Hoàn Tướng

Trí Vô Phân Biệt khai mở đạt đến cảnh giới Vạn Vật N hứt N hư cho nên nếu sự vãng sanh đồng nghĩa với giác ngộ của Phật A Di Đà, thì kẻ vãng sanh thành Phật, biểu hiện hoạt động của Đức A Di Đà. Từ N hứt N hư có tính cách tất nhiên ấy. Vì chúng sanh mê mờ cần cứu độ, mặc dầu Phật ở Tịnh Độ; nhưng biến hiện trong mười

phương thế giới, trang trải tâm đại từ đại bi cứu độ chúng sanh, gọi là Hoàn Tướng, mà Thân Loan giải thích rõ ràng ở nửa phần sau của cuốn "Chứng Văn Loại". Hoàn Tướng nghĩa là đem quả vị đã chứng đắc trang trải cho mọi người. Đây chính là nội dung của sự chứng quả chân thật ấy.

N hư vậy, theo Thân Loan, Hoàn Tướng là những hành giả đã vãng sanh và giác ngộ thành Phật, nhưng tiếp tục thị hiện công đức tự lợi và lợi tha của chư vị Bồ Tát, như trong phNm Phổ Môn, Bồ Tát Quan Thế Âm Bồ Tát, thuộc kinh Pháp Hoa cho biết Bồ Tát Quan Thế Âm thiên biến vạn hóa giáo hóa chúng sanh. Phổ Môn thị hiện vừa là ví dụ có tính cách cụ thể, vừa là vì cứu độ chúng sanh phải biến hóa ứng hợp với chúng sanh và dùng mọi phương cách để cứu độ.

Với chúng ta, Phật A Di Đà thị hiện là Phật Thích Ca trước tiên, sau đó thị hiện bảy vị cao tăng đó là: Long Thọ, Thế Thân, Đàm Loan, Đạo Xước, Thiện Đạo, N guyên Tín, Pháp N hiên, mà theo Thân Loan và Liên N hư, đó chính là những Hoàn Tướng, Bồ Tát hóa độ đang giáo huấn chúng sanh niệm Phật. N ói khác, chúng ta gặp Phật-pháp, tin tưởng vào Bổn N guyện và hành trì pháp môn niệm Phật gọi là Vãng Tướng. Tuy nhiên, đồng thời có vô số Bồ Tát vì lòng Đại Bi, trở lại thế giới nầy gọi là Hoàn Tướng. N gay cả, chúng ta và mọi người, thậm chí các loài động vật cũng không thể nói dứt khoát là không phải Hóa Thân của Chư Bồ Tát thuộc Hoàn Tướng. Chúng ta thường không để ý thôi, thật ra vẫn nghe được lời giáo hóa của chư Bồ Tát Hoàn Tướng chỉ dạy chúng ta N iệm Phật, giáo dục cho thân tâm chúng ta.

IV.4.11 Chuyển N hập Tam N guyện

Ra khỏi Phương Tiện chơn môn, thể nhập vào sự tuyển chọn của N guyện Hải, mau lìa được Tâm Vãng Sanh khó nghĩ bàn, mong muốn nối theo N an Tư N ghì Vãng Sanh. (Lược bớt phần giải thích theo lối Hán - N hật).

Theo cách hiểu ngu ngốc của Thân Loan, giải thích của Thiên Thân, Thiện Đạo và có nhiều vị Tổ Sư cho rằng tu hành làm các việc thiện, viên tịch dưới gốc cây Song Thọ gọi là Phương Tiện

Hóa Độ Vãng Sanh, hoàn toàn khác xa giáo huấn phương tiện là nhờ tích chứa công đức N iệm Phật vãng sanh vào Chơn Môn. Tự mình niệm Phật cũng chưa đủ, phải nương nhờ công đức tha lực, gọi là N an Tư Vãng Sanh, cho nên khởi tâm nguyện vãng sanh theo phương tiện hóa độ.

Ý nghĩa chân thật của Phật, hướng dẫn vãng sanh là hoàn toàn ra khỏi pháp môn phương tiện Chơn Môn, thể nhập Bổn N guyện quảng đại vô biên. Tuyển chọn thế giới khỏi mọi tự lực tính toán, nguyện vãng sanh theo phương tiện hóa độ, vãng sanh về cõi chân thật Báo Độ, chờ đợi vãng sanh thành Phật, gọi là N an Tư N ghì Vãng Sanh. Đó là nguyện thứ 20 đã phát và là nguyên nhân thâm sâu vậy. (Hóa Thân Độ Văn Loại - Thánh Điển – trang 412).

Giải thích: IV.4.11.1Lịch Trình Cầu Đạo

Theo truyền thuyết được tường thuật, hai mươi năm Thân Loan tu hành nghiêm mật tại Tỷ Duệ Sơn từ lúc xuất gia năm chín tuổi cho đến năm hai mươi tuổi chúng ta thấy sự tuân thủ giới luật, tịnh hóa phiền não, tu hành theo Thánh Đạo Môn, nhằm đạt ngộ Trí Tuệ đến chỗ N hứt N hư của N gài. Thời gian ở tăng đường trong Tam Muội Đường, là lúc N gài niệm Phật không ngớt, giữ gìn giới luật hay cũng có thể nghĩ rằng đó là việc phải làm mà hành giả muốn vãng sanh Tịnh Độ theo lời nguyện thứ 19. Công đức tu hành niệm Phật không gián đoạn đó là muốn sanh về cõi Tịnh Độ. Theo lời nguyện thứ 19, người phát Bồ Đề Tâm, nguyện vãng sanh Tịnh Độ, cần tích chứa công đức, khi lâm chung được Phật A Di Đà tiếp dẫn, bởi vì N gài có lời thệ nguyện tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh Tịnh Độ. Thân Loan cho rằng đó là vãng sanh bằng tự lực chính mình thực hành muôn hạnh. Điều cần yếu ở đây, tư duy về vãng sanh theo phương tiện hóa độ như Phật viên tịch dưới gốc cây Song Thọ.

Thật ra, chín mươi ngày đêm thực hành pháp “Thường Hành Tam Muội” không chớp mắt là một trong những pháp tu quan trọng lấy Phật A Di Đà làm Bổn Tôn, xưng danh hiệu N gài liên tục trong đạo tràng hành trì của Thiên Thai Tông, đó là thời gian khổ luyện của hành giả tịnh hóa tội chướng cũng là lúc thập phương Chư

Phật ảnh hiện cho biết vấn đề vãng sanh thành Phật của hành giả. Hẳn nhiên, hành giả song song với việc xưng danh còn thực hiện pháp quán Phật nữa, đó chính là một trong những hạnh tự lực, Thân Loan thực hiện nguyện thứ 19, mong được vãng sanh. Dù cho pháp hành ấy thành tựu, N hư Lai vẫn chỉ là vị hóa Phật và vãng sanh cũng chỉ là phương tiện hóa độ mà thôi.

Mãi năm 29 tuổi, Thân Loan cũng chưa biết rõ điều ấy, chỉ toàn dốc lực của mình tu hành, song lúc gặp Pháp N hiên được nghe được pháp môn chuyên tu niệm Phật, tin vào Chánh Định nghiệp, hành trì pháp nhất hạnh xưng danh hiệu. Thế nhưng, “Huệ Tín N i Tiêu Tức” thì cho rằng “trong 100 ngày có thiên cơ giáng xuống soi sáng, trở thành những việc quan trọng…”[186]. Ở đây, phải thấy điểm chính là khoảng khắc 100

ngày ấy N gài quyết định chuyên tu niệm Phật, tha thiết nghe Pháp, nương công đức niệm Phật, đồng thời không hoàn toàn lìa bỏ tự lực, cho nên từ đó N gài dừng lại tư duy tự lực N iệm Phật.

Thật ra, đó là công đức thù thắng của việc N iệm Phật N hất Hạnh, N gài chuyên niệm không chỉ khi tâm an lạc, mà ngay cả khi tâm không an, luôn nghĩ đến việc cứu độ, thậm chí đã tuyệt vọng, mà vẫn cứ N iệm Phật tới lui. N gài bỏ những tạp hạnh của chính mình, với tâm quyết liệt khẳng định dù thiện hay ác, dù được hay không vẫn cứu độ, vì khi ấy trạng thái tự lực vẫn còn sót lại. N iệm Phật là căn bản của việc lành, khi xưng danh hiệu, tin rằng nhờ các pháp hành ấy mà có công đức. N hờ tích chứa công đức xưng danh cho nên được vãng sanh, cũng chính là Chơn Tâm và Hồi Hướng Vãng Sanh, theo nguyện thứ 20 về việc N iệm Phật, Thân Loan gọi là Chơn Môn. Còn N an Tư N ghì Vãng Sanh gọi là nhơn của Phương Tiện Hóa Độ.

IV.4.11.2 Trở Về Bổn N guyện

“Giáo Hành Chứng Văn Loại” chép rằng: “Chỉ có kẻ ngu ngốc như Thân Loan nầy vào năm Tân Dậu niên hiệu Kiến N hân đã bỏ những tạp hạnh, trở về với Bổn N guyện”[187]. Từ bỏ tự lực nhỏ bé của mình, giao thân mệnh nầy cho tha lực để mong đạt được cảnh giới tín tâm chân thật. Bỏ các tạp hạnh trở về với Bổn N guyện chính ám chỉ lời nguyện thứ 18 vậy. “Giáo Hành Chứng

Văn Loại” gọi trường hợp nầy là “Bổn N guyện”, lúc nào cũng dùng chỉ cho lời nguyện thứ 18 nầy. Thông thường, ngược lại của tạp hạnh là chánh hạnh, phải chăng đây là lìa bỏ tạp hạnh, trở về chánh hạnh? Đây chỉ là việc trở về pháp niệm Phật, cho nên nói rằng: “Trở về lại Bổn N guyện”. Trở về với niệm Phật nghĩa là quyết định lựa chọn nguyện thứ 18, niệm Phật được Chánh Định N ghiệp. Hơn nữa, chọn Bổn N guyện để thể nhập, không còn nghi ngờ gì nữa, đó là Phật ý. Ở đây, phải hiểu rằng việc nầy biểu hiện tính chất giao phó bổn mạng nầy vào Bổn N guyện tha lực.

Đến năm Kiến N hân nguyên niên[188] N gài đúng 29 tuổi, xả bỏ tất cả những niềm tin và pháp tu thuộc tự lực chuyển nhập vào pháp môn tha lực của lời nguyện thứ 18[189] nầy.

IV.4.11.3 Cáo Bạch về Sự Chuyển N hập của 3 N guyện

Thân Loan là con người như thế, từ Thánh Đạo Môn qua lời nguyện thứ 19 (Yếu Môn) tiến tới lời nguyện thứ 20 (Chơn Môn) cuối cùng suy nghĩ chuyển lại lời nguyện thứ 18 (Hoằng N guyện). N hư được biết, việc chuyển đổi Ba N guyện như sau: “Đã từ lâu, xem các thiện hạnh ấy là giả môn, phải vượt khỏi và hoàn thành, lìa sự vãng sanh dưới gốc cây Song Thọ”. Đây chính là biểu hiện lìa khỏi lập trường Yếu Môn của lời nguyện thứ 19. Còn lập trường của Thánh Đạo Môn là khuyên tu các hạnh lành, mà ở đây nói phải lìa khỏi.

Tiếp theo cho rằng: “Trở lại thể nhập vào gốc thiện và gốc công đức, phát khởi tâm N an Tư Vãng Sanh cho mọi người”. Rời khỏi Yếu Môn, biểu hiện hội nhập vào lập trường của Chơn Môn là nguyện thứ 20. Thiện Bổn và Đức Bổn có nghĩa là tất cả công đức căn

bản của việc xưng danh niệm Phật. Đặc biệt, việc xưng danh ấy tích chứa công đức biểu hiện qua ngôn ngữ của tha lực niệm Phật, như ta đã thấy qua sự lý giải của Thân Loan rằng: “Bây giờ, hãy rời khỏi phương tiện Chơn Môn, chuyển nhập vào N guyện Hải Tuyển Chọn. Hãy mau lìa khỏi N an Tư Vãng Sanh, nếu muốn tiến đến N an Tư N ghì Vãng Sanh, phải theo kết quả của lời nguyện. N goài ra, không còn lý do nào khác nữa”. Bây giờ, chính là lúc mà ngay cả tự lực cũng phải xa rời, chuyển nhập vào pháp môn của lời nguyện thứ 18, mà lời nguyện thứ 20 chỉ cho ta thấy về phương

tiện bày ra đó. Rồi nguyện thứ 18 chính là bóng mát vô cùng hoan hỷ về nhiếp hóa kỳ diệu được Phật A Di Đà hướng dẫn.

IV.4.11.4 Rõ Biết Ân Phật

N hư thế, cuối cùng kết quả rằng: “N hập N guyện Hải, liễu tri ân Phật sâu xa, thệ báo đền ân đức cao cả, tạo những căn bản cho Chơn Tông, thường hoan hỷ xưng niệm công đức như biển Bất Khả Tư N ghì của Phật, chẳng bao lâu đến chỗ tối cao”, biết như vậy nhờ lòng tôn trọng Bổn N guyện, nhờ nhận được tha lực tiếp sức mà phát sanh Bổn N guyện rộng rãi vô biên. Thật khó lường ân đức sâu xa, quyết định báo ân, biểu hiện tâm thanh khiết đối với Tịnh Độ Chơn Tông. Thân Loan nhặt tất cả những lời giải thích quan trọng đó đây trong kinh biên tập thành “Giáo Hành Chứng Văn Loại” để cảm niệm công đức Phật dành cho người niệm Phật rộng sâu như biển cả. N gài hoan hỷ tán thán cảm niệm và thừa nhận lời Phật dạy.

N hư vậy, thông qua việc chuyển đổi tự thân, Thân Loan liễu đạt Bổn N guyện Tha Lực. Trong 48 lời nguyện, không phải chỉ có nguyện thứ 18, mà lời nguyện thứ 19, lời nguyện thứ 20 là những pháp môn thệ nguyện tự lực, được tâm nguyện của Phật A Di Đà gia bị, mà “Giáo Hành Chứng Văn Loại” đặc biệt “Hóa Thân Độ Văn Loại” tường thuật và nêu rõ những lý do ấy.

Hơn nữa, Thân Loan thể nhập nguyện thứ 18 là lúc N gài đúng 29 tuổi. Sự kiện nầy được xem như niềm tin tha thiết, mà mọi người trải qua thời gian dài kinh nghiệm và tư duy mới chấp nhận. Do vậy, thật rõ ràng đây là thể loại của ba nguyện chơn, giả, trung, mà nội dung là lời nguyện thứ 18, nguyện thứ 19 và nguyện thứ 20. Tóm lại “Giáo Hành Chứng Văn Loại” được trước tác và bình giải lúc N gài 50 tuổi, không xa thời gian chuyển đổi ấy lắm.

IV.4.12 Vui Mừng Khi Gặp Pháp

N hững gì muốn gặp nay đã gặp, những gì muốn nghe nay đã được nghe. (Lược bớt phần giải thích theo lối Hán - N hật).

Đầu tiên, tôi[190]tiếp xúc Thánh Điển nguyên bản từ Tây Vức, Ấn Độ, sau đó các tác phNm chú giải của những bậc Tổ Sư Trung Quốc, N hật Bản, bây giờ gặp được những điều muốn gặp và nghe được những việc muốn nghe, tâm rất hoan hỷ vui mừng, tôn kính và tin tưởng pháp tu Tịnh Độ Chơn Tông qua lời dạy Giáo, Hạnh, Chứng, xin hồi hướng lên N hư Lai. Phải nói rằng nhờ ân đức N hư Lai soi sáng, được tu học, rất vui mừng được nghe pháp, tự thân rộng mở, trân trọng ân Pháp và xin tán thán. Do vậy

soạn ra “Giáo Hành Chứng Văn Loại” nầy. (Phần Đầu - Thánh Điển – trang 132).

Giải thích: IV.4.12.1 Mừng Thay

Chữ “Khánh Tai”! bắt đầu ở trong “Giáo Hành Chứng Văn Loại" nghĩa là mừng thay! Tiếp theo, những giòng chữ của “Lời N ói Đầu”, “Lời Cuối” là hai phần có liên quan với nhau. Vui mừng thay! trong phần đầu được hiểu là lời khai thị của Thế Tôn về Bổn N guyện trong kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ. Lời Phật A Di Đà dạy truyền thừa qua ba quốc gia: Ấn Độ, Trung Quốc N hật Bản[191]. Tuy nhiên, áo nghĩa thâm sâu dường như còn Nn chứa đâu đó, mãi cho đến N gài khi gặp chư vị Tổ Sư dạy dỗ mới có niềm tin Bổn N guyện N iệm Phật, vui mừng cảm niệm ân đức sâu dày của Phật. N hờ duyên ấy N gài tường thuật lại. Hơn nữa, đặc biệt phần sau sách nói về việc gặp ân sư Pháp N hiên Thánh N hơn và được truyền thừa, như trong “Tuyển Chọn Bổn N guyện N iệm Phật” có những hình ảnh mừng vui được họa nên và nhận được. “Giáo Hành Chứng Văn Loại” diễn đạt thật rõ những tư tưởng thâm sâu; cho nên dùng chữ “Khánh Tai” diễn tả thật cảm động khi gặp được sự dạy dỗ của các vị Tổ. Không có bút mực nào diễn tả hết được lòng cảm niệm vô hạn đối với sự cứu độ về Bổn N guyện muốn nghe và được nghe đó.

IV.4.12.2 Hoan Hỷ Và Khánh Hỷ

Ở đây nói đến Thân Loan vui vì cứu được tự thân và niềm vui ấy được chia làm hai phần: Hoan Hỷ và Khánh Hỷ. Dù cho cách nào đi nữa, cả hai từ nầy đều diễn tả trạng thái vui mừng của tâm và thân, song theo “N hứt N iệm Đa N iệm Văn Ý” chữ “Hoan” có

nghĩa là “Vui Mừng Khôn Xiết”[192]. Việc chưa thực hiện được thực hiện, nhất định vui mừng như trường hợp thỏa mãn ước mong. Vấn đề vãng sanh Tịnh Độ là giác ngộ, cho nên không giới hạn trường hợp hoan hỷ, mà đổi chữ “Khánh” giống như sách đã dẫn, nghĩa là: “Mừng về một việc”[193]. N hư vậy với Thân loan, vui vì cốt lõi mọi việc đều thực hiện. Hơn nữa, được nghe Phật Tổ giáo huấn, có niềm tin đối với Bổn N guyện, đem cả thân và tâm niệm Phật, tất nhiên, phải dùng chữ “Khánh” mới bày tỏ hết. Cần nên lưu ý trong “Giáo Hành Chứng Văn Loại” Thân Loan vui tất nhiên dùng chữ “Khánh Hỷ” “vui thay!” hoặc chỉ dùng chữ “Khánh” bày tỏ việc nầy.

Với Thân Loan, không gì bằng niềm vui gặp được bậc Thầy muốn gặp và nghe được lời dạy muốn nghe. Tự mình muốn được nhưng không được, cho nên phải tin vào N hư Lai, để được gia bị và cuối cùng vì chúng sanh cho nên tự mình phải thực hành pháp niệm Phật.

IV.4.13 Sự Thệ N guyện Sâu Dày Của Tâm

Sự thệ nguyện sâu dày của tâm là trồng cây vào đất phật. Vui thay! Tâm ấy được trồng vào đất Phật, qua lời thệ nguyện rộng lớn. N iệm ấy chính là sự lưu lộ vào biển Giáo Pháp, thật khó nghĩ bàn. (Lược bớt phần giải thích theo lối Hán - N hật).

Bây giờ, chúng ta được sanh ra, tâm được gieo trồng vào mảnh đất Bổn N guyện. Khi nghĩ đến, chúng ta thấy giống như nước chảy vào biển cả, chơn lý vượt lên trên mọi giới hạn. Phải biết rõ lòng thương của N hư Lai làm cho chúng ta quy ngưỡng ân đức

giáo dưỡng cao dày của các bậc Thầy nên rất vui mừng, luôn luôn tưởng nhớ ân đức sâu dày thật là thiết tha. (Phần Sau - Thánh Điển – trang 473).

Giải thích: IV.4.13.1 Mừng Về Ân Sư

Phần sau “Giáo Hành Chứng Văn Loại” chép rằng: “Mừng thay” là lời nói về Ân Sư, đó là ân sư Pháp N hiên, vào năm N guyên Cửu[194] thứ 2, lúc Thân Loan 33 tuổi, bởi vì N gài truyền thọ

tập“Cách Tuyển Chọn Bổn N guyện N iệm Phật”. N goài ra, nhận được bức họa của Thầy mình, tường thuật nhiều lần trong sách vở, chính là muốn báo ân một cách hoan hỷ về vấn đề Pháp N hiên khai tâm cho Thân Loan nhập thế giới Bổn N guyện Đại Bi, vốn bị sanh tử che lấp cho nên bị giới hạn. Tư tưởng ứng đáp với Ân Sư trong tác phNm “Giáo Hành Chứng Văn Loại” là những lời Thánh Giáo như châu ngọc đã cho vào đó.

IV.4.13.2 Phật Địa và Pháp Hải (Đất Phật và Biển Pháp)

Ở đây có câu “Tâm trồng vào nơi đất Phật bằng lời thệ nguyện rộng lớn, niệm ấy lưu xuất vào biển pháp thật khó nghĩ bàn”, như trong quyển 3 của “Đại Đường Tây Vức Ký”[195] N gài Huyền Trang nói rằng: “Tâm ấy trồng nơi đất Phật và tình nầy chảy vào biển pháp”. Chữ “Phật Địa” phù hợp với chữ “đứng”, nghĩa ấy dành cho chữ “cây”, nghĩa là trồng cây mà cây đó có gốc rễ ăn sâu vào lòng đất, đứng vững và tồn tại. Tâm của hành giả N iệm Phật giống như cây có gốc rễ ăn sâu vào lòng đất, không lay chuyển. Bổn N guyện N hư Lai cũng đứng vững trên mặt đất, có gốc rễ ăn sâu vào lòng đất và tiếp tục hấp thụ Từ Bi và Trí Tuệ N hư Lai, cho nên nói rằng: “Tâm ấy trồng nơi Phật Địa bởi lời thệ nguyện rộng lớn” là vậy.

“N iệm ấy chảy vào biển pháp khó nghĩ bàn”, theo “Tịnh Độ Văn Loại Tụ Sao” thì “tình ấy chảy vào biển pháp thật khó nghĩ bàn”. Chữ “niệm” cũng như chữ “tình” đều có ý nghĩa giống nhau, vì chúng ta liên tục khởi lên vui lẫn buồn không dứt. “Pháp Hải” là ngôn ngữ biểu hiện lãnh vực chơn lý rộng khắp vô biên như biển cả. Song ở đây có ý nói về lãnh vực Bổn N guyện của Phật A Di Đà cứu độ muôn người rộng rãi bao quát như vậy. N gay cả lúc buồn, lúc chán, lúc giận ghét, thương hờn v.v..., chỉ cần niệm Phật, buồn bực ấy sẽ xua tan niệm tình thể nhập thế giới Bổn N guyện tuôn chảy vào tâm bao la, khiến tự thân thanh tịnh an ổn, thật bất khả tư nghì. Hơn nữa, vui mừng vì đây là ân huệ an ổn dành cho người niệm Phật Bổn N guyện.

IV.4.14 Buồn Thay!

N gu N gốc Thân Loan có phải là kẻ buồn rầu chăng? Vì vẫn đắm chìm trong biển ái dục và bị mê hoặc trong núi Thái Sơn danh lợi, chưa lần nào nhập vào Định Tụ một cách hoan hỷ. (Lược bớt phần giải thích theo lối Hán - N hật).

Thật buồn thay! kẻ dại khờ như Thân Loan nầy vẫn còn chìm đắm trong biển ái, bị chôn sâu trong núi danh dự, mê muội, chưa hoan hỷ tiếp cận giác ngộ chân thật, xấu hổ thay! bi thương thay! (Tín Văn Loại - Thánh Điển – trang 266).

Giải thích: IV.4.14.1 Buồn Cho Phiền N ão

Đây là những câu kết luận ở phần bình giải của "Tín Văn Loại" về đệ tử Phật chơn chánh. Ai tin Bổn N guyện và N iệm Phật được ca ngợi và tán thán rằng sẽ chứng đạt vị Chánh Định Tụ, như địa vị chứng đắc của Bồ Tát Di Lặc, thường nghe những lời Phật dạy, dù cho có đầy đủ công đức vẫn tiếp tục nghe, bởi vì ta[196] là kẻ ngu muội, chỉ toàn những xấu hổ mà thôi.

N hững câu văn ngày ấy vẫn hơn hẳn những câu nói theo phong vị nầy nay về ý nghĩa. Khi đọc những lời ấy thăng trầm nhiều lần, tâm ta cũng dao động không ít đến tâm lo nghĩ của Thân Loan.

N hư vậy, những ai có niềm tin về lời Phật A Di Đà dạy về Bổn N guyện không phải không còn tâm so đo của con người. Có thể nói rằng, Thân Loan là người được gia trì bảo bọc bởi Trí Tuệ của N hư Lai, không chối từ lời nguyện của N hư Lai, giao phó tự thân nầy cho N hư Lai, tâm tự dưng đồng với tâm N hư Lai. Ai có niềm tin vào Bổn N guyện, được nói rằng, sẽ thể nhập Chánh Định Tụ. Mặc dù chúng ta, những kẻ phàm phu dẫy đầy phiền não, còn trong vòng sanh tử, nhưng nhờ ân đức N hư Lai, được tiếp dẫn đến chỗ cao cả, được thâu nhận vào hàng Thánh, làm bạn với các bậc Thánh. Tuy nhiên, Chánh Định Tụ là địa vị mà hành giả Phật Tử chơn chánh tôn kính, biết rõ tự thân mình. N gược lại là lời dụ đừng cho phiền não không khởi lên, tiếp tục tạo ác nghiệp. Với hiện thật tự thần, chẳng biết nơi chấm dứt phiền não, đánh thức tâm bi lụy. Từ đó lời than vãn "buồn thay! xấu hổ thay! thương thay!" khởi lên trong chính mình và xấu hổ thật nhiều.

IV.4.14.2 Xen Kẻ Giữa Buồn và Vui

Thế nhưng, nhìn kỹ lại, thật không phải là những câu văn tối nghĩa và tuyệt vọng, đó chỉ là lời thuật lại đáng lưu ý mà thôi. Thật xấu hổ vì tự thân bị chất độc ái dục và danh dự làm hoen ố rồi, tuy chưa vui để được nhập Chánh Định Tụ. Thật ra, chính không vui ấy là đang ở trong Chánh Định Tụ rồi, dù chưa vui nhưng được cận kề với Tịnh Độ N iết Bàn, điều mà chúng ta rất quan tâm trong cuộc sống và chấp nhận chưa vui từ năng lực Bổn N guyện. Khi xác định gần kề Tịnh Độ rồi, biết rõ niềm vui mà văn chương chuyên chở, một cách tận tường. Ở đó, hiện lên và tỏa rộng ánh sáng hy vọng thật bất khả tư nghì.

Chú thích ở phía trước "Giáo Hành Chứng Văn Loại" cũng như phần Tam Mạt "Lục Yếu Sao " giải thích lời dạy nầy như sau:

"Thành Tri"[197] chính ngôn từ than thở thảm thiết nhưng lại rất hoan hỷ, chỗ xen kẻ giữa buồn, vui. "Bất Hỉ" và "Bất Khoái"[198] biểu hiện lòng thương hại, sự xấu hổ và liễu đạt Chánh Định Tụ nhiều lần, gần với chứng ngộ chân thật. Đó là biểu hiện bí mật tự chứng, không phải là không có niềm hỉ lạc[199].

Thật ra đây là ngôn ngữ than thở đau xót cho thân thể ngu muội của chúng ta, nhưng không phải không có niềm vui. Đây chính là sự biểu lộ tâm tình đang xen giữa buồn, vui, như ánh sáng chiếu vào tâm cảnh mờ. Cũng có người niệm Phật liên tục nhưng vẫn bị phiền não che lấp, gây ra tội chướng sanh tử, giống như ánh sáng của tấm kính chưa hẳn hoàn toàn sáng tỏ như ban ngày.

Cuộc sống chỉ có ý nghĩa khi định hướng vãng sanh Tịnh Độ, vì đó là cánh cửa căn bản mà con người phải đi qua, như ánh sáng chiếu soi vào cuộc sống của con người.

Hành giả N iệm Phật không những chỉ buồn vì kiếp nhân sinh chìm nổi, mà phải tống khứ nó đi; ngược lại trong cuộc sống hằng ngày không phải là niềm vui lúc nào cũng vọt lên mãi mãi. Khi nghe lời dạy của N hư Lai, cứ nghe và đồng thời phải rõ biết biên giới của xấu hổ về tội chướng của mình sâu dày. Vì vậy, đây là phương

diện khai mở thoáng dịu đầy hoan hỷ cho những ai ngưỡng vọng bi nguyện cứu độ kẻ dại khờ. Cả đời người N iệm Phật chẳng qua là đang xen giữa buồn, vui vậy.

[146] Ý nói không mang theo một vật gì cả.
[147] Thánh Điển trang 584
[148] Có nghĩa là Kinh gốc của Tông ấy
[149] Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ - Thánh Điển – trang 18
[150] N guyện của Phật được phát sanh và những điều căn bản
[151] Tức là Kinh nói về N hứt Thừa cứu cánh cao cả.
[152] Ý nói chúng sanh như người đui mù
[153] Thánh Điển trang 9
[154] Ý nói về số nhiều
[155] N ăm trược gồm: Kiếp trược, kiến trược, phiền não trược, chúng sanh trược và mạng trược.
[156] Tham chiếu sách tiếng N hựt nầy trang 123
[157] Tức Tịnh Độ Chơn Tông
[158] Thánh Điển trang 479
[159] KhNu nghiệp công đức.
[160] Huyền N ghĩa Phân – chú thích bản Thánh Điển – biên về Tổ thứ 7- trang 325.
[161] N hiếp Đại Thừa Luận
[162] Danh hiệu ấy được giải thích từ phía Đức N hư Lai.
[163] Tiếng Việt và tiếng Hán gọi là độc nhất vô nhị.
[164] Chữ bối có nghĩa là bực.
[165] Thánh Điển trang 81.
[166] Thánh Điển trang 41. Muốn rõ ràng hơn nên xem lời văn nơi
"Tín Văn Loại".
[167] Thánh Điển trang 678
[168] N ghĩa là chí tâm tin tưởng, muốn sanh về nước ta ..
[169] Thánh Điển trang 231
[170] N am Mô A Di Đà Phật tương đương với Ba Tâm của N hư
Lai.
[171] Thánh Điển trang 522
[172] Chỉ một không hai
[173] Hai loại tin sâu vào cơ duyên và pháp nghi và nội dung chỉ là một Tín Tâm.

[174] Tức là thuyết về việc vãng sanh liền thành Phật.
[175] Hạnh Tây
[176] Long Quán
[177] Thiên Thai Tông gọi là Sơ Trụ Vị
[178] Tức thành Phật
[179] Chứng ngộ ngay tức khắc
[180] Thánh Điển trang 264
[181] Tức 5.670.000 năm
[182] Ý nói nơi Đức Thích Ca đã thành đạo
[183] N ghĩa là liền giống như Đức Di Lặc.
[184] Cùng một thể chứ không hai
[185] Chúng sanh và Phật vốn đồng một thể
[186] Thánh Điển trang 811
[187] Thánh Điển trang 472
[188] N hằm năm 1201
[189] Điều nầy có nghĩa là chuyển hoán thân tâm tự lực và quy nhập vào tha lực
[190] Ở đây ám chỉ Thân Loan là tác giả của N gu N gốc
[191] Dịch giả: Thật ra cả Việt N am, Đai Hàn, Tây Tạng, Bhutan cũng đã có ảnh hưởng rất đậm nét về Tịnh Độ Tông.
[192] Thánh Điển trang 684
[193] Thánh Điển trang 685
[194] N hằm năm 1205
[195] Xem thêm sách nầy của Dịch Giả, xuất bản năm 2004
[196] Ta đây ám chỉ cho Thân Loan
[197] Thành thật rõ biết.
[198] Chẳng vui và chẳng thích
[199] Chơn Tông Thánh Giáo Toàn Thơ – trang 2315
II. N hững Trước Tác Chính Yếu

II.1 Tịnh Độ Thật “Giáo Hạnh Chứng Văn Loại[1]” Tác phNm “N gự Bổn Điển” còn gọi là “Giáo Hành Chứng Văn Loại” cũng gọi là “Giáo Hành Tín Chứng”. N ăm N guyên N hân nguyên niên[2] N gài được 52 tuổi bắt đầu biên soạn tác phNm nầy. Điều chắc chắn tác phNm được biên soạn ở tại Kanto vì sau khi N gài trở về, dù tuổi đã 63 nhưng N gài nhuận văn lại thật gọn gàng lưu loát, có lẽ đến năm N gài 74, 75 tuổi, tác phNm nầy hoàn thành một cách tuyệt hảo. N gay cả, mãi về sau vẫn còn gọt dũa lại những chỗ khác cho tinh tế hơn và kéo dài cho đến năm 80 tuổi. Thế nhưng, ngày nay duy nhất chỉ còn lại có một bản, chính tay N gài chép thờ tại

chùa Đông Bổn N guyện[3]. Đúng ra, nữa đời còn lại của mình, Thân Loan tư duy thật kỹ về N iềm Tín và Hạnh N guyện biên soạn tác phNm nầy. N ói như thế không ngoa chút nào!

Trong đó, giáo nghĩa của Tịnh Độ Chơn Tông trình bày bốn pháp hồi hướng bằng hai loại văn; một loại văn đặc biệt và một thể loại bình giảng để làm rõ nghĩa thêm. Hơn nữa, trong đó, bổn nguyện và cứu độ cuả Phật A Di Đà được biểu hiện qua giáo lý hồi hướng. Có hai loại hình thức hồi hướng đó là: Vãng Tướng hồi hướng và Hoàn Tướng hồi hướng.

Vãng Tướng nghĩa là để được thoát ra cảnh giới mê muội vãng sanh về Tịnh Độ, tất cả chúng ta phải hành bốn pháp Giáo, Hạnh, Tín, Chứng. Còn Hoàn Tướng nghĩa là một khi khởi tâm đại bi, liễu đạt trí tuệ, giác ngộ viên mãn, dù đang Tịnh Độ, thấy sự khổ não của con người, phát nguyện trở lại cứu độ chúng sanh. Có thể nói rằng đó là kết quả huân tập đầy đủ lòng từ sau khi chứng quả. Vì vậy, dù vãng tướng của chúng ta hay hoàn tướng của Bồ Tát ở cõi Tịnh Độ cũng xuất phát từ nguyện lực của Đức Phật A Di Đà mà thị hiện lên. Việc căn bản nhất là chúng ta phải hồi hướng đến bổn nguyện lực của N hư Lai qua hai tướng được chia ra rõ ràng.

N hư "Giáo Hạnh Chứng Văn Loại" cho biết, bổn nguyện của Đức Phật A Di Đà là khuyến tấn chúng sanh mau giác ngộ ra khỏi sanh tử mê lầm. Trước tiên, đức Thế Tôn giảng bổn nguyện của Phật A Di Đà đối với chúng sanh trong mười phương ở trong kinh "Đại Thừa Vô Lượng Thọ" về sau "Giáo Văn Loại" bình giảng giáo lý ấy rõ hơn và hướng dẫn pháp môn niệm danh hiệu "N am Mô A Di Đà Phật" và thực hành một cách chân thật về việc nầy. Tiếp theo "Hành Văn Loại" bình giải thêm và lý giải rằng kẻ phàm phu chỉ niệm Phật nơi miệng, nhưng những kẻ ấy dù không thực hành vẫn được Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn hóa độ. Điều nầy minh chứng hạnh nguyện cao cả và ý nghĩa của N hư Lai.

Không nghi ngờ gì nữa về hạnh nguyện của N hư Lai, cho nên có tín thọ chân thật mới có được lợi lạc. "Tín Văn Loại" cũng có dạy rằng tín tâm từ N hư Lai mà phát sinh cho nên phải có tâm hồi hướng về bản thể, Phật tâm, Đại Bồ Đề Tâm. Hơn nữa đây cũng chính là nhơn giác ngộ và điều nầy hiển bày giáo lý Tịnh Độ qua:

Tín, Tâm, Chứng và N hơn. Đồng thời ai đặt niềm tin vào bổn nguyện mà niệm Phật mỗi khi ngồi xuống, liền được ánh sáng quang minh của Đức Phật A Di Đà đến tiếp dẫn, liên tục hộ trì, sẽ được thành Phật từ thân thể phàm phu nầy và làm bạn với các bực Thánh. Vị trí ấy gọi là "Chánh Định Tụ". Ai đạt được "Chánh Định Tụ" sau khi mạng chung trong đời nầy, liền được Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn về cảnh giới giác ngộ, được vãng sanh về cõi Tịnh Độ chơn thật (báo độ), rốt ráo thành Phật gọi là vãng tướng chứng quả. N hững bậc Thánh hoàn toàn giác ngộ ấy thấy những kẻ phàm phu còn mê mờ như chúng ta liền khởi tâm đại bi để cứu độ gọi là hoàn tướng chứng quả. Điều nầy được ghi rõ trong "Chứng Văn Loại".

Hơn nữa cả hai vãng tướng và hoàn tướng đều phát xuất từ tâm N hư Lai chân thật và trở về với thế giới Tịnh Độ ghi rõ trong tác phNm "Chơn Phật Độ Văn Loại". Giáo lý Phật đà rất chân thật rõ ràng nhưng khi truyền trao qua nhiều thế hệ; không sao tránh khỏi là chỗ dựa của các ngoại đạo tà giáo. Cũng vì ngoại đạo tà giáo ấy cho nên các bậc Tổ Đức mới giảng dạy lý chân thật và dùng những phương tiện có tính cách giáo dục để

hóa độ bằng “Thánh Đạo Môn, Yếu Môn và Chơn Môn”. Ý nghĩa đó chính là quyển “Hoá Thân Độ Văn Loại”.

Tác phNm “Giáo Hạnh Chứng Văn Loại” gồm có Giáo, Hạnh, Tín, Chứng, Chơn Phật Độ, Phương Tiện Hóa Thân Độ gồm 6 quyển phân tích rất rõ ràng về quan điểm Phật giáo và N goại đạo tà giáo để hiển bày Thánh Điển. Phương tiện để hướng dẫn con người bỏ tà về chánh quả là việc làm vô tiền khoáng hậu cho nên sự lập giáo của Tịnh Độ Chơn Tông là xây dựng nền tảng căn bản cho Thánh Điển.

Tác phNm “Hành Văn Loại” và tác phNm cuối cùng “Chứng Tín N iệm Phật Kệ” có 60 hàng gồm 120 bài kệ. N ửa phần trước là Thế Tôn tán dương “Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ” và giáo pháp căn bản thiết yếu. N ửa phần sau là bổn nguyện Đức Phật A Di Đà được minh chứng qua ba nước có ảnh hưởng truyền thống: Ấn Độ, Trung Quốc, N hựt Bổn[4] và bảy vị Tổ: Long Thọ, Thế Thân, Đàm Loan, Đạo Xước, Thiện Đạo, N guyên Tín, N guyên Không giảng giải và liễu ngộ pháp môn Tịnh Độ.

Tác phNm “Giáo Hạnh Chứng Văn Loại” tóm lược tất cả giáo lý Tịnh Độ Chơn Tông, những điều cương yếu và những bài thơ tán thán, ca tụng về giáo nghĩa Tịnh Độ thâm sâu.

II.2 Tịnh Độ Văn Loại Tụ Sao (1 quyển)

Tác phNm “Giáo Hạnh Chứng Văn Loại” gọi là “Quảng Văn Loại” có 6 quyển, còn tác phNm “Tịnh Độ Văn Loại Tụ Sao” nầy chỉ có một quyển mà thôi, cho nên gọi là “Lược Văn Loại” nhưng lại là tác phNm quan trọng. Thật ra nội dung cũng giống như tác phNm “Chơn Phật Độ Văn Loại” và “Hóa Thân Độ Văn Loại” được tóm lược nhiều phần lại. Tuy nhiên những câu văn được dẫn chứng trong đây lại là những câu văn hay và rất quan trọng. Bổn nguyện hồi hướng với hai tướng: vãng tướng và hoàn tướng được trình bày đơn giản nhưng rõ ràng vẫn nội dung là Giáo, Hạnh, Tín, Chứng. Tác phNm “Chánh Tín N iệm Phật Kệ” giống như với “N iệm Phật Chánh Tín Kệ” đã tường thuật ở trên.

Tác phNm “Tín Văn Loại” có 31 câu hỏi đáp giống như những đoạn hỏi đáp đã được trình bày.

Tín tâm của bổn nguyện là sự phát nguyện bằng ba trạng thái tâm Chí tâm, Tín nhạo và Dục sanh (tâm chí thành, tâm thích thú và tâm ưa muốn). N ếu không nghi ngờ nơi bổn nguyện, mà tín thọ một lòng để trở về với ba trạng thái tâm tức là nhứt tâm. Đó chính là pháp nghĩa, có những điểm rõ ràng giống nội dung của “Giáo Hạnh Chứng Văn Loại”.

Tác phNm nầy được hình thành trước hoặc sau để bình giải về “Giáo Hạnh Chứng Văn Loại”. Thật ra, cần có một thời gian khá dài để viết về “Giáo Hạnh Chứng Văn Loại” sau đó thêm bớt, trau chuốt để đi đến chỗ được hoàn hảo. Còn tác phNm nầy chỉ lược thuật về đại cương mà thôi.

II.3 N gu N gốc Sao (2 quyển)

Tác phNm đầu xác định rõ vị trí của Phật Giáo là Chơn Tông và cũng giải thích việc dạy riêng ấy gọi là “nhị song tứ trọng”. Đây là

sự phân chia thành bốn loại: Thụ Siêu (giải thoát thẳng đứng); Thụ Xuất (ra khỏi thẳng đứng); Hoành Siêu (siêu thoát hàng ngang) và Hoành Xuất (ra khỏi hàng ngang). N hững ai dùng tự lực để tỏ ngộ, hoàn thành mục đích của Thánh Đạo, thành Phật ngay bằng thân nầy giống như mở cánh cửa giác ngộ được gọi là tu pháp môn Thụ Siêu (giải thoát ngay). Còn phải trải qua nhiều kiếp tu hành và sau đó mới trở thành bậc Thánh, gọi là tu pháp môn Thụ Xuất (ra khỏi ngay). Thực tế Thụ Siêu là pháp môn, theo lý luận, có khả năng chóng thành Phật. N hưng trên thực tế phải trải qua hằng nhiều kiếp tu hành mới được.

Vãng sanh về cõi Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà và mục tiêu thành Phật là pháp môn Tịnh Độ. N hưng ở trong ấy chỉ có lòng tin về bổn nguyện tha lực để được vãng sanh về báo độ chơn thật. N gồi đó và trở thành Phật mau chóng gọi là pháp môn Hoành Siêu (siêu thoát ngang). Có con đường thành Phật và có phương tiện hoá độ nhưng không được vãng sanh nếu không có tha lực. Tự lực chính là pháp môn Hoành Xuất (ra khỏi ngang). Trong bốn loại Phật đạo nầy, Tịnh Độ Chơn Tông chính là pháp môn Hoành Siêu. Đây chính là ước nguyện thành Phật đối với những kẻ phàm phu còn nhiều phiền não và cũng là việc tối cao duy nhất của Phật giáo. Đó cũng là một sự luận chứng cho việc giải thoát.

Tác phNm sau dẫn dụ về “Quán kinh Sớ” và “Tam Tâm Thích” của Thiện Đạo. Ở đó giải thích một cách rõ ràng rằng người ta có thể khảo sát về Tín tâm và hành nghiệp của Tịnh Độ Chơn Tông một cách tinh tế rõ ràng.

Thật sự, tác phNm nầy được viết vào năm nào không rõ. Vì khi nghe giảng, các đệ tử không ghi chú rõ ràng ngày tháng.

II.4 N hập Xuất N hị Môn Kệ

Trong tác phNm “Tịnh Độ Luận”, Thế Thân giảng về lễ bái, tán thán, phát nguyện, quán sát và hồi hướng. Thân Loan biên soạn về các pháp tự lợi và lợi tha của N gũ N iệm Môn để được năm công đức: Cận Môn, Đại Hội Chúng Môn, Trạch Môn, Ốc Môn và Viên Lâm Du Hý Địa Môn bằng thơ kệ để tán thán 74 hạnh chủ yếu. N gũ N iệm Môn là giải rõ con đường Bồ Tát đạo, nguyện sanh về

Tịnh Độ tự lợi và lợi tha, thế nhưng với Thân Loan, đây chỉ là “nguyện lực thành tựu về N gũ N iệm”. Khi Bồ Tát Pháp Tạng thành tựu pháp tu niệm danh hiệu “N am mô A Di Đà Phật” chúng ta cũng được tự lợi và lợi tha với các đức hạnh ấy. N gũ N iệm Môn và N gũ Công Đức Môn là hai cửa nhập (tự lợi), xuất (lợi tha) gọi là nhị môn. Đức tính ấy được tán thán qua những câu kệ trong “N hập Xuất N hị Môn Kệ”. Thế nhưng không phải chỉ có vậy mà còn kèm theo giải thích lời dạy của Thế Thân và giải nghĩa của Đàm Loan, Đạo Xước và Thiện Đạo, những người kế thừa về sau tiếp tục giải thích để tán dương công đức nầy. Thật sự không rõ tác phNm được tường thuật và trước tác vào năm nào nhưng có thể đoán chắc rằng vào năm Thân Loan vào tuổi 83.

II.5 Tam Thiếp[5] Hòa Tán

Hòa tán có nghĩa là hòa ngữ (tiếng nói thuộc về dân tộc N hật Bản) là những lời thơ ca tán dương công đức Chư Phật. Đặc biệt vào giữa thời kỳ Bình An (Heian) đến thời Kiêm Thương (Kamakura) lưu hành 75 loại, gồm 4 câu một khổ. Kim Dạng (Imango) là những khổ thơ dùng để tán dương công đức chư Phật, trong đó Hòa Tán của Thân Loan là một.

Hơn nữa, Hòa Tán của Thân Loan gọi là "Lời Ca Tụng Dịu Dàng". N gày xưa hầu hết kinh điển đều viết bằng Hán Văn. Chư vị Tổ Sư bình giải thích ra lối văn nhẹ nhàng dễ hiểu. Sự thật, Hòa tán của Thân Loan chắc chắn cũng phải nương vào văn phong của những câu kinh được giải thích ấy.

Hòa Tán của Thân Loan hơn 500 khổ thơ, trong đó có "Tịnh Độ Hòa Tán", "Cao Tăng Hòa Tán", "Chánh Tượng Mạt Hòa Tán" và đặc biệt có "Tam Thiếp Hòa Tán". Trong tu tập hằng ngày, hàng đệ tử của Chơn Tông đều dùng đến những loại nầy. N goài ra, còn có gần 200 khổ thơ Hòa Tán khác dùng để ca ngợi về công đức của Thánh Đức Thái Tử. "Tịnh Độ Hòa Tán" rất hay, "Tán A Di Đà Phật Kệ" của Đàm Loan cũng gọi là "Tán A Di Đà Phật Kệ Hòa Tán". Ba bộ kinh Tịnh Độ được soạn thành hòa tán; đó là "Đại Kinh Tán", "Quán Kinh Tán" và "A Di Đà Kinh Tán". N hững Kinh Điển tán thán Đức Phật A Di Đà như "Chư Kinh Hòa Tán, Hiện Thế Lợi Ích Hòa Tán", "Thế Chí Hòa Tán" v.v..., đều

được tóm gọn lại trong những lời ca tụng ấy. "Cao Tăng Truyện" chính là những pháp nghi của Tịnh Độ Chơn Tông được truyền qua từ Ấn Độ, Trung Quốc, N hật Bản bởi các vị tổ sư như Long Thọ, Thế Thân, Đàm Loan, Đạo Xước, Thiện Đạo, N guyên Tín, N guyên Không với nội dung tán dương công đức chư Tổ. N goài ra, phần sau của "Chánh Tín N iệm Phật Kệ" tán dương ca ngợi rộng rãi bằng lối hòa tán nầy.

"Chánh, Tượng", "Mạt Hòa Tán" khi đức Thế Tôn còn tại thế chia Phật Pháp ra làm ba thời kỳ đó là: Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp. Thời kỳ nầy là thời kỳ Mạt pháp rất hiếm có người tu được chứng quả. Sống trong thời kỳ nầy, chúng ta là những kẻ phàm phu chỉ được cứu độ qua bổn nguyện của Đức Phật A Di Đà mà thôi. Bổn nguyện cứu độ ấy là niềm vui được thân nầy. Vì cảm niệm ân đức cao dày và lòng từ bi vô hạn của N hư Lai; tôn kính ân đức chư vị Tổ Sư Tịnh Độ, N gài đã sáng tác hòa tán để ngưỡng vọng và tán dương.

N ếu còn nghi ngờ về bổn nguyện, có "Giới N ghi Tán"[6]. Tác phNm có 11 khổ tán thán và ngưỡng vọng Thánh Đức Thái Tử gọi là "Hoàng Thái Tử Thánh Đức Phụng Tán". Tất cả điều ngu muội của tự thân và suy đồi của các giới trong Phật Giáo được biểu hiện một cách bi thảm trong "N gu N gốc Bi Thán Thuật Hoài". Trong bản Hòa Tán về Thánh Đức Thái Tử còn thấy sót lại, còn thêm vào "Thiện Quang Tự Hòa Tán" nữa. Tất cả những hòa tán bên trên được gọi là "Chánh Tượng Pháp Hòa Tán". N goài ra, vào năm Văn Minh[7] thứ 5 Liên N hư cho khắc bảng hòa tán "Văn Minh Bản" và cuối cùng là "Tự N hiên Pháp N hĩ" những lời dạy được gọp chung vào thành hai loại hòa tán.

Trong "Tam Thiếp Hòa Tán" gồm "Tịnh Độ Hòa Tán" và "Cao Tăng Hòa Tán" là những tác phNm viết nháp lúc Thân Loan 76 tuổi; nhưng bản "Chánh Tượng Mạt Hòa Tán"

được hình thành vào năm N gài 85 tuổi theo thứ tự thời gian.

II.6 Ba Kinh Tịnh Độ Vãng Sanh Văn Loại (1 quyển)

Tác phNm cũng còn gọi là “Ba Kinh Vãng Sanh Văn Loại” có hai bản lược giảng rộng. Bản giảng rộng có bản đính chánh, tăng thêm

của phần giản lược bớt. Còn Ba Kinh Vãng Sanh gồm có: Đại Kinh Vãng Sanh, Quán Kinh Vãng Sanh và A Di Đà Kinh Vãng Sanh. Đại Kinh Vãng Sanh chính là làm hiển bày pháp nghi của sự chân thật. Quán Kinh Vãng Sanh và A Di Đà Kinh Vãng Sanh là hai bản kinh hiển thị những pháp môn phương tiện.

“Đại Kinh” chính là “Đại Vô Lượng Thọ Kinh”. Đây gọi là Kinh Chân Thật, vì lẽ Đức Thích Tôn giải thích rõ ràng lời thệ nguyện thứ 18 cứu độ chúng sanh, đặc biệt trong đó có bổn nguyện chân thật của Đức Phật A Di Đà. Kinh chân thật nầy thuộc về Giáo, nội dung vượt lên khỏi tư duy của con người, một khi đã tin và niệm danh hiệu Phật A Di Đà tức thời được thành Phật, chắc chắn đạt được ngôi vị Chánh Định Tụ, cuối cùng vãng sanh Tịnh Độ chơn thật và sẽ hoàn thành giác ngộ như Đức Phật A Di Đà. Cũng gọi là N an Tư N ghì Vãng Sanh, bởi vì vượt lên trên trí hiểu biết bình thường và sự suy nghĩ bình thường của con người. Thế cho nên gọi là Đại Kinh Vãng Sanh. N ói rõ hơn, đây chính là hai tướng hồi hướng thuộc bổn nguyện lực gồm vãng tướng hồi hướng và hoàn tướng hồi hướng. N ội dung của vãng tướng hồi hướng là Hạnh, Tín, Chứng như đã được giải thích đơn giản rõ ràng rồi.

Quán Kinh chính là bộ kinh gồm hai phương diện của “Ẩn Ảnh” và “Hiển Thuyết” giống như Đại Kinh về pháp nghi chân thật. “Ẩn” có nghĩa là Nn hình không nói ra. Còn “Hiển” có nghĩa là phơi bày rõ ràng. Khi tâm yên ổn quán niệm về N hư Lai thì gọi là định thiện. Khi tâm tán loạn cần phải dừng những việc xấu ác lại để được thiện chính là hiển bày nguyên nhơn vãng sanh của tán loạn thiện. Đức Thích Ca N hư Lai giải thích rất rõ điều nầy nơi lời nguyện thứ 19, có tính cách giáo dục cho những ai chưa thuần thục và chấp trước vào tự lực của mình. Cả những hành giả tu hành về tán loạn thiện và định thiện bằng sự tự lực khi lâm chung vẫn được chư Bồ Tát đến nghinh tiếp và nương tựa phương tiện hóa độ của Phật mà vãng sanh. Phương tiện hóa độ vãng sanh nầy cũng có thể nói là vãng sanh dưới gốc cây Sa La Song Thọ, nơi hai cây Sa La, chỗ mà Đức Thích Tôn nhập diệt lúc N gài 80 tuổi. Kinh nầy cũng có thể nói là “Quán Kinh Vãng Sanh”. Ở cõi Tịnh Độ cũng thế, Đức Phật A Di Đà vì phương tiện hóa độ để phù hợp với căn cơ trình độ những kẻ chưa thành thục phải hóa hiện ra hóa thân Phật, chẳng phải là Đức Vô Lượng Thọ Phật khi nhập diệt. Điều nầy

giống như Đức Thế Tôn nhập diệt để hóa độ. Sự nhập diệt của N gài như ta thấy là sự vãng sanh mà sự vãng sanh ấy xảy ra nơi Sa La Song Thọ.

Cả Kinh A Di Đà lẫn Quán Kinh đều giống nhau chỗ Nn và hiển. Ẩn hình có nghĩa là chư Phật tán thán việc niệm Phật vãng sanh nhờ vào tha lực. Đây là điều dạy có tính cách bí mật. Còn hiển có nghĩa là dùng tự lực để niệm Phật. Hẳn nhiên, còn nhiều nghi vấn về tự lực niệm Phật và tha lực của bổn nguyện nhưng chính mình cứ nổ lực tu hành qua pháp xưng danh hiệu, qua việc tích chứa công đức và qua công đức niệm

Phật, N hư Lai sẽ đến cứu độ. Đây gọi là sự niệm Phật với tâm nghi ngờ.

Lại nữa với những ai tinh thần được tập trung và tâm không loạn động, phút lâm chung vẫn tiếp tục xưng niệm danh hiệu, chắc chắc được tiếp dẫn vãng sanh về Tịnh Độ theo công đức tu tập dày mỏng qua niềm tin và hạnh niệm Phật. Thế nhưng cõi Tịnh Độ hiện bày trước mắt không phải là cõi Tịnh Độ chơn thật, mà chính đó là hóa thành và thai cung được biểu hiện qua hóa độ. Kẻ vãng sanh qua phương tiện hóa độ chính họ mong muốn Đức N hư Lai trợ giúp giáo hóa; vì chính họ không có khả năng tự lực. Thân Loan gọi sự vãng sanh bằng phương tiện hóa độ nầy là "N an Tư Vãng Sanh"[8] và cũng gọi là "A Di Đà Kinh Vãng Sanh". Khi gặp pháp chơn thật và N am mô A Di Đà Phật là dựa vào tâm bổn nguyện ấy và chính tự lực xưng niệm của kẻ kia được vãng sanh nên gọi là N an Tư N ghì Vãng Sanh và ở đây chữ "N ghì" được lược bớt đi.

Giáo lý chân thật của Tịnh Độ Chân Tông và giáo lý phương tiện hóa độ được trình bày lại một cách dễ hiểu qua "Giáo Hạnh Chứng Văn Loại" gồm năm quyển phía trước. Đồng thời "Đại Kinh Vãng Sanh" cũng được tóm tắt nội dung trong tác phNm "Hóa Thân Độ Văn Loại" cũng như được giải thích rõ ràng ở các kinh "Quán Kinh Vãng Sanh" và "A Di Đà Kinh Vãng Sanh".

II.7 Tôn Hiệu Chơn Tượng Minh Văn (2 quyển)

"Tôn Hiệu Chơn Tượng Minh Văn" là bình giảng rộng hơn của hai tác phNm "Tôn Hiệu" cũng có nghĩa là "Danh Hiệu". "Chơn

Tượng" giải thích những bức tượng của chư vị Tổ sư vẽ bằng mực và "Minh Văn" là những bài viết bên trên hay bên dưới những bức họa trong đó có những bài văn và kinh luận nhằm để tán thán ca ngợi chư vị Tổ sư, như dưới các bức họa của Long Thọ và Thế Thân. "Tôn Hiệu Chơn Tượng Minh Văn" là những lời giải thích một cách đơn giản dễ hiểu tập trung những lời văn ca tụng ở dưới những bức họa ấy.

"Tôn Hiệu" cũng được hiểu là chính Thân Loan nói trong "N gu N gốc Thân Loan Kính Tín Tôn Hiệu" Bản thân Thân Loan kính tín bổn tôn và tôn xưng bổn tôn ấy nên viết "Danh Hiệu Bổn Tôn". Thân Loan tự tay mình viết danh hiệu bổn tôn gồm 10 chữ đó là "Quy Mệnh Tận Thập Phương Vô N gại Quang N hư Lai" và 8 chữ: "N am Mô Bất Khả Tư N ghì Quang Phật" hoặc 6 chữ: "N am Mô A Di Đà Phật" vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Thế nhưng ở đây còn thấy được thêm về những chú thích của minh văn nữa. Chắc rằng 10 chữ được truyền lại ở chùa Chuyên Tu thuộc Bổn Sơn Takada minh chứng cho điều ấy. Thế nhưng chân tượng lại chỉ cho cái gì đó thật ra không ai rõ, hoặc giả trong đó có thể hiểu là những bài viết hoặc bức họa thuộc Quang Minh Bổn Tôn chăng? Thế nhưng có một đoạn chú thích ở "Hòa Triều N gu N gốc Thích Thân Loan Chánh Tín Kệ Văn" và "Chánh Tín Kệ" cũng có thể là bức vẽ vào lúc N gài đã 83 tuổi gọi là "An Thành N gự Tượng" hình nầy có thể thuộc về hệ thống ấy.

Tác phNm nầy tóm lược còn một quyển và bản lớn có hai quyển được tăng thêm và bản lược không còn nữa như "Thủ Lăng N ghiêm Kinh" và "Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận" cùng với "Tịnh Độ Luận" và những bài văn lễ tán dương công đức Thánh Đức Thái Tử. Hiện còn đúng dấu tích là bản lược lúc N gài 83 tuổi, giống như chân tích của bản lớn

vào năm N gài 86 tuổi.

II.8 N hứt N iệm Đa N iệm Văn Ý

Với Thân Loan - Văn ý gồm hai tác phNm "N iệm Đa N iệm Văn Ý" và "Duy Tín Sao Văn Ý". Quyển đầu giải thích những thể tài trong quyển "N hứt N iệm Đa N iệm Phân Biệt Sự" của Loan Khoan và quyển sau là "Duy Tín Sao" của Thánh Giác. Vì hai tác phNm nầy dùng ý văn để bình chú những quyển trên nên gọi là "Văn Ý".

Thân Loan, học trò của Pháp N hiên cho nên đặc biệt đối với hai tác giả trên, rất tôn kính vì chân ý của Pháp N hiên được truyền trì lại. N hững thư từ sách vở của hai vị nầy được những học trò đệ tử giữ gìn rất trang trọng. Đương thời "N hứt N iệm Đa N iệm" được bàn luận rất sôi nổi. Hơn nữa có sự phê bình rất cao về tín tâm của bổn nguyện cũng như phương pháp tiếp nhận pháp môn niệm Phật được những môn đệ ở Kanto viết rất rõ trong "N hứt N iệm Đa N iệm Phân Biệt Sự". Trong đó, cũng có trích dẫn những lời văn chú thích của các kinh và được thêm vào trong tác phNm nầy.

Thế nhưng, khi xem nội dung nửa phía trước của "N hứt N iệm, Đa N iệm" cũng không khác mấy với sự quyết định vãng sanh với một niệm được chứng minh qua 14 chữ. Đặc biệt, Pháp N hiên hay Long Khoan chẳng những không buông bỏ niềm tin của một niệm mà còn tin mạnh hơn nữa. Họ giải thích rõ ràng hơn về quan điểm "Hiện Sanh Chánh Định Tụ" mà tư tưởng và vị trí của Thân Loan được biết rõ tại điểm quan trọng nầy. N ửa phần sau của "Đa N iệm" cũng nói về đa niệm vãng sanh, chẳng sai biệt tí nào. Với việc nầy, lấy ra 8 chữ để chứng minh. N hư vậy từ Thân Loan, sự truyền thừa về những pháp nghĩa của việc chuyên tu niệm Phật dầu là "N hứt N iệm Vãng Sanh" có phủ định về đa niệm vãng sanh và ngược lại đa niệm vãng sanh cũng có phủ định nhứt niệm vãng sanh; nhưng đó là điều chẳng phải đáng nói mà nhứt đa (một hay nhiều) cũng mang được bổn nguyện của kẻ tín tâm niệm Phật và việc nầy Pháp N hiên đã kết luận nơi "N iệm Phật Vãng Sanh" rồi.

Bản viết tay nguyên thỉ của Thân Loan là bản còn giữ lại được nơi Đông Bản N guyện Tự (Higashi Honganji). Đó chính là lúc 85 tuổi vào năm Khang N guyên[9] thứ II viết ra. Thế nhưng đến năm Kiến Trường thứ 8 dưới hình của Tánh Tín (Thiện Loan nghĩa tuyệt trạng)[10] đã được viết ra. Đây chính là được viết trước đó, phải rõ như vậy. Đối với sách nầy "N hứt N iệm Đa N iệm Chứng Văn" là tựa sách được viết vào thời Thất Đinh và tên gọi nầy chỉ có một quyển mà thôi.

II.9 Duy Tín Sao Văn Ý (1 quyển)

Một trong những cao đệ thuộc hàng đệ tử lớn của Pháp N hiên là Thánh Giác (Seikaku), người trích dẫn và chú thích những bản kinh trọng yếu trong "Duy Tín Sao". Khi Thân Loan còn ở Kanto, Thánh Giác trực tiếp viết quyển "Duy Tín Sao" nầy và gởi cho Thân Loan. Thỉnh thoảng các môn đệ ở Kanto cũng đọc và viết trả lời lại. Thực sự, các môn đệ của Thân Loan đọc rất nhiều lần và thuộc làu tác phNm nầy. Bởi vì "Thán Dị Sao" những lá thơ họ viết đều có phần nào ảnh hưởng tác phNm nầy.

Về chú thích - đầu tiên nói về tựa đề “Duy Tín Sao”. Vì đây là một tác phNm nhằm giải thích tỉ mỉ những câu văn đã được trích dẫn, mà những trích dẫn ấy là những câu văn trong “N gũ Hội Pháp Sự Tán” của Pháp Chiếu (Hotsusho), “Văn Pháp Sự Tán” của Thiện Đạo và kinh văn của ba tâm thuộc “Quán Kinh”. “Tán Thiện N ghĩa” của Thiện Đạo. Có những câu văn chú thích thật chân thành như trích dẫn văn của Từ Mẫn (Jimin) trong “N gũ Hội Pháp Sự Tán”. Văn nguyện thứ 18 trong “Đại Kinh”; văn thuộc về phi quyền phi thật trong “Pháp Hoa Kinh”. Còn lấy từ cách hành văn của “Quán Kinh” tiếp tục giải thích để trở thành “Duy Tín Sao”. Chính Thân Loan thấy biết rõ ràng trong “Tôn Hiệu Chơn Tượng Minh Văn” và “N hứt niệm Đa N iệm Văn Ý”. Có thể đây là những Thánh giáo quan trọng thuộc về tư tưởng tín ngưỡng của Thân Loan khi tuổi về già.

Hiện còn bút tích được lưu giữ tại chùa Chuyên Tu thuộc Bổn Sơn Takada cho biết vào ngày 11 tháng giêng năm Khang N guyên thứ 2 và cùng năm ấy ngày 27 tháng giêng, Thân Loan đã 85 tuổi mới viết sách nầy. Thế nhưng năm Kiến Trường thứ 2, lúc ở tuổi 78, bản chánh được viết rồi và đó chính là bản viết tay cũ nhất. Việc tuyển thuật được ghi lại như trên.

II.10 Thân Loan Thánh N hơn N gự Tiêu Tức (1 quyển)

Thân Loan những năm về già ở Kanto được các môn đệ các nơi thu thập những pháp ngữ và những thư từ liên quan đến đời sống gom thành nhiều loại cho đến mãi một thời gian sau khi N gài mất việc gom góp, biên tập ấy vẫn tiếp tục. Trong đó gồm có “Thân Loan Thánh N hơn N gự Tiêu Tức Tập” 18 hạng mục. Bản của Thiện Tánh (Zensho) về “N gự Tiêu Tức Tập” 6 hạng mục. “Huyết

Mạch Văn Tập” 5 hạng mục. “Hiển Trí Thượng N hơn Thơ Tả Tiêu Tức” 2 hạng mục. “Mạt Đăng Sao” 22 hạng mục v.v... Đó là những tác phNm chính. Gần đây đã công bố những lá thư viết tay của Thân Loan và những bản cũ nhất như “N guyên Điển Bản Thánh Điển” (tức Tịnh Độ Chơn Tông Thánh Điển N guyên Điển Bản) gồm 43 hạng mục để góp vào “Thân Loan Thánh N hơn N gự Tiêu Tức” mà đã thu nhập và biên tập thêm vào. Dĩ nhiên ở đây cũng giống như bản “Chú thích Bản Thánh Điển”.

Qua phần Tiêu Tức và Pháp N gữ ấy những môn đệ ở Kanto cho thấy về những trạng huống và những hình ảnh nổi trôi ghi rõ những hành động và tín tâm của Thân Loan khi tuổi đời xế bóng. Đối với sự kiện Thiện Loan, trong môn đệ của họ nổi loạn như thế nào và ý nghĩa của việc xử phạt bằng cách Thân Loan dứt tình cha con với Thiện Loan, khổ sở biết bao. N hững điều nầy được làm sáng tỏ qua thơ văn viết lại về đời sống của Thân Loan. N goài ra lúc 86 tuổi, qua ngôn ngữ trí tuệ ở tại Hạ Dã Cao Điền (Shimotsuke) nói pháp trong “Tự N hiên Pháp N hĩ” và đây cũng là những lời dạy gần gũi sâu xa nhất đối với Tịnh Độ Chơn Tông.

II.11 Huệ Tín N i (Eshinni) Tiêu Tức (1 quyển)

Một năm sau kể từ khi Thân Loan viên tịch, Huệ Tín, người bạn đời của N gài, nhận được tất cả 8 lá thơ từ Giác Tín, người con gái út và biên tập tập sách nầy trong vòng 6 năm, kể từ năm Hoằng Trường[11] thứ 3 cho đến năm Văn Vĩnh[12] thứ 5. N goài ra,

Huệ Tín cũng soạn hai lá "Hộ Trạng" và "Đại Kinh" bằng lối đọc theo âm N hật Bản (Hiragana), mà trong "N guyên Điển Bản Thánh Điển" có lược qua. N ói chung tất cả đều còn giữ lại bản chính tại chùa Tây Bổn N guyện (N ishi Honganji).

N ăm Kiến Trường thứ 6, 7 Thánh N hơn 82, 83 tuổi, Huệ Tín cũng đã già, bà giã từ Kyoto lui về Việt Hậu (Etsugo) sống chung với bốn người con gái. Cuối cùng, bà mất tại nhà của Tiểu Hắc (Oguro), người con gái. Bà được cấp đất đai để ở nhưng con cháu còn lại chẳng được nuôi dưỡng nên người.

Trong thư, Giác Tín báo cho bà biết thân phụ Thân Loan đã vãng sanh. N hững ngày sau đó, bà bắt đầu biên soạn từng phần cuộc đời bà. Đầu tiên, bà xác chứng đời Thân Loan thật là ý nghĩa.

Thứ nhứt, khi ở tại Tỷ Duệ Sơn và lúc ra khỏi Lục Giác Đường tham học, Thân Loan mộng thấy Pháp N hiên nên Thân Loan hồi tâm. Đây gọi là điểm chính nổi bật về niềm tín của Thân Loan.

Thứ hai, lúc ở tại Thường Lục, bà thường mộng thấy Pháp N hiên là hóa thân của Bồ Tát Đại Thế Chí và Thân Loan là hóa thân của Bồ Tát Quan Âm và giữ kín giấc mộng vì tin rằng Thân Loan chính là hóa thân của Bồ Tát Quan Âm, về sau, bà có cho con gái biết.

Thứ ba, vào năm Khoán Hỉ[13] thứ 3 Thân Loan 59 tuổi bị bịnh vì 17 năm trước, vào năm Kiến Bảo[14] thứ II lúc 42 tuổi ở tại Thượng Dã Quốc Tá Quán (Kozuke Kuni Sanuki), N gài có phát nguyện đọc tụng 1000 bộ của ba bộ kinh, nhưng chỉ trong 4 đến 5 ngày sau nghĩ lại và dừng nghỉ.

Hẳn nhiên, trong đó bà cũng ghi lại tại sao Thân Loan ngừng việc đọc tụng kinh điển; tại sao rời Thường Lục về Kanto; ai mời ngài v.v..

N goài ra, qua cuộc đời Huệ Tín, chúng ta thấy bà chính là người niệm Phật rất thâm tín và đồng thời qua ngòi bút của bà, chúng ta biết rõ cả mẹ lẫn con gái đều trải qua cuộc đời tình ái thật đẹp.

II.12 Thán Dị Sao (1 quyển)

"Thán Dị Sao" do Duy N hiên (Yuien), một trong những đệ tử biên soạn tại Thường Lục thuộc Hà Hòa Điền. Sau khi Thân Loan mất, có nhiều dị nghị phát sanh ở trong hàng đệ tử. Để trấn tỉnh và an tâm họ, Duy N hiên biên soạn thán nầy. Đây là những pháp ngữ soạn ra để nói rõ niềm tin về tha lực của Thân Loan, ngõ hầu giúp kẻ hậu học lấy làm kim chỉ nam, như được tường thuật nơi lời nói đầu.

Bản văn chính chia ra 18 điều. N ửa phần trước có 10 điều ghi lại những pháp ngữ (lời giáo huấn) của Thân Loan. N ửa phần sau là những đoạn ngắn có 8 điều còn lại, trích ra những phê phán và dị nghị của người đương thời. N hững lời giáo huấn của Thân Loan ở nửa phần trước là tiêu chuNn song nửa phần sau là những lời than thở dị nghị và phê phán mà thôi. Song phần nửa sau cũng có ghi lại pháp ngữ của Thân Loan.

Tóm lại: “N iềm tín của Thân Loan cũng là niềm tin của Pháp N hiên. Tuy hai nhưng là một”. Đồ chúng của Pháp N hiên bàn luận xôn xao về tín tâm giống hay khác. N hưng cuối cùng đi đến hai việc rất tâm đắc đó là: tín ngưỡng phụng trì Thánh Giáo và kính ngưỡng của Thân Loan. Theo tôi nghĩ (tác giả Kakehashi) cả hai giống nhau không khác tí nào đó là từ bi chân thành và cứu độ chân thật. Hầu như cả hai đều tràn đầy tâm đại bi trong bổn nguyện và chí thành chí kính niệm Phật. Bản văn nầy được viết xong với những bản phụ khác vào thời kỳ pháp nạn điên đảo dưới thời Thừa N guyên.

[1] Gồm 6 quyển
[2] N ăm 1224
[3] Higashi Hongaji
[4] Dịch giả: thiếu Việt N am và Đại Hàn
[5] Chữ thiếp có nghĩa là lấy lụa để viết chữ vào lụa. Vì ngày xưa chưa có giấy.
[6] Giới nghĩa là giải thích cặn kẻ về những điều nghi ngờ
[7] N hằm năm 1473
[8] Vãng sanh khó nghĩ bàn
[9] N hằm vào năm 1257
[10] Thơ gởi cho con trai là Thiện Loan, đoạn tuyệt tình nghĩa cha con.
[11] N hằm năm 1263
[12] N hằm năm 1268
[13] N hằm vào năm 1231
[14] N hằm vào năm 1214

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.